

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 223 – Chúa nhật 25.05.2014

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

| | |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Thánh Nhạc | Vatican 2 |
| NGƯỜI CHO CHÚNG TA LÝ DO ĐỂ HY VỌNG | Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD. |
| "KHI ĐẤT NƯỚC TÔI THANH BÌNH..." | Lm. Vĩnh Sang, DCCT |
| BÀI GIÁO LÝ CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ ƠN HIỆU BIẾT .. | Phaolo Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ |
| Hành động thống hối? | Lm. Stephano Huỳnh Trụ |
| Các bí tích của Giáo Hội Công Giáo có nguồn gốc Kinh Thánh không? .. | Lm. PX. Ngô Tôn Huân |
| ĐÓ LÀ LỜI CHÚA (tiếp theo) | Gs. Trần Văn Toàn |
| "TA LÀ" (EGÔ EIMI) TRONG TIN MỪNG GIO-AN..... | Lm. Jos. Lê Minh Thông, OP. |
| CÁI CHẾT LÀM RUNG CHUYỂN ĐỊA CẦU (tiếp theo) | Nhà Văn Hương Vĩnh. |
| BÍ QUYẾT TRUNG TÍN VÀ THÀNH CÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỬ VỤ LINH MỤC (I) | |
| | Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss. |
| THUỐC VỠ | Bác Sĩ Nguyễn Ý- Đức, MD. |
| MÈO 2 - | CHUYỆN PHIÊM CỦA GÃ SIÊU. |

Thánh Nhạc

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế

Về Phụng Vụ Thánh

Sacrosanctum Concilium

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương VI

Thánh Nhạc

112. Giá trị của thánh nhạc. Truyền thống âm nhạc của toàn thể Giáo Hội đã kiến tạo nên một kho tàng vô giá, vượt hẳn mọi diễn tả nghệ thuật khác, nhất là vì điệu nhạc thánh đi liền với lời ca, góp phần cần thiết hoặc trọn vẹn trong phụng vụ trọng thể.

Thực vậy, không những Thánh Kinh ¹ mà cả các Giáo Phụ và các Đức Thánh Cha đã khen ngợi những bản thánh ca, nhất là các Đức Thánh Cha trong những thời đại gần đây, tiên phong là Đức Piô X, đã làm sáng tỏ rõ ràng hơn vai trò của Thánh Nhạc trong phụng vụ.

Do đó Thánh Nhạc càng liên kết chặt chẽ với hoạt động phụng vụ bao nhiêu thì càng thánh hơn bấy nhiêu. Thánh Nhạc vừa phát triển lời cầu nguyện một cách dịu dàng hơn, vừa cổ võ sự đồng thanh nhất trí, lại vừa làm cho các nghi lễ thêm phần long trọng. Do đó, Giáo Hội chuẩn nhận và cho dùng vào phụng vụ tất cả mọi hình thức nghệ thuật đích thực, miễn là có những đặc tính cần thiết.

Vì thế, trong khi vẫn duy trì những qui tắc, luật lệ của truyền thống và qui luật trong Giáo Hội, cũng như nhằm mục đích của Thánh Nhạc là làm vinh danh Chúa và thánh hóa các giáo hữu, Thánh Công Đồng đã ấn định những điều sau đây.

113. Thánh nhạc trong phụng vụ. Hoạt động phụng vụ mang một hình thức cao quý hơn khi các việc phụng vụ được cử hành một cách long trọng, với tiếng hát do các thừa tác viên có chức thánh chủ sự và giáo dân tích cực tham dự.

Còn về ngôn ngữ được sử dụng, hãy theo qui tắc khoản 36: về Thánh Lễ, khoản 54; về các Bí Tích, khoản 63; về Kinh Nhật Tụng, khoản 101.

114. Kho tàng Thánh Nhạc. Phải hết sức lo lắng duy trì và cổ võ kho tàng Thánh Nhạc, phải nỗ lực đào tạo các ca đoàn, nhất là ở các nhà thờ chánh tòa. Về phần các Giám Mục và mục tử khác có nhiệm vụ coi sóc các linh hồn, hãy nhiệt tâm lo lắng để trong bất cứ nghi lễ nào có hát, tất cả cộng đoàn tín hữu đều có thể tham dự một cách linh động vào những phần dành riêng cho họ, theo qui tắc khoản 28 và 30.

115. Huấn luyện thánh nhạc. Phải chú trọng đến việc huấn luyện và thực tập âm nhạc trong các Chủng Viện, các tập viện cũng như các học viện của các Dòng Tu nam nữ, và cả trong những học viện và học đường công giáo khác. Vì thế, để đảm nhiệm công việc đào tạo ấy, cần phải quan tâm đến việc huấn luyện những giáo sư có nhiệm vụ dạy Thánh Nhạc.

Ngoài ra, nếu tiện, rất nên thành lập những Viện Cao Đẳng Thánh Nhạc.

Hơn nữa, các nhạc sĩ, ca sĩ, nhất là các thiếu nhi, cũng phải được huấn luyện cho có đủ căn bản phụng vụ.

116. Bình ca và nhạc đa âm. Giáo Hội nhìn nhận bình ca là lối hát riêng của phụng vụ Roma; vì thế, trong các hoạt động phụng vụ, bình ca phải chiếm một địa vị chính yếu giữa những loại ca khác.

Không hẳn là loại trừ các loại Thánh Nhạc khác, nhất là loại đa âm, trong những khi cử hành các việc phụng vụ, miễn là đáp ứng được tinh thần của hoạt động phụng vụ theo qui tắc khoản 30.

117. Sách hát bình ca. Phải hoàn thành việc ấn loát bản mẫu các sách hát bình ca; ngoài ra, đối với các sách đã được ấn hành sau cuộc canh tân của Thánh Piô X, cũng phải có một ấn bản được nghiên cứu cẩn thận hơn.

Cũng nên lo ấn hành một loại sách hát gồm những âm điệu đơn sơ hơn để dùng trong các nhà thờ nhỏ.

118. Thánh ca bình dân. Thánh ca bình dân phải được khéo léo cổ võ để tín hữu có thể ca vang lên tiếng hát trong những việc đạo đức thánh thiện cũng như trong chính hoạt động phụng vụ, theo những qui tắc và chỉ thị của chữ đỏ.

119. Nhạc dân tộc. Ở một vài miền, nhất là các xứ Truyền Giáo, có những dân tộc sẵn có một truyền thống âm nhạc riêng; nó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo và xã hội của họ. Tại những nơi này, phải quý trọng âm nhạc ấy đúng mức, và dành cho nó một địa vị

thích hợp, trong khi đào tạo cho họ có một quan niệm tôn giáo, cũng như thích ứng năng khiếu của họ vào việc phụng tự, theo tinh thần khoản 39 và 40.

Do đó, trong khi huấn luyện âm nhạc cho các vị thừa sai, phải hết sức lo lắng để họ có thể phát triển truyền thống âm nhạc của các dân tộc này, được chừng nào hay chừng đó, trong các trường học cũng như trong các hoạt động phụng vụ.

120. Đại phong cầm và các nhạc khí khác. Trong Giáo Hội La tinh, đại phong cầm phải hết sức quý trọng, vì là một nhạc khí cổ truyền mà âm thanh có thể thêm vẻ huy hoàng kỳ diệu cho các nghi lễ, lại có hiệu lực nâng cao tâm trí lên cùng Chúa và những sự trên trời.

Còn các nhạc cụ khác, cũng được phép dùng vào việc phụng tự tùy theo phán đoán và phê chuẩn của Thẩm Quyền địa phương theo quy tắc khoản 22-2, 37 và 40, miễn là đã thích hợp hoặc có thể thích hợp để dùng vào việc thánh, xứng đáng với vẻ tôn nghiêm của thánh đường, và thực sự giúp cảm hóa các tín hữu.

121. Sứ mạng các nhà sáng tác nhạc. Các nhạc sĩ thẩm nhuần tinh thần Kitô giáo hãy ý thức rằng mình được kêu gọi phải trau dồi Thánh Nhạc và phát triển kho tàng thánh nhạc đó.

Họ hãy sáng tác những bản có cung điệu thánh nhạc thực sự, để không những các ca đoàn lớn có thể hát được mà còn hợp với cả ca đoàn nhỏ, giúp cho toàn thể cộng đoàn tín hữu cũng có thể tham dự một cách linh động.

Còn lời thánh ca phải thích hợp với giáo thuyết công giáo và tốt hơn cả là rút ra từ Thánh Kinh và các nguồn mạch phụng vụ.

Chú Thích:

1 Xem Eph 5,19; Col 3,16. ([Trở lại đầu trang](#))

VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI CHO CHÚNG TA LÝ DO ĐỂ HY VỌNG



CHÚA NHẬT VI PHỤC SINH NĂM A

(Cv 8:5-8,14-17; 1Pr 3:15-18; Ga 14:15-21)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Sáu chương đầu tiên của sách Tông Đồ Công Vụ nói cho chúng ta biết lịch sử thành lập Giáo Hội đầu tiên ở Jerusalem. Trong bài đọc I hôm nay (Cv 8:5-8, 14-17) và qua những câu Cv 10: 44-48 & Cv 19:1-6, thánh Luca đã phân biệt giữa bí tích Thanh Tẩy nhân danh Chúa Giesu và sự tiếp nhận chúa Thánh Thần. Trong mỗi trường hợp, Chúa Thánh Thần được ban cho đều phải thông qua một số trong 12 tông đồ như Phero và Gioan hoặc người đại diện như Phaolo. Đây là cách có vẻ hay nhất mà Luca dùng để diễn tả nhiệm vụ của Giáo Hội trong việc cầu xin ơn Chúa Thánh Thần. Những chỗ khác trong sách Tông Đồ Công Vụ, bí tích Thanh Tẩy và Chúa Thánh Thần lại liên kết mật thiết với nhau (Cv 1:5; 11:16).

Vậy chúng ta học hỏi được gì từ cảm nghiệm này? Bản văn của Luca trong Tông Đồ Công Vụ nói rõ ràng tặng phẩm Chúa Thánh Thần không phải là một đặc ân cá nhân. Tuyên xưng Kinh Thánh cũng không đơn thuần là do có óc thông minh hiểu biết, mà là một tiến trình hiểu biết do cảm nghiệm về đức Giesu thành Nazareth, đáng đã chết trên thập giá và phục sinh. Không một trở ngại nào -dù là bất toàn thể xác, chủng tộc hay địa dư xa vời- có thể đặt con người ra ngoài ơn gọi cứu chuộc của Tin Mừng. Thiên Chúa đã tích cực hoàn thành trọn vẹn mục đích của ngài vì phạm vi hoạt động của sứ mạng Giáo Hội (Lc 24:47; Cv 1:8). Chúa Giesu để mắt đến tất cả những ai có khả năng làm chứng nhân và làm tất cả mọi sự để huấn luyện họ, thêm sức mạnh cho họ rồi sai họ đi muôn nơi trên khắp các nẻo đường để rao truyền Lời Chúa.

TÔN THỜ ĐỨC KITO LÀ THIÊN CHÚA NGỰ TRONG LÒNG

Bài đọc 2 thư thánh Phero (1Pr 3:15-18) nhắc nhở chúng ta là nhờ đức Kito chịu đau khổ và chịu chết mà người công chính cứu giúp kẻ bất lương (1Pr 3:18); nhờ sự phục sinh, Người lấy lại đời sống mới trong Chúa Thánh Thần rồi thông phần cho các tín hữu qua bí tích thanh tẩy rửa sạch mọi tội lỗi. Như gia đình ông Noah được cứu khỏi cơn hồng thủy thì người Kito hữu cũng được cứu rỗi qua nước của bí tích Thanh Tẩy (1Pr 3:19-22). Từ đó họ không cần chia sẻ sự sợ hãi của những kẻ tội lỗi nhưng lại vui mừng trong đau khổ vì họ hy vọng trong chúa Kito. Sự vô tư hiền hòa của họ sẽ làm cho những kẻ cáo buộc họ phải thất vọng (1Pr 3:13-16; Mt 10:28; Rm 8:35-39).

Lời thánh Phero nói với các tín hữu Giáo Hội sơ khai hơn 2 ngàn năm xưa mà nay vẫn còn vang vọng mạnh mẽ nơi chúng ta (1Pr 3:15ff): *“Hãy tôn thờ đức Kito là Thiên Chúa ở trong lòng anh em. Hãy luôn luôn sẵn sàng cắt nghĩa cho bất cứ ai hỏi anh em lý do anh em hy vọng, nhưng hãy trả lời một cách hiền hòa và tôn kính với lương tâm trong sáng. Như vậy khi anh em bị người ta phỉ báng, nói xấu vì anh em làm việc thiện trong chúa Kito thì chính họ sẽ bị xấu hổ.”*

Lý do chúng ta hy vọng là gì? Tôi xin phép được nhắc lại một phần bài giảng của Biển Đức XVI trong ngày lễ thánh Phero và Phaolo tông đồ ở Rome hôm 29-6-2009:

*“Rất vắn gọn, tôi muốn lưu ý anh chị em về hai xác quyết khác trong thư 1 của thánh Phero liên quan đến chúng ta đặc biệt thời đại hiện nay. Trước hết có một câu mà ngày nay chúng ta lại khám phá ra, dựa vào căn bản đó mà các thần học gia thời Trung Cổ hiểu biết bản phận là thần học gia của mình: “...Tôn thờ đức Kito làm Chúa ngự trong lòng người. Hãy luôn luôn sẵn sàng cắt nghĩa cho bất cứ ai yêu cầu lý do mà các người hy vọng” (3:15). Niềm Tin Kito giáo là Hy Vọng. Nó lót đường cho chúng ta đi tới tương lai. Nó là hy vọng có đầy đủ lý lẽ của nó, một hy vọng mà chúng ta có thể và cần phải cắt nghĩa. Niềm Tin đến từ “**Lý Chứng đòi đời**” đã đi vào thế giới chúng ta và chứng tỏ cho chúng ta là Thiên Chúa thật. Niềm Tin vượt quá khả năng của*

lý trí của chúng ta, cũng như tình yêu nhìn rõ tỏ mọi sự hơn là đơn thuần thông minh. Nhưng Niềm Tin nói với lý trí và trong cách biện chứng nó cũng phù hợp với lý trí. Nó không trái ngược với lý trí mà còn bảo tồn lý trí và vượt quá lý trí để đưa chúng ta đến với Lý Chứng vĩ đại hơn của Thiên Chúa.

“Là mục tử của thời đại, chúng ta có bốn phận trước hết phải hiểu rõ lý do của niềm tin. Bốn phận của chúng ta không phải chỉ đơn thuần giữ nó như một truyền thống mà phải nhận biết nó như những giải đáp cho những câu hỏi mà người ta chất vấn chúng ta. Niềm tin đòi hỏi sự cộng tác hữu lý của chúng ta, được ăn sâu và thanh hóa trong việc chia sẻ tình yêu. Nó là một trong những bốn phận của người mục tử, là thấm nhuần niềm tin vào ý nghĩ, khả dĩ có thể biểu lộ lý lẽ chúng ta hy vọng trong những cuộc tranh cãi của thời đại chúng ta.”

TÂN TRẠNG SỰ Ở GIỮA CHÚNG TA

Trong Tin Mừng Gioan, ý nghĩa tiếng ‘mát’ trong số các môn đệ thì đã rõ ràng khi đức Giesu chuẩn bị xa lìa họ. Phero hỏi Chúa: “Thầy sẽ đi đâu?” (Ga 13:36) và “Thưa Thầy, tại sao tôi không thể đi theo Thầy ngay bây giờ?” (Ga 13:37). Đến điểm tột cùng này Chúa đã trả lời: “Nếu anh em yêu mến thầy thì anh em sẽ giữ những giới răn của thầy. Và khi thầy xin Cha thầy thì Ngài sẽ ban cho anh em một tân trạng sự là chúa Thánh Thần của sự thật, mà trần gian không biết, nhưng sự hiện diện của ngài ẩn hiện nơi các môn đệ (Ga 14:17). Lúc đó nền tảng của sự tin tưởng của chúng ta sẽ được Chúa Thánh Thần hướng dẫn.

Danh từ trạng sự dịch từ tiếng “paraclete” là tiếng Hy Lạp có liên quan đến luật pháp, có nghĩa là trạng sự hay luật sư biện hộ. Nó cũng có nghĩa người phát ngôn viên, người trung gian, người an ủi giúp đỡ và bảo trợ, mặc dù không có tiếng nào nói lên được ý nghĩa mà Gioan muốn ám chỉ. Trong Gioan, từ “paraclete/trạng sự” nghĩa là *thầy dạy, chứng nhân cho đức Giesu và là bảo trợ viên của trần gian, người đại diện thường trực cho đức Giesu ở trần gian* trong khi người về cùng Cha người.

Đức Giesu chính là *trạng sự đầu tiên*. (coi 1Ga 2:1), có nghĩa là **đấng trung gian** ở trên thiên đàng. Trạng sự đến trong cộng đồng Kito giáo là dấu hiệu khởi đầu sứ mạng trần thế thúc đẩy những Kito hữu của Giáo Hội sơ khai vượt quá khỏi giới hạn địa dư của mình đi ra khắp bốn phương trời. Nếu đức Giesu là trạng sự trong khi Người hiện diện ở trần thế, thì chúa Thánh Thần bây giờ là Tân Trạng Sự. Đức Giesu sẽ lại xuất hiện khi Người trở lại. Vị trạng sự này là một người xa lạ nhưng là bảo đảm cho lòng trung thành với chúa Giesu: “ *Trạng sự là Chúa Thánh Thần mà Cha thầy sẽ gửi đến nhân danh thầy, sẽ dạy dỗ anh em mọi sự và nhắc nhở anh em những điều thầy đã nói với anh em*” (Ga 14:26). Người còn nói thêm là vị trạng sự này sẽ làm chứng với tư cách thầy, đồng thời cũng làm cho các môn đệ trở thành chứng nhân nữa. Nhờ đoạn văn này, chúng ta nhớ lại sự bất ổn và sợ hãi của các môn đệ ở phần khởi đầu của sách công vụ tông đồ. Khi Chúa Thánh Thần đến, họ được soi sáng, can đảm hơn và trở thành chứng nhân một cách can đảm và trong sáng.

KHÔNG ÔM CHẶT VÀO QUÁ KHỨ

Trạng sự không chỉ là bảo đảm cho lòng trung thành và can đảm tuyên xưng mà còn là hướng dẫn đi tới tương lai: “ *Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi Thánh Thần sự Thật đến, ngài sẽ hướng dẫn anh em đến sự thật toàn vẹn. Ngài không tự mình nói nhưng ngài sẽ nói cho anh em những điều ngài nghe và ngài sẽ quyết với anh em những điều sẽ xảy ra*” (Ga 16:12-13). Xác quyết sự hiện diện và hướng dẫn của Thần Linh Chúa làm cho các tông đồ thêm sức mạnh tiến đến tương lai, sẵn sàng đương

đầu với mọi thách đố với đầy óc sáng tạo. Các tông đồ đích thực thì trung thành với con người Giesu và sứ điệp của Người, tuy nhiên họ không bị kẹt với quá khứ. Chính Thần Linh Chúa sẽ điều chỉnh họ, giúp họ biết uyển chuyển để thích nghi với mọi hoàn cảnh mới lạ nhưng luôn luôn trung thành với bài bản.

ĐÔI LỜI KẾT: KÝ ỨC SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI

Tân trạng sư không phải là đại diện được gửi đến để thay thế Chúa Giesu vắng mặt.. Trái lại, để bảo đảm sự hiện diện của Người cũng như của Thiên Chúa Cha. Các ngài “sẽ cùng đến” với nhau làm một để giữ trung thành với Lời của đức Giesu, và sẽ ở cùng với Người. Các ngài sẽ không ở với những kẻ không yêu mến Chúa và giữ Lời Người. Trạng sư ở trong mọi người yêu Chúa và giữ các giới răn Chúa, và vì vậy sự hiện diện của ngài không bị giới hạn bởi thời gian (Ga 14: 15-17). Trạng sư hiện diện nơi các môn đệ thời nay của chúa Giesu cũng như Người ở trong thế hệ đầu tiên. Không một ai có thể nghĩ rằng đức Giesu đã bỏ rơi Giáo Hội ở thời đại chúng ta. Chúa Giesu vẫn tiếp tục gửi đến cho chúng ta Thần Linh Thiên Chúa sự thật. Chúng ta đã nghe và đọc Tin Mừng: “*Đáng mà Thiên Chúa Cha gửi đến cho chúng ta sẽ dạy chúng ta tất cả mọi sự và nhắc nhở chúng ta tất cả mọi điều mà đức Giesu đã nói với chúng ta* (c.26). Điều nhắc nhở và gọi nhớ lại được diễn tả một cách tuyệt đẹp bằng những danh từ mới trong sách Giáo Lý Công Giáo nói về công việc của trạng sư / chúa Thánh Thần: “*Chúa Thánh Thần là trí nhớ sống động của Giáo Hội*” (c.# 1099)

Sự xuất hiện của Chúa Thánh Thần là dấu hiệu khởi đầu sứ mạng thế giới của những Kito hữu sơ khai vượt biên giới của mình đi đến muôn nơi. Là Kito hữu, con người Giesu Kito là “khởi điểm” của hy vọng và mục đích của chúng ta. Đức Kito đòi hỏi Giáo Hội biến muôn dân trên khắp địa cầu thành môn đệ Chúa.” (Mt 28:19) Để hướng dẫn việc làm trong sứ mạng của Giáo Hội, chúa Kito đã gửi chúa Thánh Thần xuống giữa chúng ta. Đức Giesu đã xác định Thánh Thần Chúa là *Tân Trạng Sư*, là “**Thần Linh của Sự Thật**”, mà thế gian không biết vì Ngài ẩn dấu sự hiện diện của Ngài trong các môn đệ (Ga 14:17). Lúc đó nền tảng của sự tin tưởng của chúng ta sẽ được Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Đức Giesu đã là trạng sư trong khi Người hiện diện ở trần thế cùng các môn đệ. Chúa Thánh Thần là Tân Trạng Sư, sự hiện diện của Ngài là để hướng dẫn Giáo Hội cho đến khi chúa Giesu trở lại. Vị trạng sư này là một người xa lạ, nhưng là bảo đảm cho lòng trung thành với chúa Giesu: Vị trạng sư là Thần Linh Chúa mà Thiên Chúa Cha sẽ gửi đến cho anh em nhân danh Thầy, sẽ dạy anh em mọi sự và nhắc nhở anh em tất cả những điều mà thầy đã nói với anh em (Ga 14:26).

Fleming Island, Florida

May 22, 2014

Fxavvy@aol.com

NTC

VỀ MỤC LỤC

"KHI ĐẤT NƯỚC TÔI THANH BÌNH..."



Những ngày đất nước tôi còn chìm trong khói lửa chiến tranh, bao nhiêu lần tôi đã cất cao những lời hát như vậy để mơ về một ngày thanh bình không còn tiếng súng. Niềm mơ ước ấy cứ luẩn quẩn trong đầu óc thanh niên chúng tôi thời bấy giờ, và rồi đến ngày im tiếng súng, máu thịt trôi rơi vì cuộc chiến huynh đệ tương tàn, ước mơ ấy trở lại cho dù có lắm khi không hài lòng vì một thứ "thanh bình" như thế.

Vì công việc nên tôi có cơ hội đi lại hầu hết những nơi vang danh chiến trường xưa, có những nơi dừng chân lại đôi ba ngày, có những nơi thoáng qua để hỏi tưởng bạn bè đã nằm xuống, nhưng có những nơi hạnh phúc cho tôi khi được dâng lễ, dù chỉ là một căn Nhà Nguyễn đơn sơ vách lá hay một khoảng sân đất nhỏ tụ họp vài trăm người, thế là quá đủ, quá đủ cho giấc mơ về một ngày được đi thăm khắp nơi. Giấc mơ của một người lớn lên trong chiến tranh, hàng ngày của tuổi trẻ nghe tiếng bom đạn, kỷ niệm đầy ắp hình ảnh thương đau của dân tộc, của đồng bào, và của bạn bè thời chinh chiến xưa.

Những nơi tôi được viếng thăm là những thành phố đầy bom đạn, đầy vết tích chiến tranh, những nghĩa trang "mộ bia đều như nấm", tôi không phải chịu nỗi xót xa khi theo "mẹ già lên núi tìm xương con mình" nhưng lại là theo một bạn trẻ "lên núi tìm xương cha mình". Tôi còn phải đi nhiều hơn ước mơ thời trai trẻ, đó là những chuyến vào trại tập trung "tìm thăm anh mình", hoàn toàn những cái đầu "ngây thơ" thời trước 75 có thể ngờ tới !



Mùa Phục Sinh vừa qua, anh em tôi tổ chức một ngày ghi ơn "Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa", tôi nhận ra còn một địa chỉ nữa tôi mắc nợ mà chưa được viếng thăm. Hình ảnh và bài viết về cuộc tri ân này đã được chia sẻ rất nhiều trên các mạng xã hội, các Thương Phế Binh là những con người chịu thiệt thòi quá nhiều, xã hội đã bỏ quên họ, những người quan tâm đến họ thì lại không thể thực hiện sự nâng đỡ cần thiết đến từng người và mọi người. Ba mươi chín gần bốn mươi năm rồi, họ vẫn lầy lắt cố sống cho ngày đời trôi qua, không còn ai và không còn gì để cậy trông.

Hôm ấy anh em Thương Phế Binh vui mừng lắm, nhiều ông, nhiều anh cảm động bật khóc, họ không nghĩ có ngày được gặp nhau, được quan tâm thương mến, được sống những giây phút hào hùng đứng thẳng lên đọc to số quân, KBC (khu bưu chính – địa chỉ viết thư của quân đội VNCH ngày xưa), tên đơn vị tác chiến, ngày và nơi bị thương. Vang lên giữa buổi họp mặt tiếng hô to của đơn vị Cọp Ba Đầu Rắn, Trâu Điên... Họ không ngờ có ngày họ được trân trọng, được nghe lời tri ân.

Nhưng không phải ai cũng có thể biết mà đến, không phải ai biết mà có thể đến được. Đã có nhiều người không biết ngày họp mặt này, có nhiều người biết nhưng bị ngăn cản không đến được, và có rất nhiều người vì hoàn cảnh không thể đến được dù có biết.



Sau buổi họp mặt, qua thông tin từ anh em Thương Phế Bình đến dự, chúng tôi chia nhau đi thăm viếng cụ thể từng người, mục đích để có những thông tin xác thực hơn về hoàn cảnh để có một chương trình cụ thể hơn nâng đỡ anh em. Điều kỳ diệu đã đến không ngờ, qua từng Thương Phế Bình đăng ký, chúng tôi khám phá ra nhiều anh em Thương Phế Bình khác nữa, mỗi địa chỉ là một đầu mối phăng ra nhiều trường hợp thương tâm hơn. Đoàn công tác đã phải vượt qua nhiều cây số trong gian lao vất vả để tiếp cận anh em. Họ ở rất xa, những vùng rất xa, rất cơ cực và rất nghèo khổ, cả ngày đoàn chỉ đi được khoảng vài nhà, gặp họ,

đoàn công tác hội ra được nhiều điều mà ngồi ở thành phố không thể biết.

Họ nghèo quá, mất hết chân tay lấy đâu vượt qua đường trường ngút ngàn để về thành phố dự ? Xe lăn ? Không thể nhận vì đường ruộng mấp mô, hoặc nền nhà đất khô gập ghềnh làm sao lăn xe ? Đi bằng hai cái ghế đẩu bằng gỗ chắc ăn hơn. Mất mớ không có tiền lên Sài Gòn phẫu thuật, mà có tiền để lên thì không biết nương nhờ vào đâu trong thời gian chữa bệnh. Một Thương Phế Bình sống đơn côi với đứa con gái 13 tuổi nói trong nước mắt: Tật nguyên mà vợ lại qua đời sớm, con nhỏ nheo nhóc không biết làm sao để sống ? Chung nhất là hoàn cảnh khó khăn đẩy họ trôi giạt về quê xa thành phố, rồi cái nghèo, phận tàn phế nhận chìm họ trong chốn tối tăm ấy suốt đời.

Bốn mươi năm rồi bị bỏ quên, họ vẫn sống, sống hào hùng không ăn bám cho dù khốn khổ, anh em không muốn lòng thương hại, nhiều anh tự trọng đến độ không ngỏ một lời than thân trách phận chứ đừng nói đến một lời xin giúp đỡ. Các anh chị em trong đoàn công tác càng đi càng khâm phục anh em Thương Phế Bình, họ về nói với chúng tôi rằng: “Chúng con khâm phục các chú, hoàn cảnh thấy tội lắm, muốn rơi nước mắt nhưng không hề ta thán, trách móc ai cả”.

Chúng tôi lại nhận được nhiều thư từ nhiều nơi gần xa gởi về với tất cả tấm lòng dành cho các Thương Phế Bình. Nhiều vị có ý muốn chia sẻ cách nào đó với những việc chúng tôi đang thực hiện. Chúng tôi đang lấy thông tin và xem xét từng hoàn cảnh, chắc chắn phải làm một cái gì đó cho anh em, những người bị thua thiệt quá nhiều. Chúng ta sẽ thi hành lòng yêu mến và sự công bằng mà Thiên Chúa muốn dành cho họ.



Xin biết ơn các anh em Thương Phế Bình đã cho chúng tôi gặp được Chúa Giêsu nơi anh em như Tin Mừng Mt 25 đã mô tả. Anh em chính là một trong những địa chỉ có quá nhiều người “bị bỏ rơi hơn cả” đã được ghi rõ trong Hiến Pháp Nhà Dòng chúng tôi.

Vậy là tôi vẫn còn mắc nợ địa chỉ này nữa chưa viếng thăm sau năm 75. "Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm..." Vâng, tôi sẽ đi thăm, tôi phải đi thăm cho dầu đất nước tôi hôm nay vẫn chưa thật sự được thanh bình...

Lm. VĨNH SANG, DCCT, 17.5.2014

[VỀ MỤC LỤC](#)

BÀI GIÁO LÝ CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ ƠN HIỂU BIẾT

“Chăm sóc cho tạo vật chính là bảo vệ món quà của Thiên Chúa và thừa cùng Thiên Chúa, ‘Con cảm tạ Chúa, con là người giữ gìn tạo vật, nhưng để làm cho nó tiến lên, chứ không bao giờ huỷ diệt món quà của Chúa.’ Đó phải là thái độ của chúng ta đối với tạo vật: gìn giữ nó bởi vì nếu chúng ta huỷ diệt tạo vật, thì nó sẽ tiêu diệt chúng ta!”

Dưới đây là bản dịch bài Giáo Lý ĐTC Phanxicô ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2014 trong buổi Triều Yết Chung được tổ chức tại Quảng Trường Thánh Phêrô. Hôm nay ĐTC giải thích về Ơn Hiểu Biết.

* * *

Anh chị em thân mến, chào anh chị em!

Hôm nay tôi muốn nhấn mạnh đến một hồng ân khác của Chúa Thánh Thần, đó là *ơn hiểu biết*. Khi nói đến hiểu biết, người ta nghĩ ngay đến khả năng của con người để hiểu biết thêm về thực tại chung quanh mình và để khám phá ra các định luật chi phối thiên nhiên và vũ trụ. Tuy nhiên, ơn hiểu biết đến từ Chúa Thánh Thần, không bị giới hạn ở kiến thức của con người: đó là một ơn đặc biệt, giúp chúng ta hiểu biết, qua tạo vật, sự cao cả và tình yêu của Thiên Chúa cùng mối liên hệ sâu xa của Ngài với mọi tạo vật.

1. Khi đôi mắt của chúng ta được Chúa Thánh Thần soi sáng, chúng mở ra để chiêm ngắm Thiên Chúa trong vẻ đẹp của thiên nhiên và vẻ hùng vĩ của vũ trụ, cùng dẫn chúng ta đến việc khám phá ra rằng *tất cả mọi sự nói với chúng ta về Ngài và tình yêu của Ngài như thế nào*. Tất cả điều này gợi lên trong chúng ta sự kinh ngạc và ý thức biết ơn sâu xa! Đó là cảm giác chúng ta kinh nghiệm khi chiêm ngưỡng một tác phẩm nghệ thuật hoặc bất ngờ nhiên nào là kết quả của sự tài khéo và sáng tạo của con người: trước tất cả những điều này, Chúa Thánh Thần dẫn chúng ta đến ngợi khen Chúa từ tận đáy lòng của mình và nhận ra, trong tất cả những gì chúng ta có và là, một hồng ân vô giá từ Thiên Chúa và là dấu chỉ của tình yêu vô biên của Ngài dành cho chúng ta.

2. Chương thứ nhất của sách Sáng Thế Ký, ngay ở đầu toàn bộ Thánh Kinh, đã nhấn mạnh rằng Thiên Chúa thích thú về tạo vật của Ngài, bằng cách nhấn mạnh nhiều lần về vẻ đẹp và sự tốt lành của mọi sự. Vào cuối mỗi ngày, sách viết rằng: “Thiên Chúa thấy điều ấy là tốt” (1:12,18,21,25): Nếu Thiên Chúa thấy rằng tạo vật là điều tốt và đẹp, thì chúng ta cũng phải có thái độ ấy và thấy rằng các tạo vật là tốt và đẹp. Đây là ơn hiểu biết, là ơn làm cho chúng ta nhìn thấy vẻ đẹp này, vì vậy chúng ta ca ngợi Thiên Chúa, cảm tạ Ngài vì đã cho chúng ta rất nhiều vẻ đẹp. Và khi Thiên Chúa hoàn tất việc tạo dựng con người, sách đã không nói “Thiên Chúa thấy rằng điều đó là tốt”, nhưng nói rằng nó “rất tốt” (câu 31). Trong đôi mắt của Thiên Chúa chúng ta là tạo vật đẹp nhất, lớn nhất, tốt lành nhất trong các tạo vật, ngay cả các thiên thần cũng ở dưới chúng ta, chúng ta còn hơn các thiên thần, như chúng ta đã nghe trong sách Thánh Vịnh. Chúa yêu thương chúng ta! Chúng ta phải cảm tạ Ngài vì việc này.

Ơn hiểu biết giúp chúng ta *hòa hợp cách sâu xa với Đấng Tạo Hóa* và làm cho chúng ta được tham dự vào sự trong sáng của cái nhìn và phán đoán của Ngài. Và chính theo quan điểm này mà chúng ta có thể hiểu được tại sao người nam và người nữ là tột đỉnh của việc Tạo Dựng, như việc thể hiện kế hoạch yêu thương được in dấu trong mỗi người chúng ta và làm cho chúng ta nhận ra nhau như anh chị em.

3. Tất cả những điều này là nguồn gốc của sự thanh thản và bình an cùng biến một Kitô hữu thành một nhân chứng hân hoan, theo gương Thánh Phanxicô thành Assisi và nhiều vị thánh

đã có thể hát lên và ca ngợi tình yêu của Ngài qua việc chiêm ngưỡng thụ tạo. Tuy nhiên, đồng thời, ơn hiểu biết giúp chúng ta tránh rơi vào một số thái độ quá đáng hoặc sai lầm. Thứ nhất là nguy cơ coi mình là chủ nhân của tạo vật. Tạo vật không phải là một tài sản mà chúng ta có thể cai quản theo ý mình; hoặc, thậm chí ít hơn, chỉ là tài sản của một số ít người: tạo vật là một hồng ân, là một món quà tuyệt vời mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta, để *chúng ta chăm sóc và sử dụng nó vì lợi ích của tất cả mọi người, luôn luôn với sự tôn trọng và lòng biết ơn lớn lao.*

Thái độ sai lạc thứ nhì được tìm thấy trong cám dỗ ngừng lại ở tạo vật, như là chúng ta có thể cung cấp câu trả lời cho tất cả những kỳ vọng của chúng ta. Với ơn hiểu biết, Chúa Thánh Thần giúp chúng ta không rơi vào sai lầm này.

Nhưng tôi mồn trở lại sai lầm thứ nhất: áp đặt những luật lệ trên tạo vật thay vì chăm sóc nó. Chúng ta phải bảo vệ tạo vật bởi vì nó là một hồng ân mà Chúa đã ban cho chúng ta, là món quà của Thiên Chúa dành cho chúng ta; chúng ta là những người chăm sóc các tạo vật. Khi khai thác tạo vật, chúng ta phá hủy dấu chỉ về tình yêu của Thiên Chúa. Khi phá hủy tạo vật, chúng ta thưa với Thiên Chúa: “Con không thích!” Và điều này là không tốt: đó là tội.

Chăm sóc cho tạo vật chính là bảo vệ món quà của Thiên Chúa và thưa cùng Thiên Chúa, “Con cảm tạ Chúa, con là người giữ gìn tạo vật, nhưng để làm cho nó tiến lên, chứ không bao giờ huỷ diệt món quà của Chúa.” Đó phải là thái độ của chúng ta đối với tạo vật: gìn giữ nó bởi vì nếu chúng ta huỷ diệt tạo vật, thì nó sẽ tiêu diệt chúng ta! Đừng quên điều này. Có một lần tôi đã ở vùng quê và đã nghe được một câu nói từ một người chất phác, là người thích nhiều hoa và chăm sóc cho chúng. Bà nói với tôi: “Chúng ta cần phải gìn giữ những vật đẹp đẽ này mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta; tạo vật là dành cho chúng ta để sử dụng tốt; đừng khai thác nó, nhưng giữ gìn nó, bởi vì *Thiên Chúa luôn luôn tha thứ, còn chúng ta, những con người, chúng ta đôi khi tha thứ, nhưng tạo vật không bao giờ tha thứ và nếu chúng ta không bảo vệ nó, nó sẽ tiêu diệt chúng ta.*”

Điều này phải làm cho chúng ta suy nghĩ và cầu xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta ơn hiểu biết để hiểu rằng tạo vật là món quà đẹp nhất của Thiên Chúa. Ngài đã làm tất cả những tạo vật tốt đẹp này cho tạo vật tốt đẹp nhất là con người.

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ

<http://giaoly.org/vn/>

VỀ MỤC LỤC

Hành động thống hối?

1. Trong Nghi thức đầu lễ của Sách lễ Rôma, có phần chuẩn bị tâm hồn. Bản dịch Nghi thức thánh lễ xuất bản năm 2005 của Ủy Ban Phụng Tự trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam dịch là “Hành động thống hối”, nguyên bản tiếng Latin là “Actus pænitentialis”, trước nay vẫn không thay đổi, nhưng các bản dịch tiếng Anh trước đây dịch là “Penitential Rite” (1975), nay



đổi lại là “Penitential Act”¹ (2002); còn trong tiếng Việt, trước đây dịch là “Nghĩ thức thống hối”, nay dịch là “Hành động thống hối”. Cách dịch của tiếng Việt có chính xác không? Thuật từ *thống hối* đã được bàn đến trong bài “Thống hối”², nên trong bài này, chúng tôi chỉ bàn về từ *actus* dịch là hành động chính xác chưa?

2. Phần đầu lễ.

Nghi thức thánh lễ hiện nay gồm 4 phần: Nghi thức đầu lễ, Phụng vụ Lời Chúa, Phụng vụ Thánh Thể và Nghi thức kết lễ. Phần Nghi thức đầu lễ gồm: (1) Ca Nhập lễ, (2) Lời chào (bái chào Bàn thờ, Thánh giá, chào cộng

đoàn), (3) Phần thống hối, (4) Kinh Thương Xót, (5) Kinh Vinh Danh, (6) Lời nguyện Nhập lễ.

Trong phần thống hối (*Actus pœnitentialis*), Sách lễ Rôma đưa ra 3 công thức thống hối khác nhau như những kiểu mẫu chứ không mang tính cách bắt buộc (Kinh Cáo Minh, Xướng đáp, Kinh Thương Xót và có thể thay bằng nghi thức thánh hoá và rảy nước thánh). Chủ tế có thể lựa chọn một trong những công thức này hoặc có thể tự soạn theo những quy luật nhất định.³ Phần thống hối này khác với Nghi thức thống hối (*Penitential Rite*) trong cử hành sám hối chung trước khi lãnh nhận bí tích Giải Tội. Vì trong cử hành bí tích Giải Tội, *việc xưng tội với linh mục là một yếu tố thiết yếu của bí tích này* (x. GLHTCG, số 1424 và 1456), còn ở đây, chúng ta không chú trọng vào việc xét mình hay liệt kê các tội đã phạm như khi đi xưng tội, mà chú trọng đến lòng thương xót và sứ mạng giao hoà của Chúa Kitô⁴.

Trọng tâm của phần thống hối trong thánh lễ không phải là thú nhận tội lỗi, nhưng là nhìn nhận ơn tha thứ và lòng Thiên Chúa từ bi thương xót, nhận rằng chúng ta cần đến ân sủng của Thiên Chúa qua người con của Ngài là Đức Kitô Giêsu trong hy lễ Tạ Ơn được cử hành. Theo A.G Martimort và J. Gelineau: “*Nghi thức thống hối đầu lễ không nhất thiết có bản chất sám hối, nhưng là kinh thờ lạy, ngợi khen, giống như một hơi thở mà cuộc đời dao động của ta rất cần đến khi bắt đầu cử hành thánh lễ*”⁵. Có thể nói từ khoá của phần này là xưng thú (Latin: *confessio*; Anh, Pháp: *confession*) vì các tín hữu nhìn nhận tình trạng tội lỗi và bất xứng của mình trước Thiên Chúa, nhất là qua cụm từ “*tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm...*” như được đọc trong Kinh Cáo Minh (*Confiteor*). Ngay từ thời kỳ đầu của Giáo Hội, xưng

¹ “*Actus pœnitentialis*” bản của Hoa Kỳ và Úc trước năm 2012 thì dịch là “*Act of Penitence*”, còn của Canada, Anh và xứ Wales thì dịch là “*Penitential Act*”. Bản của ICEL (*International Commission on English in the Liturgy*) 19-11-2012 thì dịch là “*Penitential Act*”.

² Bài giảng Chúa Nhật, số tháng 08, 2008.

³ Dominic Thuần, sss, CỬ HÀNH THÁNH LỄ, tr. 31-32.

⁴ Vinh sơn Nguyễn Thế Thủ, GIẢI ĐÁP CÁC VẤN NẠN VỀ PHỤNG VỤ, tập 1, tr.147

⁵ J. Gelineau, HỢP NHAU CỬ HÀNH PHỤNG VỤ, tập II, tr. 154

thú (confess) còn có nghĩa là tuyên xưng niềm tin cách công khai và rõ ràng. Các tín hữu khi nhìn nhận tội lỗi của mình thì đồng thời cũng có nghĩa là tuyên xưng đức tin của mình vào tình thương của Chúa và nói lên lời cảm tạ tri ân vì ơn tha thứ của Ngài chứ không phải quy về những lầm lỗi và thiếu sót của mình.

Phần thống hối kết thúc bằng công thức xá giải: “*Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội và dẫn đưa chúng ta đến sự sống muôn đời*”. Khác với Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma ấn bản năm 1975, ấn bản 2002 nói rõ: “*Lời xá giải này không có hiệu quả của bí tích thống hối*”⁶. Theo Eliot L. Kapitan, đây chính là lý do mà tại sao (trong bản dịch tiếng Anh) tiêu đề “Penitential Rite” (Nghĩ thức⁷ Thống hối) Sách lễ Rôma 1975 lại đổi thành “Penitential Act” (Phần Thống hối) trong Sách lễ hiện nay⁸.

3. Actus, hành động, kinh

3.1 Nghĩa của chữ actus.

Actus trong tiếng Latin có thể là động từ hay danh từ, trong trường hợp này đương nhiên là danh từ, nghĩa là (1) Hành động, hành vi, tác động, việc làm (act) (2) Thúc đẩy, tiến hành, xúc tiến (progress). (3) Biểu diễn (một vở kịch), **cử hành** (một nghi thức), hay phát biểu (một ý kiến) (performance). (4) Màn của vở kịch, phần của nghi lễ (series/sequence). (5) **Kinh**, lời cầu nguyện có tính khuôn mẫu, lâu dài không thay đổi. (6) (Luật) Chứng thư, án từ, pháp án, pháp lệnh. (7) (Triết) Hiện thể, hiện thể (dùng đối lập với tiềm thể potencia).

Như vậy, actus (pænitentialis) có thể dịch là cử hành / phần / kinh (thống hối)?

3.2 Nghĩa của hành động.

Hành: có bảy chữ Hán: 行, 衡, 珩, 蘅, 桁, 莖, 荃, trong thuật từ hành động là chữ 行. Nghĩa là (đt.) (1) Đường sá: *Hành hữu tử nhân* (trên đường có người chết). (2) Lối chữ hành, lối chữ hơi đá thảo gọi là hành. (3) Bài kể truyện bằng thơ cổ phong: *Trường ca hành* (bài hát dài). (4) Họ

⁶ “**Penitential Rite:** After greeting the congregation, the priest or other qualified minister may very briefly introduce the faithful to the Mass of the day. Then the priest invites them to take part in the penitential rite, which the entire community carries out through a communal confession and which the priest’s absolution brings to an end: **Nghi thức sám hối:** Sau lời chào cộng đoàn, linh mục hay một thừa tác viên xứng hợp có thể nói rất vắn tắt để dẫn đưa giáo dân vào thánh lễ ngày hôm ấy. Tiếp đến, linh mục mời mọi người sám hối. Tất cả cộng đoàn thú tội chung, và linh mục đọc lời xá tội để kết thúc” (GIRM 1975, 29).

“**The Act of Penitence:** Then the priest invites those present to take part in the Act of Penitence, which, after a brief pause for silence, the entire community carries out through a formula of general confession. The rite concludes with the priest’s absolution, which, however, lacks the efficacy of the Sacrament of Penance: **Nghi thức thông hối:** Tiếp theo, vị tư tế mời mọi người thống hối. Sau một chút thinh lặng, tất cả cộng đoàn đọc công thức thú tội chung và vị tư tế đọc lời xá giải để kết thúc. Lời xá giải này không có hiệu quả của bí tích thống hối” (GIRM 2002, 51).

⁷ **Nghi thức (Rite):** Theo quan niệm thông thường, nghi thức là một hành vi có tính cách văn hoá, hơn kém đã được cố định, cũng là một hành vi có tính cách tôn giáo, hơn kém đã thành thói quen. Ban đầu, từ ngữ này có nghĩa là “những thói quen đã được chấp nhận để duy trì trật tự thế giới” (xem: Dom Robert le Gall, Từ điển phụng vụ, 1982). Theo nghĩa Công Giáo: (1) Tổng thể những cử điệu, lời đọc, bài đọc trong một cử hành phụng vụ Kitô Giáo, vd: *Nghi thức thánh lễ*; (2) Một phần của cử hành phụng vụ, vd: *Nghi thức kết lễ ở cuối thánh lễ*.

⁸ Eliot L. Kapitan: THE PENITENTIAL RITE, MASS, AND THE FORGIVENESS OF SIN: “*But in order to be clear about the difference between Eucharist and penance, the newest version of the General Instruction of the Roman Missal gives this clarity: “The rite (act of penitence) concludes with the priest’s absolution, which, however, lacks the efficacy of the Sacrament of Penance” (no. 51). That is why the title will be changed from penitential rite to act of penitence in the new missal*” (Ministry & Liturgy magazine, December 2006-January 2007, pages 44-45).

Hành. (5) Một trong 214 bộ chữ: Bộ hành. (6) Tạm bợ: *Hành thự* (dinh quan đóng tạm). (7) Một trong ngũ hành: *Kim, mộc, thủy, hoả, thổ vi ngũ hành* (vàng, gỗ, nước, lửa, đất là ngũ hành). (8) Quay quanh một thiên cầu: *Hành tinh*. (đt.) (9) Bước đi: *Trực hành* (đi thẳng). (10) Đi: *Tổng hành* (đưa đi) (11) Di động: *Vận hành* (vận chuyển). (12) Lưu thông: *Lưu hành*. (13) Làm, nghề: *Hành y* (làm nghề y). (14) Ban bố: *Phát hành*. (15) Có thể: *Hành bất hành* (có thể được không). (16) Lúc này được ưa: *Thịnh hành*. (17) Đem ra làm: *Thực hành; Hành động*. (18) Cai trị: *Hành chính*. (19) Giết: *Hành thích*. (20) Thực thi án: *Hành hình* (thi hành án tử). (21) Ăn xin: *Hành khất*. (tt.) (22) Tài giỏi: *Nễ chân hành* (anh giỏi quá). (Pht.) (23) Tương lai: *Hành tương tự mộc* (sắp chết). **Nghĩa Nôm:** (1) Từ đệm: *Học hành; Hạp hành*. (2) Làm khổ: *Mẹ chồng hành hạ nàng dâu*.

Động: Có những chữ Hán: 洞, 動 (động), 働, 峒, 崗, ở đây là chữ 動 (động). Nghĩa là (đt.) (1) Di chuyển: *Tịnh cực tư động* (yên quá muốn di chuyển). (đt.) (2) Bất cứ vật gì, tự sức mình, hay tự sức khác mà chuyển sang chỗ khác: *Vi phong xuý động thụ diệp* (gió nhẹ rung lá cây). (3) Sử dụng: *Động bút* (dùng viết). (4) Bắt tay vào việc: *Động công* (bắt đầu khởi công). (5) Gây cảm xúc mạnh: *Động nộ* (nổi giận). (6) Ăn (tiếng bình dân): *Bất động huân tinh* (không ăn mặn). (pht.) (7) Nhiều lần (cổ văn). **Nghĩa Nôm:** (1) Di dịch: *Động đậy*. (2) Cảm xúc mạnh: *Động lòng bốn phương*. (3) Đòi tình: *Động cớ; Động đực*. (4) Bệnh giựt chân tay: *Động kinh*.

Trong tiếng Việt⁹, “**hành động**” có nghĩa là: (1) (đt.) “Làm, ra tay” hoặc: “Làm việc gì để đạt được mục đích, ý nguyện: *Ra tay hành động, hành động cho phải lẽ*” (2) (đt.) “Việc làm” hoặc “việc làm có mục đích: *Có hành động quả cảm, một hành động cao cả*”; và “**cử hành**” có nghĩa là: (đt.) “Làm cách trịnh trọng, có quy củ” hay “Tiến hành một cách trọng thể, nghiêm trang: *Cử hành tang lễ, buổi lễ được cử hành trọng thể*”. Nói “hành động thống hối” thì có thể hiểu là “việc làm thống hối”, nhưng trong phụng vụ, chúng ta không bao giờ nói đến “việc làm” hay “hành động” (làm việc cách đơn giản, thô thiển) mà chỉ có các việc “cử hành” (làm việc cách trọng thể, nghiêm trang, trịnh trọng, có quy củ). Do đó, nếu hiểu actus ở đây theo nghĩa là hành động hay việc làm, thì phải dịch là “cử hành” mới thích hợp.

3.3 Nghĩa của kinh.

Kinh: Có 7 chữ Hán: 驚, (惊), 荊, (荆), 經, (经), 垓, 京, (京), 瘞, (瘵), 伶. Ở đây là chữ 經 kinh, nghĩa là (đt.) (1) Đường dọc, sợi thẳng. (2) Về đường sá thì phía Nam Bắc gọi là *kinh* 經, phía Đông Tây gọi là *vĩ* 緯. (3) Về khoảng trời không và quả đất thì lấy con đường nam bắc cực chính giao với xích đạo là *kinh*: *kinh tuyến* (經線 theo hướng nam bắc, *vĩ tuyến* 緯線 theo hướng đông tây). (4) Kinh mạch của đông y, *sách thuốc chia 12 kinh phân phối với các tạng phủ*. (5) Đạo thường của con người, đạo đức pháp luật đã định không thể đổi được: *Thiên kinh địa nghĩa* 天經地義 (cái đạo thường như trời đất không thể di dịch được). (6) Sách có giá trị đặc biệt mà người ta phải tuân theo: *Ngũ Kinh*. (7) Lời dạy đời, sửa thân của thánh hiền hay bậc giáo chủ. (8) Lời cầu nguyện: *Kinh Lạy Cha*. (9) Đàn bà mỗi tháng máu tràn ra một kỳ: *Kinh nguyệt*. (10) Bài văn về việc chuyên môn: *Trà kinh, mã kinh*. (11) Số đếm cổ xưa, mười tỷ là một kinh. (12) Họ Kinh. (đt.) (13) Quản lý: *Kinh tế tế dân*. (14) Hoạch định việc làm: *Kinh*

⁹ Xem: TỰ ĐIỂN VIỆT NAM của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ, nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1970, và ĐẠI TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT của Bộ Giáo Dục Đào Tạo, Nguyễn Như Ý (chủ biên), nxb. Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội, 1999.

thương. (15) Trải qua: *Kinh lịch*. (16) Chia vạch địa giới. (17) Tự thất cổ chết: *Tự kinh*. (tt.) (18) Luôn luôn: *Kinh thường*. (19) Lâu dài không thay đổi: *Bất kinh chi luận* (Lý luận để lại lâu dài). *Thường kinh*: Cách đối xử luôn phải theo: “*Tưởng rằng trong đạo thường kinh*” (Truyện Hoa Tiên).

Trong Kinh cầu Đức Chúa Thánh Thần, Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng, Kinh Ăn Năn Tội vv... Từ “kinh” được hiểu theo nghĩa là lời cầu nguyện có tính khuôn mẫu, lâu dài không thay đổi. Actus có thể dịch là kinh, như Kinh Tin (Actus Fidei, Act of Faith), Kinh Cậy (Actus Spei, Act of Hope), Kinh Mến (Actus Caritatis, Act of Charity), Kinh Ăn Năn Tội (Actus Contritionis, Act of Contrition), Kinh Dọn Mình (Actus reparationis, Act of Reparation)... Trong tài liệu “Chú thích bản dịch Nghi thức thánh lễ 1992” của Ủy Ban Phụng Tự, khi nói về phần thống hối (trang 14), Ủy Ban đã dùng tiêu đề “Các mẫu kinh sám hối” (vì nội dung của phần này gồm 3 mẫu công thức thống hối (số nhiều). Chúng tôi nghĩ rằng tiêu đề Actus paenitentialis (số ít) không thể dịch là Các mẫu kinh... (số nhiều) được, hơn nữa, mẫu thống hối thứ hai (Xương đáp) có thể thay đổi, không cố định như một bản kinh.

Góp ý về cách dịch Actus paenitentialis là “Hành động thống hối”, Cha Marie Bảo Tịnh Trần Văn Bảo (O.Cist.) viết: “*Đọc một lời kinh, đấm ngực ba cái mà đã gọi là ‘hành động’ thì con thấy quá lố. ‘Actus’ của bản Latinh dùng không chỉ có nghĩa là ‘hành động’. Bản tiếng Pháp dùng ‘Préparation pénitentielle’ rất hay và đúng nghĩa: chuẩn bị đi vào cử hành. Con nghĩ nếu không biết dịch từ ‘actus’ là gì, chúng ta chỉ cần để ‘phần thống hối’, hoặc ‘lời kinh thống hối’ có vẻ rất nhẹ nhõm và ai cũng hiểu. Còn ‘hành động’? Con nghĩ phải bỏ của lễ đấy đi về tìm người anh chị em có vấn đề với mình rồi chào hỏi, bắt tay, quỳ gối van xin tha lỗi hoặc vác thập giá đến Giêrusalem làm việc đền tội thì mới gọi là ‘hành động’ được. Đọc những từ ‘hành động thống hối’, con cảm thấy gai gai người thế nào ấy!”¹⁰*

4. Nhận xét

Tóm lại, theo chúng tôi Actus paenitentialis trong Sách lễ Rôma nên dịch là Phần thống hối hay

Cử hành thống hối thì dễ hiểu hơn là Hành động thống hối.

Ước mong sao những nhận xét góp ý xây dựng trên đây của người viết cũng như của nhiều người khác bấy lâu nay có liên quan để đến bản dịch Nghi thức thánh lễ nói riêng và Sách lễ Rôma nói chung, được các vị có thẩm quyền ghi nhận thích đáng để Hội Thánh tại Việt Nam trong một tương lai gần có được một bản dịch Sách lễ Rôma tốt hơn.

Lm. Stéphanô Huỳnh Trụ

¹⁰ GÓP Ý VỀ NGHI THỨC THÁNH LỄ BẢN DỊCH 2006 của Fr. Marie Bảo Tịnh Trần Văn Bảo, Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Giáo Phận Nha Trang, ngày 01/05/2006.

Các bí tích của Giáo Hội Công Giáo có nguồn gốc Kinh Thánh không?

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

Xin cha giải thích giúp những thắc mắc sau đây :

- 1- Các bí tích của Giáo Hội Công Giáo có nguồn gốc Kinh Thánh không?
- 2- Nếu chỉ nghe lời Chúa trong Kinh Thánh thôi thì có đủ để được cứu rỗi hay không?

Trả lời :

I - Các Bí Tích

Như tôi đã nhiều lần giải thích là không phải bất cứ điều gì Giáo Hội dạy đều có ghi trong Kinh Thánh. Chính vì chỉ tin có Kinh Thánh (Sola Scriptura), nên anh em Tin Lành, nói chung, đã phê bình Giáo Hội Công Giáo về nhiều điều họ cho là thiếu căn bản Kinh Thánh. Họ phê bình như vậy là vì họ không biết rằng Giáo Hội Công Giáo, ngoài Kinh Thánh, còn có Thánh Truyền, (Sacred Tradition) Mặc Khải (Revelation) và Quyền Giáo Huấn (Magisterium) là những nguồn chân lý mà Giáo Hội khai thác để dạy những điều mọi tín hữu phải tin và sống cho được lãnh nhận ơn cứu chuộc của Chúa Cứu Thế Giêsu.

Sau đây là bằng chứng về Thánh Truyền và Quyền Giáo Huấn của Giáo Hội đã được ghi lại trong Kinh Thánh Tân Ước:

Thứ nhất về Quyền Giáo Huấn, Chúa Kitô đã trao cho các Tông Đồ trước khi Người về trời như sau :

“Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi...và dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em...” (Mt 28: 20)

Về Thánh Truyền, Thánh Phaolô đã truyền cho môn đệ ngài là Timôthê như sau:

“ anh Tmôthê, hãy bảo toàn giáo lý đã được giao phó cho anh, tránh những chuyện nhằm nhí , trống rỗng , và những vấn đề tri thức giả hiệu. Có những kẻ , vì chủ trương cái trí thức đó, nên đã lạc mất đức tin. Chúc anh em được ân sủng.” (1 Tm 6: 20-21)

Hay rõ hơn nữa:

“ Với đức tin và đức mến của một người được kết hợp với Đức Kitô-Giê su, anh hãy lấy làm mẫu mực những lời lành mạnh anh đã nghe tôi dạy. Giáo lý tốt đẹp đã trao phó cho anh, anh hãy bảo toàn, nhờ có Thánh Thần ngự trong chúng ta.” (2 Tm 1: 13-14)

Như thế đủ cho thấy là các Thánh Tông Đồ đã truyền lại cho các thế hệ nối tiếp cho đến ngày nay những giáo lý tinh tuyền của Kitô-Giáo, **tức** là của chính Chúa Kitô đã giảng dạy cho các Tông Đồ và cho dân chúng thời đó và được truyền lại cho chúng ta ngày nay qua Giáo Hội, là Thân Thể Nhiệm Mầu (Mystical Body) của Chúa Kitô trong trần thế.

Riêng về các bí tích, thì Giáo Lý của Giáo Hội đã nói rõ bảy Bí Tích mà Chúa Kitô đã ban cho Giáo Hội như phương tiện cứu rỗi cần thiết mà mọi tín hữu được mong đợi đón nhận với đức tin vững chắc và lòng mến nhiệt thành về những lợi ích thiêng liêng lớn lao của các bí tích này. (x SGLGHCG số 1210-1620)

Tất cả bảy bí tích này đều có nguồn gốc Kinh Thánh như sau:

1- Bí Tích rửa tội

Trước khi về trời, Chúa Giê su đã truyền cho các môn đệ :

“ Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, àm phép Rửa Cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần..” (Mt 28:19)

2- Bí Tích Thêm Sức (confirmation)

Khi hiện ra với các Tông Đồ sau khi Người sống lại từ cõi chết, Chúa Giêsu đã thổi hơi vào các ông và bảo: **“Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần,”** (Ga 20:22)

Lại nữa, hai Tông Đồ Phê rô và Gioan được cử đến miền Samari để gặp dân mới theo Đạo ở đây. Khi đến nơi, **“ hai ông cầu nguyện cho họ, đặt tay trên họ và họ nhận được Thánh Thần.”** (Cv 8 : 17)

3- Bí Tích Hòa Giải (penance, reconciliation)

Sau khi thổi hơi để ban Thánh Thần cho các Tông Đồ, Chúa Giê su đã nói với họ như sau : **“ Anh em tha tội cho ai thì người ấy được tha. Anh em cầm giữ ai thì người ấy bị cầm giữ”** (Ga 20: 23)

Lại nữa, trước khi chịu khổ hình thập giá chết và sống lại, Chúa Giê-su cũng trao cho Phêrô chìa khóa Nước Trời và quyền cầm buộc hay tháo gỡ như sau:

“ Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất anh tháo gỡ điều gì trên trời cũng sẽ tháo gỡ như vậy.” (Mt 16: 19)

Quyền đó đã được trao lại cho các vị kế tục Phêrô cho đến ngày nay. Vì thế, Giáo Hội – qua Đức Thánh Cha là người kế nghiệp Thánh Phê rô trong nhiệm vụ chăn dắt đoàn chiên của Chúa, có quyền ra vạ tuyệt thông = Anathema = Excommunication) Và giải vạ này cho những ai bị vạ; cũng như ban ân xá (indulgences) để tha hình phạt hữu hạn (temporal punishment) cho người còn sống hay cho các linh hồn đang được thanh luyện nơi Luyện tội (purgatory).

Đây là điều các giáo phái Tin Lành không tin nên đã kích Giáo Hội Công Giáo.

3- Bí tích Thánh Thể

Bí Tích quan trọng này đã được Chúa Giê su thiệp lập trong Bữa ăn sau cùng với Mười hai Tông Đồ khi Người cầm bánh, dâng lời chúc tụng rồi bẻ ra trao cho các ông và nói: “ **anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy. Rồi Người cầm chén rượu, tạ ơn, trao cho các ông và nói : “ Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu giao ước đổ ra cho muôn người được tha tội.”** (Mt 26: 26-28; Mc 14: 22-24; Lc 22:19-20; Ga 6; 1 Cor 11: 23-25)

5- Bí tích Xức dầu (Anointing)

Bí Tích này được ghi trong Thư Thánh Gia-cô-bê như sau:

“ Ai trong anh em đau yếu ư ? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy sau khi xức dầu nhân danh Chúa.” (Gc 5: 14)

6- Bí Tích Truyền Chức Thánh (Holy Orders)

Trong thư gửi cho môn đệ ngài là Timô-thê, Thánh Phaolô đã căn dặn như sau:

“ Vì lý do đó, tôi nhắc anh phải khơi dậy đặc sủng của Thiên Chúa, Đặc sủng anh đã nhận được khi tôi đặt tay trên anh.” (2 Tm 1: 6)

Như thế việc đặt tay để xin ơn Chúa Thánh Thần là điểm chính yếu trong Nghi thức Truyền Chức Thánh Phó tế, Linh mục và Giám mục trong Giáo Hội Công Giáo và Chính Thống Đông Phương.

7- Bí Tích Hôn Phối (Matrimony)

Chính Chúa Giê su đã nhắc lại cho các Tông Đồ - và đặc biệt - là nhóm Biệt phái như sau về bí tích này:

“ Các ông không đọc thấy điều này sao: thừa ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ, và Người đã phán: “vì thế người ta sẽ lìa Cha mẹ mà gắn bó với vợ mình., và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy sự gì Thiên Chúa đã phối hợp , loài người không được phân ly.” (Mt 19: 4-6)

Thánh Phaolô cũng nhắc cho tín hữu Ê-phê-sô về bí tích hôn phối như sau: **“ Sách Thánh có lời chép rằng: Chính vì thế , người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mầu nhiệm này thực là cao cả.Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội Thánh. Vậy mỗi người trong anh em hãy yêu vợ như chính mình, còn vợ thì hãy kính yêu chồng.”** (Ep 5: 31-33)

Tóm lại , tất cả bảy Bí Tích đều có nguồn gốc Kinh Thánh, tức là đều bắt nguồn từ ý muốn của Thiên Chúa cho con người thi hành để cộng tác với Chúa trong Chương Trình sáng tạo và cứu độ con người nhờ Chúa Kitô.

II- Chỉ nghe Lời Chúa không thôi có đủ cho con người được cứu độ không ?

Nghe lời Chúa qua Kinh Thánh là điều rất quan trọng và cần thiết cho mọi thành phần dân Chúa trong Giáo Hội , vì “ **người ta sống không phải chỉ nhờ cơm bánh nhưng còn sống nhờ mọi lời từ miệng ĐỨC CHÚA phán ra.**” (Mt 4: 4 ; Lc 4: 4; Đnl 7: 3;)

Lời Chúa không những là thần lương nuôi sống linh hồn ta mà còn là đuốc sáng soi dẫn ta đi trên đường tìm kiếm Chúa và Vương Quốc bình an, hạnh phúc của Người, đúng như Phêrô đã tuyên xưng một ngày kia: “ **Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai ? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời.**” (Ga 6: 68)

Thánh Vinh 119, cũng ca tụng lời Chúa như sau:

“ Lời Chúa là ngọn đèn soi cho con bước

Là ánh sáng chỉ đường con đi. (Tv 119: 105)

Như thế đủ cho thấy là việc nghe lời Chúa qua Kinh Thánh , qua Giáo Hội và trong chính lương tâm con người là điều vô cùng cần thiết cho những ai muốn đi theo Chúa, muốn yêu mến Người và muốn được cứu rỗi.

Tuy nhiên, chỉ nghe lời Chúa như anh em Tin Lành tin và quảng bá thì chưa đủ để lãnh ơn cứu chuộc của Chúa Kitô..Muốn đầy đủ hơn thì phải siêng năng cầu nguyện, lãnh nhận các Bí Tích mà Chúa Kitô đã thiết lập để mưu ích phần rỗi cho ta trong Giáo Hội. Các bí tích nói chung, và hai bí tích Thánh Thể và Hòa giải nói riêng, là những phương tiện thông ban ơn Chúa dồi dào cho những ai muốn lãnh nhận ơn cứu độ của Chúa Kitô nhờ Hy Tế đền tội mà Chúa đã dâng lên Chúa Cha trên thập giá năm xưa và nay trên bàn thờ mỗi khi Thánh Lễ được cử hành.

Vì thế , khi tham dự Thánh lễ, chúng ta được lãnh ơn cứu chuộc của Chúa Kitô như Giáo Hội dạy trong Hiến Chế Lumen Gentium (Ánh Sáng muôn dân) sau đây:

“ Mỗi lần hy tế thập giá được cử hành trên bàn thờ, nhờ đó “Chúa Kitô, Chiên vượt qua của chúng ta chịu hiến tế (1 Cor 5, 7) thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện.” (LG 3)

Đó cũng là lý do tại sao Thánh Lễ được coi là “**nguồn mạch và chóp đỉnh của tất cả đời sống Kitô Giáo**”. Nghĩa là không thể sống trọn vẹn đời sống Kitô Giáo mà không tham dự Thánh Lễ để vừa được nghe lời Chúa và nhất là được ăn thịt và uống máu Chúa Kitô là bảo chứng cho ta được sống đời đời như Chúa đã hứa:

“ Ai ăn thịt và uống máu Ta thì được sống muôn đời

Và Ta sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết.” (Ga 6: 54)

Mặt khác, là con người sống trên trần gian này, không ai có thể tránh được nguy cơ của tội lỗi đến từ ma quỷ, thế gian và xác thịt. Do đó, nếu không siêng năng chạy đến với Chúa qua bí tích hòa giải thì làm sao nổi lại được tình thân với Chúa, sau khi lỡ sa ngã vì yêu đuối con người, vì ma quỷ và thế gian luôn cám dỗ với mọi dịp tội và gương xấu để lôi kéo ta ra khỏi thân tình với Chúa để làm nô lệ cho chúng và mất hy vọng được cứu rỗi.

Chính vì biết con người còn yếu đuối và dễ sa ngã, nên Chúa Kitô đã dự trù sẵn phương thế hữu hiệu là ban cho chúng ta bí tích hòa giải để giúp ta trở dậy và lấy lại thân tình với Chúa mỗi khi lỡ sa phạm tội vì yếu đuối và vì ma quỷ cám dỗ.

Ai dám nói là mình không bao giờ phạm tội để không cần bí tích này nữa?

Cũng không thể trực tiếp xưng tội với Chúa không cần qua trung gian của ai (linh mục) như anh em Tin Lành giảng dạy, vì Chúa Kitô đã trao quyền tha tội này cho các Tông Đồ mà người kế vị các ngài là các Giám mục và phụ tá Giám mục là các linh mục.

Do đó không thể cứ hát Alleluia và nghe lời Chúa không thôi như anh em Tin lành quảng bá thì sẽ thiếu đi phần quan trọng nữa là lãnh nhận các ơn ích thiêng liêng qua các bí tích mà Chúa Kitô đã thiết lập và ban cho Giáo Hội sử dụng để thánh hóa và ban ơn cứu rỗi cho con người cho đến ngày mãn thời gian.

Kinh nghiệm thiêng liêng cho mọi người tín hữu chúng ta biết rằng : phải siêng năng cầu nguyện, nghe lời Chúa và luôn chạy đến với hai bí tích rất quan trọng và cần thiết là Thánh Thể và Hòa giải để được ăn uống Mình Máu Chúa, là linh dược nuôi sống linh hồn và cho ta sức mạnh cần thiết để đứng vững trong ơn nghĩa với Chúa cũng như lấy lại ơn nghĩa này sau khi lỡ sa phạm tội nặng hay nhẹ, vì yếu đuối của bản năng, nhất là vì ma quỷ - ví như “ **su tử gằm thét rào quanh tim mỗi căn xé**” để mong sát hại linh hồn chúng ta, như Thánh Phê rô đã lưu ý. (1 Pr 5: 8)

Tóm lại, muốn thăng tiến trong đời sống thiêng liêng, muốn lớn lên trong tình yêu Chúa, và muốn được cứu rỗi thì phải sử dụng mọi phương tiện cần thiết nói trên, như nghe lời Chúa, cầu nguyện và siêng năng lãnh nhận các bí tích Thánh Thể và Hòa giải là những phương tiện cứu rỗi cần thiết mà Chúa Kitô đã ban cho chúng ta qua Giáo Hội, là Thân Thể Nhiệm Mầu của Chúa trong trần gian, có mặt và hoạt động cho đến ngày mãn thời gian.

Lm P.X Ngô Tôn Huấn

VỀ MỤC LỤC

ĐÓ LÀ LỜI CHÚA (tiếp theo)

Gs. Trần Văn Toàn

Thiên hà ngôn tai ?

Tứ thời hành yên

Bách vật sinh yên

Thiên hà ngôn tai ?

(Sách Luận ngữ, thiên Dương hóa, 19)

2 – Quan niệm của đạo Do thái và đạo Giê-su

Tuy nói chung chung rằng Sách Thánh là lời Chúa, nhưng hai đạo này không quan niệm một cách quá thực tiễn rằng Sách Thánh viết ra những lời có sẵn từ trời đem xuống. Cho nên quan niệm về lời Chúa có phần tế nhị hơn.

21 – Không phải sách nào câu nào cũng là lời Chúa ban thẳng xuống

Sách Thánh của đạo Do-thái và của đạo Giê-su, tuy ngày nay in thành một tập, nhưng không phải chỉ là một cuốn sách, mà là một tủ sách gồm hàng mấy chục cuốn, viết vào những thời

điểm khác nhau kéo dài tới hơn mười thế kỷ, lại mang tên nhiều tác giả. Trong các cuốn sách đó chỉ có một phần nhỏ được coi là lời Thiên Chúa dạy bảo, còn ngoài ra là sách kể lại nhiều lần những sự việc đã xảy ra, và mỗi lần có kèm theo những suy nghĩ về ý nghĩa của các biến cố lịch sử, về Thiên Chúa, về thân phận con người ; lại có những áng thơ ca tụng Chúa hay cầu khẩn với Chúa, và các lễ luật tỉ mỉ về nếp sống của cộng đồng, thậm chí còn có cả những lễ luật về phép vệ sinh nữa.

Ví dụ trong bộ sách Tân Ước thì bốn sách Phúc-âm chỉ là một phần nhỏ, còn quá một nửa là thư từ mà các tông đồ viết để giải thích, dạy bảo và khuyến khích các tín đồ trong những trường hợp khó khăn. Lại có một cuốn sách kể lại cuộc hành trình truyền đạo của các tông đồ.

Cho nên khi ta đọc một câu trong bức thư thứ hai mà Phao-lô gửi cho Ti-mô-thê, như : « Cái áo choàng tôi đã để lại nhà anh Các-pô ở Tơ-roa, thì khi đến, xin anh đem theo, cũng như các sách vở ... » (Chương 4, câu 13), thì không ai lại dễ tin đến độ nghĩ rằng đó là lời Chúa. Rồi khi đọc trong Phúc âm thánh Mác-cô, sau khi Đức Giê-su bị bắt, chương 14, câu 50-52 : « Bấy giờ các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết. Trong khi đó có một cậu thanh niên đi theo Người, mình khoác vồn vồn một tấm vải gai. Họ túm lấy anh. Anh liền trút tấm vải lại, bỏ chạy trần truồng », thì ta chỉ thấy đó là một chi tiết hi hữu, chứ không nghĩ rằng Chúa dạy phải theo đòi bắt chước. Và khi đọc sách Công vụ các tông đồ, ta thấy kể truyện hai thánh tông đồ Phao-lô và Ba-na-ba, đã từng cộng tác mật thiết với nhau, nhưng đã có lúc bất đồng ý kiến, rồi thì « hai bên nổi nóng đến mức phải chia tay nhau » (Cv 15, 39), thì không ai nghĩ rằng Chúa bảo phải theo gương như thế.

22 – Những điều mâu thuẫn trong Sách Thánh

Trái lại với kinh Côran của Hồi giáo, người ta thấy nhan nhản trong Sách Thánh của hai đạo Do Thái và đạo Giê-su, nhất là trong bộ Cựu Ước, có khá nhiều những điều mâu thuẫn nhau. Cũng không lạ gì, vì kinh Cô-ran được trình bày như là một lời nói duy nhất, dứt khoát, còn bộ Sách Thánh kia là nhiều lời nói, nói với những người ở trong nhiều trình độ văn hóa khác nhau và ở trong nhiều thời điểm khác nhau. Cho nên những cái khác nhau đó chứng tỏ là những người được nghe lời Chúa đã lĩnh hội khác nhau tùy giai đoạn lịch sử. Nói thế khác : lời mặc khải của Chúa đã có một lịch sử, đi từ « lớp đồng ấu » cho đến lớp « cao đẳng ».

Một ví dụ về thù hằn ân oán : trong sách Sáng thế ta thấy có ghi lại rằng : « Bất cứ ai giết Ca-in sẽ bị trả thù gấp bảy (St 4, 15), và sau đó lại ghi thêm câu nói của La-méc : « Ca-in sẽ được báo thù gấp bảy, nhưng La-méc thì gấp bảy mươi bảy » (St 4, 24). Trong sách Xuất hành, chương 21, câu 23-25, ta thấy đã giảm đi tới chỗ đồng đều : « Nếu có gây tổn thương, thì người phải lấy mạng đền mạng, mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân, vết bỏng đền vết bỏng, vết thương đền vết thương, vết bầm đền vết bầm ». Tuy vậy trước đó mấy câu ta đã thấy đưa ra một giải pháp nhân từ : « Ai đánh chết người, thì phải bị giết. Nhưng nếu không có mưu tính trước, mà chỉ vì Thiên Chúa đã để lỡ tay, thì Ta sẽ chỉ cho người một nơi mà kẻ giết người có thể trú ẩn » (Xh 21, 12-13). Và sau cùng ta đọc trong Phúc âm theo thánh Lu-ca, chương 23, câu 34 : « Bấy giờ Đức Giê-su cầu nguyện rằng : « Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm ». Đọc gần đây thôi cũng đủ thấy là không thể mỗi câu đã ghi trong Sách thánh đó đều là một lời Chúa dạy như nhau cả.

Một ví dụ khác về trách nhiệm và về liên quan nhân quả. Sau khi dân Do-thái phải nước mất nhà tan và bị đem đi lưu đày ở xứ Ba-bi-lon, thì người ta suy nghĩ về nguyên do của quốc nạn, và trong sách Sa-mu-en và sách Các Vua, người ta nói lên hai ý kiến : một là các vua không phải là « thiên tử » hay là thần thánh gì cả, hai là chính vì các vua đã phạm nhiều tội lỗi cho nên mới gây ra quốc nạn như thế. Nhưng cũng vào thời bị lưu đày đó thì trong sách của ngôn sứ Ê-dê-ki-en (chương 18) lại đưa ra một quan niệm khác về trách nhiệm con người. Ông viết :

« Có lời Đức Chúa phán với tôi rằng : Sao các người cứ truyền cho nhau câu ngạn ngữ này trong khắp đất Israel : Đòi cha ăn nho xanh, đòi con phải ê răng[1]. (...) Các người sẽ không còn truyền cho nhau câu ngạn ngữ đó trong đất Israel nữa. Nay, mạng sống nào cũng thuộc về Ta ; mạng sống của cha cũng như mạng sống của con đều thuộc về Ta. Ai phạm tội, kẻ ấy phải chết » (Ed 18, 1-4). Chẳng lẽ hai quan niệm khác nhau đó đều cùng là lời nói dứt khoát của Chúa dạy cả ?

23 – Lời Chúa hay là lời của người ta ?

Nếu Thiên Chúa có nói một mình thì ta không biết. Nhưng nếu Chúa nói cho người ta, thì nói cho người ta hiểu. Và vì người ta nói nhiều thứ tiếng khác nhau, cho nên nếu Chúa có nói thì tất nhiên là dùng tiếng nói của người nghe. Ta không có lý do gì mà nói rằng ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia là ngôn ngữ riêng của Thiên Chúa. Cũng chính vì thế mà khi đa số dân Do-thái không còn sống trong đất Palestina nữa, thì chính người Do-thái phiên dịch Sách Thánh từ tiếng Híp-ri sang tiếng Hi-lạp, gọi là bản Bảy Mươi. Tiếp theo đó đến bộ Tân Ước được viết bằng tiếng Hi-lạp, thời đó đang là chuyển ngữ ở Địa-trung-hải, chứ không viết bằng tiếng A-ram là tiếng Đức Giê-su nói lúc sinh thời, và rồi đã được phiên dịch sang tiếng nói của muôn dân, để ai nấy được nghe lời giảng dạy bằng tiếng của mình, như trong ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống (Sách Công vụ tông đồ 2, 4-11).

Thêm vào đó thì những người được nghe lời Chúa lại sống vào những thời điểm khác nhau, có trình độ văn hóa và khả năng lĩnh hội khác nhau, cho nên không thể coi một lời nói như là một công thức bất di bất dịch ở ngoài thời gian, viết cho muôn dân trong mọi thời đại. Vì thế phải xét đến yếu tố lịch sử : những điều Chúa dạy thường phải tùy vào trình độ hiểu biết của người nghe, đi từ chỗ thô sơ đến chỗ tế nhị hơn. Nếu Thiên Chúa không có ngôn ngữ riêng, thì Sách Thánh của chúng ta không phải là « sách trời » đã viết sẵn từng câu, trong một ngôn ngữ nào đó, rồi được thiên sứ đem xuống ban bố.

Cho nên cái mà ta quen gọi là « lời Chúa » cũng chính là lời con người ta dùng ngôn ngữ của mình, mà nói lại cho nhau những điều mình lĩnh hội được trong khi được Chúa viếng thăm. Ta gọi phương thức truyền đạt như thế bằng một kiểu nói : Thiên Chúa « linh ứng » (inspiration).

Người ta đã tìm nhiều cách để giải thích « linh ứng » là gì.

Xét theo từ nguyên thì từ ngữ La-tinh « inspiratio » bắt nguồn từ « in » là đi vào và « spiritus » là hơi thở. Người ta còn hơi thở thì còn sống, và tắt thở là chết. Vì thế trong sách Sáng Thế có viết một cách nên thơ rằng : « Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật » (St 2, 7). Khi ta nói thì ta làm cho không khí chấn động, đồng thời truyền thông tư tưởng, chuyển những yếu tố tinh thần sang người khác. Cũng như thế, ta hiểu rằng lời Chúa đưa thần khí của Người đến cho ta, làm cho ta sống và nhận ra được dự định của Người. Nhưng đây chỉ là lối hiểu đại khái, chung chung vậy thôi, chưa cho ta thấy rõ làm sao mà có được Sách Thánh.

Đã có lúc người ta hiểu một cách đơn sơ rằng các tác giả đã viết ra những cuốn Sách Thánh, đều được Thiên Chúa cầm tay hướng dẫn để họ viết đúng những câu mà Chúa muốn dạy, cho dù lúc đó họ chưa hiểu hết ý. Lối giải thích này cũng thô sơ tương tự như lối hiểu của Hội giáo về sách thánh Cô-ran. Cả hai lối cùng quan niệm rằng các câu Sách Thánh đều là từ trời đem xuống đúng như ý Chúa muốn.

Lại có người hiểu rằng Chúa không cầm tay khi người ta viết, nhưng thần khí của Người xuống đầy tràn tâm trí của người viết, làm cho họ hiểu được đúng ý Chúa, rồi sau đó họ lựa chọn từ ngữ, câu cú, để viết lên sao cho hợp.

Thực ra phép « linh ứng » là một điều rất khó hiểu, và những lối giải thích trên đây đều là bất cập, và rõ ràng là vẫn tối tăm. Tuy vậy cũng nên dùng lý trí suy luận để tránh cái thói lúc nào cũng nói đến mâu nhiệm, đến phép thần thông phi thường.

Người ta có thể nghĩ : biết đâu chẳng có Thiên Chúa nào cả, và cũng chẳng có « linh ứng » gì cả ? Thế nhưng chẳng lẽ không có gì hết, không có ai hết, mà con người ta lại cứ bày vẽ ra là có ? Vì sao con người không dừng lại những điều mắt thấy tai nghe, thấy thế nào thì biết thế ấy, mà lại cứ nói thêm đến những cái ở ngoài phạm vi hình sắc, Giải thích thì cũng không phải là để gì : tôn giáo dân gian cũng đã có làm như thế rồi. Nói rằng con người ta khi còn dốt nát, ngu đần, đã bày ra các thần linh, chỉ vì sợ chết và sợ các mãnh lực thiên nhiên mà mình không làm chủ nổi, thì cũng chưa giải thích vì sao cái ngu đần ấy đã có sức cái sức sáng tạo phi thường, đã định hình một cách lâu dài cho nếp sống tri thức và đạo đức của nhân loại. Chẳng lẽ tất cả chỉ là ảo ảnh sai lầm hết. Dù sao, tin cũng có nghĩa là dám tin, dám tin *cần, dám mạo hiểm*.

Chắc một điều là, như thánh Gio-an viết : « Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả » (Ga 1, 18) ; mà nếu chúng ta chưa bao giờ thấy Thiên Chúa thì làm sao nghe Chúa nói ? Thực ra chúng ta không nghe thấy Chúa nói thế nọ thế kia, nhưng chỉ thấy *những người đã đi trước chúng ta nói lại rằng Chúa nói như thế. Đó là những điều họ hiểu được về Thiên Chúa và như thế họ là chứng nhân của Thiên Chúa. Chúng ta biết Chúa qua những chứng nhân của Người.* Riêng các đệ tử đã nghe Đức Giê-su nói thì cũng mãi sau ngày Phục Sinh và ngày Hiện Xuống mới nhận ra hiện diện của Thiên Chúa trong đời sống của Người.

Vai trò của chứng nhân quan trọng như thế, cho nên nếu đạo giáo được truyền bá và duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác, thì là vì cộng đồng tín hữu cũng phải sống đạo nối tiếp vai trò chứng nhân. Thực vậy, nếu ngôn sứ hay chứng nhân của Thiên Chúa nói ra, mà người được nghe cho là không nghe được, nếu các chứng nhân không có người nối tiếp, thì tất nhiên đạo Chúa chỉ còn là một lý thuyết lỗi thời, sẽ bị xếp vào một xó, sẽ bị đào thải và lời nói ấy sẽ mai một đi, không được truyền bá nữa. Đó là một sự kiện rất thông thường. Ví dụ ngôn sứ Giê-rê-mi-a đã sống vào thời buổi loạn lạc, trước khi mất nước, vua cũng như dân không biết phải xoay xở ra sao. Ông nói ra không ai nghe, lại còn bị tống ngục, còn ngôn sứ chính thức của nhà vua là Kha-nan-gia thì lại được lên mặt. Nhưng sau các biến cố đưa tới nước mất nhà tan, thì dân Chúa còn sống sót mới thấy là ông nói phải, cho nên họ ghi lại những điều ông giảng dạy răn đe, còn Kha-nan-gia nói gì thì không ai nhắc đến nữa. Các sách được thêm dần vào bộ Sách Thánh và được các thế hệ về sau giữ lại, đều đã được dân Chúa, được các chứng nhân của Chúa chọn lọc theo tiêu chuẩn như thế.

Tôn giáo là một thực tại xã hội chứ không phải chỉ là một liên quan riêng giữa từng cá nhân với một hay là nhiều vị thần. Riêng đạo Chúa Giê-su Cứu Thế thì tính cách xã hội, tính cách cộng đoàn lại càng phải được chú trọng. Nhà thần học Joseph Ratzinger – nay là giáo tông Biển-Đức XVI – đã viết trước đây gần 40 năm, trong các khóa trình về đức tin của các thánh tông đồ : « Nếu chỉ có một bên là Thiên Chúa, một bên là một mớ những cá nhân rời rạc, thì đạo Chúa Cứu Thế Giê-su không dùng làm gì được cả »[1]. Vì lẽ rằng Thiên Chúa không nói riêng cho một cá nhân, nhưng nói cho một cộng đoàn qua trung gian của những vị ngôn sứ. Rồi lời Chúa có được truyền đi nữa hay không thì là do cộng đoàn có chấp nhận và có muốn chia sẻ với người khác hay không.

Nhưng thế nào là nói cho một cộng đoàn qua trung gian của những vị ngôn sứ ? Trên đây ta đã gạt ra một bên cái quan niệm cho rằng Thiên Chúa nói thẳng cho ngôn sứ nghe rồi chép lại, hay là cho rằng Người cầm tay người viết Sách Thánh. Vậy nên hiểu thế nào là « linh ứng » ?

Để giải đáp câu hỏi này, tôi xin đưa ra đây lời giải thích của nhà thần học Edward Schillebeeckx[1] : « Trong cuộc cứu độ thì việc làm (mặc khải trong biến cố lịch sử) và lời nói (lời mặc khải) không thể tách rời nhau trong chương trình mặc khải. Trong cuộc đối thoại thiết

thực với Thiên Chúa, thì lịch sử chuyển thành lịch sử con người được cứu độ hay là hay lịch sử con người bị diệt vong. Cuộc đối thoại ấy có âm hưởng rõ rệt trong lòng người ngôn sứ, và chính lời nói của ngôn sứ làm cho ý nghĩa của cuộc đối thoại được sáng tỏ ra. Lời nói làm cho cộng đồng dân chúng thấy rõ là có hành động cứu độ của Chúa và nội dung hành động ấy như thế nào. Chính vì hành động cứu độ của Chúa trong lịch sử phạm tục lại có tính cách siêu nhiên, cho nên tự nó đòi phải có lời nói thêm vào. Và chỉ có lời nói của vị ngôn sứ, lời nói của người đã nghe và hiểu Chúa muốn nói gì qua các biến cố lịch sử, mới làm được cho dân Chúa hoàn toàn ý thức được ơn cứu độ mà Chúa mặc khải cho biết. Không những Thiên Chúa nói ra một cái gì về sự cứu độ, để cho dân Do-thái nhận ra đó là ơn cứu độ cho mình và cho cả thế giới, mà Chúa còn có hành động để làm hoàn thành nó trong lịch sử, và thêm vào đó, Chúa còn dùng lời nói của vị ngôn sứ để làm cho rõ ý nghĩa. Như thế nghĩa là lịch sử cứu độ mà Chúa cho biết cũng chính là lịch sử phạm tục được hiểu theo viễn tượng cuộc đối thoại với Thiên Chúa »[1].

Nói một cách cụ thể hơn : trong chương trình mặc khải thì Chúa không nói suông, nhưng có làm trước rồi mới nói. Việc làm của Chúa có thể chia ra làm ba đợt sau đây : đợt nhất là sự hiện hữu của trời đất thiên nhiên ; đợt nhì là lịch sử của dân Chúa, *với những bước quanh co, những lúc thăng trầm* ; đợt ba là cuộc đời của Đức Giê-su. Đợt nào cũng vừa có tính cách tự nhiên phạm tục, có thể giải thích bằng các nguyên nhân theo nguyên lý nhân-quả ; lại vừa có ý nghĩa siêu nhiên, nếu xét theo viễn tượng đối thoại với Thiên Chúa. Như thế lời nói của Chúa qua trung gian ngôn sứ là nói lên ý nghĩa các việc đã làm.

Những người đã chứng kiến các sự việc trên đây, có thể suy xét theo nguyên lý phạm tục, nhưng cũng có thể nghe thêm ngôn sứ nói lên ý nghĩa siêu nhiên. Trong đợt nhất thì tự nhiên con người ta có thể nhận định rằng mình không làm ra vũ trụ, từ đó có thể tin rằng vũ trụ là tự nhiên có như thế, nhưng cũng có thể tin rằng vũ trụ là do ai làm ra. Ý nghĩa siêu nhiên mà ngôn sứ nói lên ở đợt này là Thiên Chúa tạo thiên lập địa : *các vật mà ta thấy trong trời đất thì không có vật nào là tuyệt đối. Trong đợt nhì* thì cái lịch sử của dân Chúa có thể giải thích bằng những nguyên nhân kinh tế, xã hội, chính trị, hay cá nhân ; nhưng ngôn sứ cũng có thể giải thích rằng qua những bước thăng trầm đó thì có bàn tay của Thiên Chúa dẫn dắt cho dân Chúa đi cho *đúng nhân đạo và đúng thiên đạo [1]*, và *vì thế nhiều khi vị ngôn sứ phải nói lên* những điều không hợp sở thích của quần chúng. Ý nghĩa mà ngôn sứ nói lên ở đợt ba là : trông vào cuộc sống (nếp sống và lời giảng dạy) và cái chết của Đức Giê-su, người ta có thể nhận ra là Thiên Chúa hiện diện trong lịch sử và trong đời sống của người, *để dạy cho ta biết dự định của Người. Nhưng lời nói của ngôn sứ không có sức cưỡng bách*, vì chỉ là đề nghị một ý nghĩa cho các biến cố lịch sử trong quá khứ, và đề nghị một nếp sống bây giờ và về sau ; người nghe có thể tự do chấp thuận hay là không. Vả lại, vẫn có những ngôn sứ giả hiệu, nói khác đi nữa.

Những người chấp nhận lời của ngôn sứ làm thành một cộng đoàn, họ cho đời sống của họ có một ý nghĩa đặc biệt, họ duy trì và truyền bá đạo giáo từ đời này sang đời khác. Truyền thống này đã có biến chuyển theo những đợt nói trên và tùy theo những biến cố lịch sử của thời đại. Sau cùng thì các biến cố đã xảy ra với những ý nghĩa siêu nhiên mà nhiều thế hệ ngôn sứ đã nhận thức ra, đều được viết lại thành sách, gọi là Sách Thánh hay là Thánh Kinh, được sao chép và rồi được phiên dịch cho các thế hệ về sau.

Tuy vậy cũng cần phải nói rõ rằng đạo giáo được truyền bá, không phải là vì sách vở cao siêu được phổ biến, nhưng là vì có những chứng nhân biết sống đạo.

Vài lời kết luận

Có thể tóm tắt các giai đoạn trong hành động mặc khải của Chúa như sau :

- 1) một cộng đồng đã chung sống một biến cố lịch sử quan trọng ;
- 2) ngôn sứ là một người trong cộng đồng đã có suy nghĩ, rồi nhận định và nói lên cái ý nghĩa siêu nhiên của biến cố, tức là mối liên quan với Thiên Chúa ;
- 3) người trong cộng đồng chấp nhận cái ý nghĩa đó, cho nó là phù hợp với những điều mình cảm nghiệm được ;
- 4) sau cùng thì viết lại các sự việc và ý nghĩa của chúng, sách viết ra là Sách Thánh, kể lại lịch sử các chặng đường của con người đi tìm Thiên Chúa, đi từ chỗ hiểu biết thô sơ, cho đến chỗ tế nhị hơn, đi từ nếp sống vị kỷ cho đến nếp sống vị tha, vì người khác, và vì Chúa.

Như thế thì Sách Thánh không phải là từ trời đem xuống, vì trong Thánh Kinh, lời Chúa cũng là lời của cộng đồng tín hữu nói lên những điều mình lĩnh hội được về ý muốn của Chúa và về mối liên quan giữa con người và Thiên Chúa. Và vì người tín hữu sống ở những thời điểm khác nhau, cho nên cái nhìn về Thiên Chúa, tuy có làm thành một lịch sử liên tục, nhưng có những chi tiết khác nhau : quan niệm của các tổ phụ, của các vị ngôn sứ, và của Đức Giê-su về Thiên Chúa thì không giống nhau đủ mọi nét. Riêng về Đức Giê-su thì cũng có ít là bốn cái nhìn – bốn sách phúc âm - không hoàn toàn giống nhau. Có điều chắc chắn là ta không thể đóng khung Thiên Chúa vào trong một cuốn sách hay trong một bộ giáo điều.

Lời mặc khải của Chúa qua trung gian các ngôn sứ không nhằm vào những kiến thức khách quan về vũ trụ và về lịch sử, mà người ta có thể dùng lý trí và khoa học để hiểu biết dần dần. Đứng trước cùng một vũ trụ, cùng một biến cố, thì người ta có thể giữ lập trường vô thần, không tin thần thánh hay ý nghĩa siêu nhiên gì cả ; lại cũng có thể chọn lập trường đa thần, cho rằng mỗi vị thần làm chủ một khía cạnh trong đời người ; cho nên khi có ai chọn niềm tin vào một Thiên Chúa thì đó cũng là một sự lựa chọn tự do.

Về nội dung, thì những điều Chúa cho biết, tuy có ăn rễ vào các hiện tượng trong vũ trụ con người, nhưng không chú trọng vào các hiện tượng vật lý học về vũ trụ, hay các biến cố trong lịch sử cá nhân hay của cộng đồng : về những điểm này thì người tín hữu hay vô thần có thể dùng lý trí mà tìm biết và dùng tiêu chuẩn khách quan để đồng ý với nhau. Những điều Chúa cho biết đó chú trọng vào ý nghĩa của các hiện tượng hay biến cố. Ý nghĩa của chúng mà ngôn sứ hay chứng nhân nói lên thì có liên quan tới vận mệnh của con người, và thuộc về phạm vi của niềm thâm tín, người nghe có thể tùy tiện mà muốn nghe, muốn hiểu, muốn làm theo, hay không.

Vậy Chúa muốn cho ta biết những gì ? Chúa muốn cho ta biết dự định của Chúa về vận mệnh con người, cho biết con người có giá trị như thế nào trước mặt Chúa – và đây là những điều mà khoa học thiên nhiên không cho biết – ai dám tin thì tín cẩn vào Người, ai không tin thì không chấp nhận, có thể thôi.

Người ta tự do tin hay không tin lời Chúa, nhưng một khi đã muốn tín cẩn vào lời Chúa, thì lòng tin ấy không phải chỉ là biết vậy thôi, lòng tin ấy phải được đưa ra thực hành : thực hành trong đời sống phụng tự (các phép bí tích) và thực hành trong nếp sống đạo đức, mến Chúa yêu người. Vì như ta đọc trong thư của thánh Gia-cô-bê : « Đức tin không có hành động thì quả là đức tin chết » (Gc 2, 17). Thế rồi người ngoài có thể xem quả biết cây, xem nếp sống của tín hữu mà đánh giá niềm tin.

Chính vì lời Chúa cũng là lời cộng đồng tín hữu nói lên ý muốn của Chúa, cho nên khi giáo hội căn cứ vào Sách Thánh mà giảng dạy như là lời Chúa, trên tòa giảng hay là trong các văn kiện chính thức, thì giáo hữu cho là đáng tin, đáng tín cẩn. Và như thế là phải lẽ.

Có điều rằng tôi thấy đó là một trách nhiệm rất lớn đối với các chứng nhân của Chúa. Đã có những chứng nhân (martyrs) đã trung thành với lời Chúa cho đến nỗi thà chết chẳng thà chối bỏ. Ta biết giáo hội là giáo hội của những con người muốn tín cẩn vào Chúa, nhưng chưa hoàn toàn dứt bỏ được các nét xấu, như « tham sân si », hay là « bầy mối tội đầu », cho nên có thể là xưa nay và đó đây có những việc làm phản lại Phúc âm, kể ít người nhiều, kể cả những người có sứ mệnh giảng đạo. Đáng buồn, nhưng cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Tuy vậy, nếu đạo Chúa còn tồn tại cho đến ngày nay, thì là vì trong giáo hội vẫn còn có những chứng nhân, tuy không hoàn hảo, nhưng vẫn ra sức trung thành sống đạo, lấy lời Chúa làm khuôn vàng thước ngọc, không dám tự tiện giải thích lời Chúa sao cho hợp với cái sở thích hay cái tư lợi của mình.

Trách nhiệm của các chứng nhân thật là lớn, vì nếu không còn ai làm chứng cho Lời Chúa thì đạo Chúa sẽ không được truyền đi nữa. Đã thế, chứng nhân còn phải có một nếp sống làm cho mình đáng tín cẩn, vì lẽ rằng nếu người ta không tin được lời của những chứng nhân mà mình trông thấy, thì làm sao có thể tin được Lời của Chúa mà mình không trông thấy [1].

Giáo hội rất ý thức được được tình trạng này cho nên trong thánh lễ đã có lời cầu nguyện khiêm tốn trước khi « chịu lễ ». Lời rằng : « Xin Chúa đừng chấp tội lỗi chúng tôi, nhưng xin Chúa nhìn vào đức tin của giáo hội của Chúa ».

Lambersart, 15 / 08 / 2006

VỀ MỤC LỤC

“TA LÀ” (EGÔ EIMI) TRONG TIN MỪNG GIO-AN.



Bài viết tiếng Pháp:

[“Je Suis” \(egô eimi\) dans l’Évangile de Jean](#)

Tác giả: [Giu-se LÊ MINH THÔNG, O.P.](#)

Blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 31 tháng 03 năm 2014.

Nội dung

I. Dẫn nhập

II. Cách dùng “egô eimi” trong Tin Mừng Gio-an

1. Nghĩa thông thường của “egô eimi”

- a) “Egô eimi” nói về nơi chốn hay thuộc về ai
- b) Các nhân vật khác dùng “egô eimi”

2. Nghĩa thần học “egô eimi” của Đức Giê-su

- a) “Egô eimi” có thuộc từ (14 lần)
- b) “Egô eimi” xác định người nói (5 lần)
- c) “Egô eimi” không có thuộc từ (4 lần)

III. “Egô eimi” trong Cựu Ước

1. Nghĩa thông thường của “egô eimi”

2. “Egô eimi” là Danh ĐỨC CHÚA (YHWH, Yahvé)

IV. “Egô eimi” trong sách Khải Huyền

V. “Egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an

1. “Egô eimi” có thuộc từ

2. “Egô eimi” xác định người nói

- a) Chính là Tôi (egô eimi), người đang nói với chị” (4,26)
- b) “Chính là Thầy (egô eimi), đừng sợ!” (6,20)
- c) “Chính là Tôi (egô eimi)” (18,5)

3. “Egô eimi” không có thuộc từ

- a) “Nếu các ông không tin rằng: Tôi Là...” (8,24)
- b) “Bấy giờ các ông sẽ biết rằng Tôi Là” (8,28)
- c) “Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là” (8,58)
- d) “Anh em tin rằng: Thầy Là” (13,19)

VI. Kết luận

VII. Thư mục

I. Dẫn nhập

Kiểu nói tiếng Hy Lạp “egô eimi” có nghĩa “chính tôi là” hay “chính là tôi” tùy theo văn mạch. “Egô eimi” có thể có nghĩa thông thường. Chẳng hạn, Gio-an Tẩy Giả trả lời những kẻ hỏi về ông ở Ga 1,20b: “Chính tôi không phải là Đấng Ki-tô (egô ouk eimi ho Khristos)”, hay Phi-la-tô nói với Đức Giê-su ở 18,35a: “Tôi là người Do Thái sao? (mêti egô loudaios eimi;)” (Trích dẫn Kinh

Thánh lấy trong [Bản dịch của NPD/CGKPV, ấn bản 2011](#), trong đó [Tin Mừng Gio-an](#) và [Sách Khải Huyền](#) lấy trong bản dịch song ngữ của Giu-se Lê Minh Thông).

Đối với Đức Giê-su, Người dùng kiểu nói “egô eimi” có thuộc ngữ, như khi Người nói với những người Do Thái: “Chính Tôi là (egô eimi) ánh sáng của thế gian” (8,12), hay thuộc ngữ được hiểu ngầm để xác định người nói như ở 6,20, Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Chính là Thầy (egô eimi), đừng sợ!” Đặc biệt là kiểu dùng tuyệt đối “egô eimi” không có thuộc từ. Chẳng hạn, Đức Giê-su nói với những người Do Thái ở 8,58b: “Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là (egô eimi).” (Xem sách [TÌNH YÊU và TÌNH BAN trong Ga 15,9-17, tr. 256](#)).

Cụm từ “egô eimi” được dùng thế nào trong Tin Mừng Gio-an? Kiểu nói “egô eimi” trong Cựu Ước nói đến ai? Nghĩa thần học “egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an là gì? Để trả lời những câu hỏi trên, bài viết sẽ trình bày bốn mục chính: (1) Cách dùng “egô eimi” trong Tin Mừng Gio-an, (2) “Egô eimi” trong Cựu Ước, (3) “Egô eimi” trong sách Khải Huyền và (4) Cách hiểu “egô eimi” theo thần học Tin Mừng Gio-an.

II. Cách dùng “egô eimi” trong Tin Mừng Gio-an

Trong tiếng Hy Lạp, “egô” là đại từ ngôi thứ nhất số ít (tôi), “eimi” là động từ “là, ở” (être) chia ở ngôi thứ nhất số ít, “eimi” có nghĩa “tôi là, je suis.” Trong kiểu nói “egô eimi”, “egô” là hình thức nhấn mạnh chủ từ nên dịch: “chính tôi là”, (Moi, je suis) hay “chính là tôi” (c’est moi) tùy theo mạch văn.

Như thế có thể dùng “eimi” (tôi là), không có hình thức nhấn mạnh chủ từ bằng đại từ ngôi thứ nhất “egô”. Chẳng hạn, Đức Giê-su nói với các môn đệ ở 9,5: “Bao lâu Thầy còn ở trong thế gian, Thầy là (eimi) ánh sáng của thế gian.” Ở 18,37a, Đức Giê-su nói với Phi-la-tô: “Chính ngài nói rằng Tôi là (eimi) Vua.” Đức Giê-su nói với các môn đệ ở 13,13: “Anh em gọi Thầy là ‘Thầy’ và là ‘Chúa’, anh em nói đúng, vì Thầy là thế (eimi).” Xem cách dùng “eimi” không có “egô” ở 1,21b; 14,9.

Ngược lại là dùng “egô” không có “eimi”. Chẳng hạn, Đức Giê-su tuyên bố ở 12,46: “Tôi là (egô) ánh sáng đến trong thế gian.” Dịch sát: “Tôi, ánh sáng, đến thế gian.” Từ “ánh sáng” theo sau đại từ “egô” (tôi) làm đồng vị ngữ (apposition) cho chủ từ, nghĩa là Đức Giê-su đồng hoá mình với ánh sáng, Người là ánh sáng. Ở 1,23a, Gio-an Tẩy Giả định nghĩa sứ vụ của mình như sau: “Tôi là (egô) tiếng kêu trong hoang mạc, hãy làm cho thẳng con đường của Chúa...” Trong bài viết này chúng tôi chỉ bàn đến kiểu nói “egô eimi”.

1. Nghĩa thông thường của “egô eimi”

Trong Tin Mừng Gio-an, Đức Giê-su dùng kiểu nói “egô eimi” để nói về nơi chốn hay thuộc về ai. Một số nhận vật khác cũng dùng kiểu nói “egô eimi”. Trong những trường hợp này, “egô eimi” có nghĩa thông thường.

a) “Egô eimi” nói về nơi chốn hay thuộc về ai

Cụm từ “hopou eimi egô” (nơi tôi ở) xuất hiện ba lần trong Tin Mừng Gio-an ở 7,34.36; 14,3. Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 7,34b: “Nơi Tôi ở (hopou eimi egô), các ông không thể đến được.” Những người Pha-ri-sêu lặp lại câu này ở 7,36. Cụm từ trên còn xuất hiện ở 14,3, Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Nếu Thầy đi và dọn chỗ cho anh em, Thầy sẽ lại đến và đem anh em theo với Thầy, để Thầy ở đâu (hopou eimi egô), anh em cũng ở đó.”

Kiểu nói “egô eimi + ek” có nghĩa “thuộc về”. Cách dùng này xuất hiện bốn lần ở 8,23a.23b; 17,14b.16b. Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 8,23: “Các ông, các ông thuộc về hạ giới; còn Tôi, Tôi thuộc về thượng giới (egô ek tôn anô eimi). Các ông, các ông thuộc về thế gian này; còn Tôi, Tôi không thuộc về thế gian này (egô ouk eimi ek tou kosmou toutou).” Ở 17,14b, Đức Giê-su nói với Cha của Người: “Cũng như chính Con (kathos egô ouk eimi) không thuộc về thế gian (ek tou kosmou).” Đức Giê-su lặp lại câu này ở 17,16b: “Cũng như chính Con (kathos egô ouk eimi) không thuộc về thế gian (ek tou kosmou).”

Trong những trích dẫn trên đây, không phải chính xác theo thứ tự các từ “egô eimi” nhưng là “hopou eimi egô” (nơi tôi ở), hay ở thể phủ định: “egô ouk eimi + ek” (tôi không thuộc về). Những cách dùng này mô tả nơi ở của Đức Giê-su hay khẳng định là Người không thuộc về thế gian.

b) Các nhân vật khác dùng “egô eimi”

Có bốn nơi trong Tin Mừng Gio-an (1,20; 3,28; 9,9; 18,35) không phải Đức Giê-su nói “egô eimi”. Trước hết, Gio-an Tẩy Giả dùng hai lần ở thể phủ định “egô ouk eimi” (không phải tôi) ở 1,20; 3,28. Người thuật chuyện kể ở 1,19-21: “19 Và đây là lời chứng của Gio-an, khi những người Do Thái từ Giê-ru-sa-lem cử các tư tế và các Lê-vi đến [với ông ấy] để họ hỏi ông ấy: ‘Ông là ai?’ 20 Ông ấy tuyên xưng chứ không chối, Ông ấy tuyên xưng rằng: ‘Chính tôi không phải là Đấng Ki-tô (egô ouk eimi ho Khristos).’ 21 Họ hỏi ông ấy: ‘Vậy thì sao? Ông là Ê-li-a phải không?’ Ông ấy nói: ‘Không phải tôi (ouk eimi).’ – ‘Ông có phải là vị ngôn sứ chăng?’ Ông ấy đáp: ‘Không (ou).’” Trong ba lần nói “không” của Gio-an Tẩy Giả, chỉ có lần đầu tiên xuất hiện ở thể phủ định “egô ouk eimi” (tôi không phải là) ở 1,20b. Ở 3,28b, Gio-an Tẩy Giả lặp lại lời này với các môn đệ của mình: “Chính tôi không phải là Đấng Ki-tô (ouk eimi egô ho Khristos).”

Tiếp theo là anh mù từ thuở mới sinh nói “egô eimi” ở 9,9. Người thuật chuyện kể về anh ở 9,8-9: “8 Những người láng giềng và những kẻ thấy anh ta trước kia là người ăn xin, nói rằng: ‘Anh ta không phải là người vẫn ngồi ăn xin sao?’ 9 Những người khác nói rằng: ‘Chính anh ta.’ Những người khác nữa nói: ‘Không phải đâu, nhưng là một người giống anh ta.’ Còn anh ta nói rằng: ‘Chính tôi đây (egô eimi).’” Cuối cùng là Phi-la-tô dùng kiểu nói “egô eimi” khi ông ấy nói với Đức Giê-su ở 18,35a: “Tôi là người Do Thái sao?(mêti egô loudaios eimi;)”

Tóm lại, những cách dùng “egô eimi” trên đây: “hopou eimi egô” (nơi tôi ở), “egô ouk eimi” (tôi không phải là) của Đức Giê-su, cũng như “egô eimi” của Gio-an Tẩy Giả, của anh mù từ thuở mới sinh và của Phi-la-tô, đều có nghĩa thông thường, không gợi đến nghĩa thần học.

2. Nghĩa thần học “egô eimi” của Đức Giê-su

Có thể xem 23 lần “egô eimi” của Đức Giê-su có nghĩa thần học. Những cách dùng “egô eimi” này gợi đến căn tính thần linh của Đức Giê-su và có thể xếp thành ba loại:

a) “Egô eimi” có thuộc từ (14 lần)

Trong Tin Mừng Gio-an, 14 lần “egô eimi” có thuộc từ là những mặc khải về căn tính của Đức Giê-su và về sứ vụ của Người:

1. Chính Tôi là bánh sự sống (4 lần: 6,35.41.48.51).
2. Chính Tôi là ánh sáng của thế gian (1 lần: 8,12), x. 9,5; 12,46.
3. Chính Tôi là người làm chứng về mình (1 lần: 8,18).

4. Chính Tôi là sự sống lại và là sự sống (1 lần: 11,25).
5. Chính Tôi là cửa của đàn chiên (2 lần: 10,7.9).
6. Chính Tôi là mục tử tốt (2 lần: 10,11.14).
7. Chính Tôi là con đường và là sự thật và là sự sống (1 lần: 14,6).
8. Chính Tôi là cây nho đích thật (2 lần: 15,1.5).

b) “Egô eimi” xác định người nói (5 lần)

Cụm từ “egô eimi” được dùng để xác định người đang nói xuất hiện 5 lần ở 4,26; 6,20; 18,5.6.8. Đức Giê-su nói với người phụ nữ Sa-ma-ri về đấng Mê-si-a như sau: “Chính là Tôi (egô eimi), người đang nói với chị.” Ở 6,20, Đức Giê-su nói với các môn đệ khi Người đi trên Biển Hồ để đến với các ông: “Chính là Thầy (egô eimi), đừng sợ!” Ở 18,5, Đức Giê-su nói với những kẻ đến bắt Người: “Chính là Tôi (egô eimi).” Lời này được lặp lại ở 18,5.6.

c) “Egô eimi” không có thuộc từ (4 lần)

Kiểu dùng tuyệt đối “egô eimi”, không có thuộc từ, xuất hiện 4 lần ở 8,24.28.58; 13,19. Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 8,24b.28a: “Vì nếu các ông không tin rằng: Tôi Là (egô eimi), các ông sẽ chết trong tội của các ông” (8,24b); “Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết rằng Tôi Là (egô eimi)” (8,28a). Ở 8,58b, Đức Giê-su khẳng định với những người Do Thái: “Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là (egô eimi).” Trong bữa ăn cuối cùng với các môn đệ, Đức Giê-su nói với họ ở 13,19: “Thầy nói với anh em từ lúc này, trước khi sự việc xảy ra, để khi xảy ra, anh em tin rằng: Thầy Là (egô eimi).”

Chúng tôi sẽ phân tích 23 lần “egô eimi” trên đây trong phần sau, bây giờ hãy quan sát cách dùng “egô eimi” trong Cựu Ước và trong sách Khải Huyền.

III. “Egô eimi” trong Cựu Ước

Cụm từ “egô eimi” trong Cựu Ước có thể có nghĩa thông thường như đã trình bày. Chúng tôi quan tâm đến nghĩa thần học của “egô eimi” vì kiểu nói này được dùng thay cho Danh của ĐỨC CHÚA (YHWH, Yahvé). Bản văn Híp-ri của Kinh Thánh gọi là bản Ma-xo-ra (le texte Massorétique), còn bản dịch Hy Lạp từ bản văn Híp-ri được gọi là bản Bảy Mươi (LXX, la Septante). Các từ Híp-ri: “anî” (tôi là, je suis), “anî hû” hay “anokî hû” (chính là tôi, je le suis, I am he) được Bản LXX dịch sang tiếng Hy Lạp là “egô eimi”. Tiếng Híp-ri “anî” hay “anokî” là đại từ ngôi thứ nhất số ít: “Tôi” (je, I); còn “hû” tiếng Híp-ri là đại từ ngôi thứ ba số ít, giống đực: “Người ấy, ông ấy” (il, he).

1. Nghĩa thông thường của “egô eimi”

Giống như trong Tin Mừng Gio-an, “anî” (egô, egô eimi) trong Cựu Ước có thể dùng theo nghĩa thông thường, không nói về Danh của ĐỨC CHÚA (YHWH, Yahvé). Chẳng hạn, Đa-vít thưa cùng Thiên Chúa (elôhîm) ở 1Sb 21,17: “Chẳng phải chính con (‘anî, egô) đã ra lệnh kiểm kê dân số sao? Con (‘anî hû, egô eimi) mới là kẻ đã phạm tội, đã làm điều dữ. Còn những người kia, họ chỉ là bầy chiên, họ đâu có làm gì nên tội! Lạy ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của con, xin tay Ngài cứ đè nặng trên con và nhà cha con, nhưng xin đừng giáng hoạ xuống dân Ngài!”

ĐỨC CHÚA phán trong đoạn văn ai ca khóc Ba-by-lon ở Is 47,8-9: “8 Hỡi kẻ ham lạc thú, người ngồi trên gai, bình chân như vại và tự nhủ: ‘Chỉ có ta (’anî, egô eimi), đâu còn ai khác! Ta sẽ chẳng bao giờ mang thân goá bụa, không bao giờ là người mẹ mất con.’ Giờ đây, hãy nghe điều này: 9 Thành linh cả hai tai hoạ đó, trong một ngày, sẽ sụp xuống trên người: vừa mất con lại vừa goá bụa. Chưa hết tai hoạ này đã đến tai hoạ khác, chúng sụp xuống trên người, dù người cao tay phù chú và lắm trò ma thuật.” Trong sách ngôn sứ Xô-phô-ni-a, lời ĐỨC CHÚA phán chống lại Át-sua, kẻ thù Ít-ra-en ở phương Bắc ở Xp 2,15: “Đó sẽ là số phận của thành phố xưa kia nhộn nhịp, thành đã sống trong cảnh yên hàn, đã nhủ thầm: ‘Chẳng thành nào sánh được với ta (’anî, egô eimi).’ Cớ sao thành ấy lại trở nên hoang tàn, nên hang động cho loài dã thú? Bất cứ ai qua lại cũng huýt sáo vấy tay.” Cách dùng cụm từ “’anî hû’, egô eimi” trong cách trích dẫn trên đây có nghĩa thông thường.

2. “Egô eimi” là Danh ĐỨC CHÚA (YHWH, Yahvé)

Cách dùng đặc biệt của “egô eimi” xuất hiện trong I-sai-a đệ nhị (le Second Isaïe) gọi là sách an ủi Ít-ra-en (Is 40–55). Kiểu nói Híp-ri “’anî hû” hay “’anokî hû” (Chính là ta, c’est moi, je le suis, I am he) thay thế cho kiểu nói đầy đủ: “’anî yhwh” hay “’anokî yhwh” (Ta là ĐỨC CHÚA [YHWH], Je suis Yahvé, I am Yahweh). Bản LXX dịch cụm từ Híp-ri “’anî yhwh”, “’anokî yhwh” sang tiếng Hy Lạp: “egô theos” (Ta là Thiên Chúa, Je suis Dieu)” (Is 43,11) hay “egô kurios (Ta là Đức Chúa, Je suis Seigneur)” (Gn 28,13). Ở Ed 20,5 xuất hiện cả hai tước hiệu này: “Chính Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các người (’anî yhwh ’elôhêm, egô kurios ho theos humôn).”

Trong I-sai-a đệ nhị (Is 40–55) kiểu nói “’anî hû” (tiếng Híp-ri), “egô eimi” (tiếng Hy Lạp) xuất hiện nhiều lần với sự long trọng đặc biệt để nói về ĐỨC CHÚA. Chẳng hạn, ĐỨC CHÚA phán với vua Ky-rô ở Is 41,2-4: “2 Từ phương đông, ai đã cho xuất hiện người hùng đi mở đường cho nền công chính? Ai trao vào tay ông các dân các nước, bắt mọi vua chúa phải phục quyền? Dao kiếm của ông làm chúng hoá ra như tro bụi, cung nỏ của ông khiến chúng tán loạn tựa cọng rơm. 3 Ông đuổi bắt thù địch, ông tiến bước an toàn. Trên đường đi, chân ông không chầm đất. 4 Điều đó, ai đã thực hiện, ai đã làm nên? – Chính là Đấng từ nguyên thủy đã an bài cho các thời đại nối tiếp nhau. Chính là Ta (’anî hû’, egô eimi). Ta là ĐỨC CHÚA (’anî yhwh, egô theos), Ta là khởi nguyên, và giữa những người của thời sau hết, Ta vẫn là Ta (’anî hû’, egô eimi).”

Ở Is 43,10-13, ngôn sứ I-sai-a nói với dân Ít-ra-en lời ĐỨC CHÚA phán: “10 Chính các người là nhân chứng của Ta – sấm ngôn của ĐỨC CHÚA –, là bề tôi Ta đã tuyển chọn, để các người nhận biết và tin Ta, và hiểu rõ Ta vẫn là Ta (’anî hû’, egô eimi): trước Ta, chẳng có thần nào khác được hình thành, và sau Ta cũng vậy. 11 Chính Ta, chính Ta đây là ĐỨC CHÚA (’anokî ’anokî yhwh, egô hô theos), ngoài Ta ra, chẳng có ai cứu độ. 12 Chính Ta đã báo cho biết, đã cứu độ và nói cho nghe, chứ giữa các người, chẳng có thần lạ nào. Vậy chính các người là nhân chứng của Ta – sấm ngôn của ĐỨC CHÚA –, và chính Ta là Thiên Chúa, 13 tự muôn đời, Ta vẫn là Ta (’anî hû’): không ai cứu thoát khỏi tay Ta, Ta đã làm, ai dám làm ngược lại?”

ĐỨC CHÚA phán ở Is 46,4: “Cho đến khi các người già nua tuổi tác, trước sau gì Ta vẫn là Ta (’anî hû’, egô eimi); cho đến khi các người da mồi tóc bạc, Ta vẫn còn gánh vác các người. Như xưa nay Ta vẫn từng đối xử: Ta sẽ nâng niu, gánh vác các người, và ban ơn cứu thoát.” Ở Is 48,12, ĐỨC CHÚA phán: “12 Hãy nghe Ta, hỡi Gia-cóp, hỡi Ít-ra-en, kẻ Ta đã gọi! Ta vẫn là Ta (’anî hû’, hon egô kalô), Ta là (’anî, egô eimi) khởi nguyên, Ta cũng là (’anî, egô eimi) cùng tận.” Ở Is 52,6, Danh ĐỨC CHÚA được đồng hoá với “egô eimi”, ĐỨC CHÚA phán: “Vì vậy, trong ngày ấy, dân Ta sẽ nhận biết danh(onoma) Ta, nhận biết rằng: chính Ta (’anî hû’, egô eimi) là Đấng đã phán: “Này Ta đây!” (Is 52,6).

Những trích dẫn trên đây cho thấy “egô eimi” được dùng để nói về Danh ĐỨC CHÚA là Đấng duy nhất, như ĐỨC CHÚA đã phán: “Ngoài Ta ra, chẳng có ai cứu độ” (Is 43,11b). Ngoài I-sai-a đệ nhị, có thể xem cách diễn tả: “Ta là ĐỨC CHÚA (’anî yhwh, egô kurios)” ở St 28,13; Ed

20,5; “Ta Là (’anî, egô eimi) Thiên Chúa Toàn năng (El Chaddai)” (St 17,1); “Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, cha ngươi” (St 26,24).

Trong I-sai-a đệ nhị, có kiểu nói lặp lại hai lần “egô eimi” ở Is 43,25 và 51,12. ĐỨC CHÚA phán: “Nhưng chính Ta đây (’anokî ’anokî hû’, egô eimi, egô eimi), vì danh dự của Ta, Ta sẽ xoá bỏ các tội phản nghịch của ngươi, và không còn nhớ đến lỗi lầm của ngươi nữa” (Is 43,25); “Chính Ta, chính Ta đây (’anokî ’anokî hû’, egô eimi, egô eimi) là Đấng an ủi các ngươi, làm sao ngươi lại sợ những người mang thân phận phải chết, sợ con cái A-đam mỏng manh như cỏ nội hoa đồng?” (Is 51,12). Cách dùng lặp lại hai lần “egô eimi, egô eimi” trên đây có thể hiểu theo nghĩa: “Ta là ‘Đấng TA LÀ’, là Đấng sẽ xoá bỏ các tội phản nghịch của ngươi” (Is 43,25a); “Ta là ‘Đấng TA LÀ’, là Đấng an ủi các ngươi” (Is 51,12a). Như thế, “TA LÀ” là Danh ĐỨC CHÚA, là chính ĐỨC CHÚA (YHWH, Yahvé).

Ngoài I-sai-a đệ nhị, cụm từ “egô eimi” nói về Danh ĐỨC CHÚA xuất hiện ở Đnl 32,39. Trong phần bài ca của ông Mô-sê (Đnl 32–34), ĐỨC CHÚA phán ở Đnl 32,39: “Bây giờ hãy coi đây: Ta chính là Ta (’anî ’anî hû’, egô eimi), bên cạnh Ta, chẳng có thần (elôhîm, theos) nào khác, Ta cầm quyền sinh tử, Ta đánh phạt, rồi Ta lại chữa lành, không ai cứu khỏi tay Ta được.”

“Egô eimi” trong Tin Mừng Gio-an còn gọi đến Danh của Thiên Chúa trong sách Xuất Hành 3,14. Ở đây không phải là kiểu nói Híp-ri “’anî hû” (je le suis, I [am] he) như trên mà dùng động từ Híp-ri “hâyâh” (là, être, to be). Bản LXX dịch động từ này ở Xh 3,14 bằng “egô eimi.” Đây là bản văn Xh 3,14: “Thiên Chúa phán với ông Mô-sê: ‘Ta là Đấng Hiện Hữu (’ehye^h ’aser ’ehye^h, egô eimi ho ôn).’ Người phán: ‘Người nói với con cái Ít-ra-en thế này: ‘Đấng Hiện Hữu (’ehye^h, ho ôn) sai tôi đến với anh em.’” Câu Híp-ri “’ehye^h ’aser ’ehye^h” dịch sát: “Ta là Đấng Ta Là”, tiếng Pháp: “Je suis qui je suis” hay “je suis celui qui est”. Tiếng Anh: “I am who I am” hay “I am he who is.” Bản LXX dịch phần thứ hai của câu Híp-ri: “’aser ’ehye^h” là “ho ôn”, đây là động tính từ của động từ “eimi” ở chủ cách (nominatif), có giá trị như danh từ. Như thế, “’ehye^h” (tiếng Híp-ri), “ho ôn” (tiếng Hy Lạp), “Je Suis” (tiếng Pháp), “I Am” (tiếng Anh), “Ta Là” là tên của Thiên Chúa (’elôhîm, theos).

Tóm lại, kiểu nói “egô eimi” trong Bản LXX, dịch từ cụm từ tiếng Híp-ri “’anî hû” (Chính Ta Là) ou “’ehye^h” (Ta Là) ở Xh 3,14. Trong bối cảnh các câu văn trích dẫn trên đây, “Ta Là” nói về Danh ĐỨC CHÚA. Trong viễn cảnh này, kiểu nói “egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an gọi đến Danh ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước và qua đó Đức Giê-su khẳng định nguồn gốc thần linh của Người. Trước khi phân tích “egô emi” trong Tin Mừng Gio-an, phần tiếp theo sẽ trình bày vắn tắt cách dùng “egô eimi” trong sách Khải Huyền.

IV. “Egô eimi” trong sách Khải Huyền

Khẳng định của ĐỨC CHÚA ở Is 48,12: “12 Hãy nghe Ta, hỡi Gia-cóp, hỡi Ít-ra-en, kẻ Ta đã gọi! Ta vẫn là Ta (’anî hû’, hon egô kalô), Ta là (’anî, egô eimi) khởi nguyên, Ta cũng là (’anî, egô eimi) cùng tận” gọi đến lời Thiên Chúa trong sách Khải Huyền 1,8: “Chính Ta là (egô eimi) An-pha và Ô-me-ga (to alpha to ô) – Đức Chúa là Thiên Chúa nói – Đấng hiện có, đã có và đang đến, Đấng Toàn Năng.” An-pha và Ô-me-ga (to alpha to ô) là mẫu tự đầu tiên và cuối cùng của tiếng Hy Lạp. Nên kiểu nói “Đấng là An-pha và Ô-me-ga” có nghĩa là “Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng.” Đây là những cách nói diễn tả quyền tối thượng của Thiên Chúa trên mọi thụ tạo, từ khởi đầu cho đến kết thúc lịch sử. Người là “Đấng Toàn Năng” (Kh 1,8c). Đức Giê-su trong sách Khải Huyền cũng có những tước hiệu này. Người tuyên bố ở Kh 22,13: “Chính Ta là An-pha và Ô-me-ga, là Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng, là Khởi Nguyên và Tận Cùng.” Ở Kh 2,8, Đức Giê-su nói với Gio-an (tác giả sách Khải Huyền): “Hãy viết cho thiên sứ của Hội Thánh tại Xi-miéc-na. Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng, Đấng đã chết và đã lại sống, nói thế này:...”

Trong sách Khải Huyền, Đức Giê-su có những tước hiệu của Thiên Chúa, nhưng Đức Giê-su không thay chỗ Thiên Chúa mà có sự phân biệt rõ ràng. Đức Giê-su gọi Thiên Chúa là “Thiên Chúa của Ta” (Kh 3,12), “Cha của Ta” (Kh 3,21). Với Hội Thánh tại Phi-la-đen-phi-a, Đức Giê-su nói ở Kh 3,12: “Ai thắng, Ta sẽ làm người ấy thành cột trụ trong Đền Thờ Thiên Chúa của Ta, người ấy sẽ không hề đi ra khỏi đó nữa. Ta sẽ ghi trên người ấy danh Thiên Chúa của Ta, tên Thành đô Thiên Chúa của Ta là Giê-ru-sa-lem mới xuống từ trời, từ Thiên Chúa của Ta, và tên mới của Ta.” Với Hội Thánh tại Lao-đi-ki-a, lời hứa ban thưởng của Đức Giê-su: “Ai thắng, Ta sẽ cho người ấy ngồi với Ta trên ngai của Ta, cũng như chính Ta đã thắng và Ta ngồi với Cha của Ta trên ngai của Người” (Kh 3,21).

Những tước hiệu song song giữa Thiên Chúa và Đức Giê-su trên đây giúp chúng ta hiểu kiểu nói “egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an.

V. “Egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an

Phần này sẽ phân tích 23 lần “egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an. “Egô eimi” trong những trường hợp này mang ý nghĩa thần học. Như đã xếp loại ở trên, 23 lần “egô eimi” này sẽ được trình bày trong ba mục: (1) “Egô eimi” có thuộc từ (attribut), (2) “Egô eimi” xác định người nói (3) “Egô eimi” không có thuộc từ.

1. “Egô eimi” có thuộc từ

Đức Giê-su dùng 14 lần “egô eimi” (Tôi là) có thuộc từ rõ ràng. Theo thứ tự của bản văn Tin Mừng, những thuộc từ là “bánh sự sống” (6,35.48), “bánh xuống từ trời” (6,41), “bánh sự sống, xuống từ trời” (6,51), “ánh sáng của thế gian” (8,12), “người làm chứng” (8,18), “cửa của đàn chiên” (10,7.9), “mục tử tốt” (10,11.14), “sự sống lại và sự sống” (11,25), “con đường, sự thật và sự sống” (14,6), “cây nho đích thật” (15,1.5). Nếu chỉ tính những biểu tượng mang lại sự sống cho con người thì có 7 biểu tượng, đây là con số hoàn hảo chỉ toàn thể (la totalité): (1) bánh, (2) ánh sáng, (3) sự sống lại, (4) cửa, (5) mục tử, (6) con đường, (7) cây nho.

Tất cả 7 biểu tượng này có liên hệ với sự sống đời đời mà Đức Giê-su ban tặng cho tất cả những ai tin vào Người. Ở 6,51a, Đức Giê-su nói: “Tôi là bánh sự sống, bánh xuống từ trời. Nếu ai ăn bánh này sẽ sống muôn đời.” Những ai đi theo Đức Giê-su là ánh sáng thì “có ánh sáng của sự sống” (8,12c). Về biểu tượng “cửa” của đàn chiên, Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 10,9: “Chính Tôi là cửa. Ai qua Tôi mà vào thì sẽ được cứu. Nó sẽ vào, sẽ ra và sẽ gặp đồng cỏ”, và ở 10,10b: “Phần Tôi, Tôi đến để chúng có sự sống và có dồi dào.” Đức Giê-su với tư cách là mục tử tốt, Người nói với những người Do Thái về đàn chiên của Người ở 10,27-28: “27 Chiên của Tôi nghe tiếng Tôi; Tôi biết chúng và chúng theo Tôi, 28 và Tôi ban cho chúng sự sống đời đời, muôn đời chúng không bị hư mất và không ai cướp được chúng khỏi tay Tôi.” Ở 11,25, Đức Giê-su mặc khải cho Mác-ta: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, dù đã chết cũng sẽ được sống.” Ở 14,6, biểu tượng con đường đi với “sự thật và sự sống.” Biểu tượng cuối cùng là cây nho cũng làm nảy sinh sự sống. Nhờ ở lại trên cây nho đích thực là Đức Giê-su mà các môn đệ “sinh nhiều hoa trái” (15,5). Nghĩa là được sống thay vì bị khô héo và bị đốt cháy do không ở lại trên cây nho. Những lời hứa trên đây sẽ được thực hiện với điều kiện: “Tin vào Đức Giê-su.”

Uy tín và độ tin cậy của những lời hứa trên dựa trên kiểu nói long trọng: “egô eimi” (chính Tôi là) của Đức Giê-su. Trong viễn cảnh này, “egô eimi” đứng trước những quà tặng đem lại sự sống cho con người diễn tả căn tính thần linh của Đức Giê-su. Người tuyên bố “egô eimi + thuộc từ” với tư cách là Đấng Cha sai đến, là Con Một Thiên Chúa, là Đấng hằng ở nơi cung

lòng Cha (1,18b). Như thế, những lời nói “egô eimi + thuộc từ” bảo đảm cho những lời hứa của Đức Giê-su là chân thật.

“Egô eimi” ở 8,18 có thể được hiểu theo hướng này. Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 8,18a: “Chính Tôi là (egô eimi) người làm chứng về mình.” “Người làm chứng” trong câu này là động từ “martureô” ở lối động tính từ, giống đực, chủ cách, có mạo từ: “ho marturôn” nên có nghĩa như danh từ “người làm chứng.” Trước khi nói câu này (8,18a), Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu ở 8,17: “Trong Lễ Luật của các ông có chép rằng: ‘Lời chứng của hai người là thật.’” Vậy tại sao Đức Giê-su làm chứng về Người và lời chứng của Người là thật? Trong bối cảnh 8,17-18, lời chứng của Đức Giê-su có giá trị vì Người là “egô eimi” theo nghĩa thần học của cụm từ này. “Egô eimi” này gọi đến những tước hiệu của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an. Người là Lời (Logos) “ở với Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa” (1,1b). Với tư cách này, Đức Giê-su làm chứng về chính mình và lời chứng của Người là thật (x. 8,14). Về mặt ngôn ngữ, “egô eimi” có nghĩa thông thường, nhưng về mặt thần học, kiểu nói “egô eimi” nói đến tư cách thần linh của Đức Giê-su.

2. “Egô eimi” xác định người nói

Cách dùng “egô eimi” để xác định người nói xuất hiện 5 lần: 4,26; 6,20; 18,5.6.8. Trong đó, 2 lần ở 18,6.8 lặp lại “egô eimi” Đức Giê-su đã nói ở 18,5. Như thế có ba lời của Đức Giê-su: (a) “Chính là Tôi (egô eimi), người đang nói với chị” (4,26), (b) “Chính là Thầy (egô eimi), đừng sợ!” (6,20), (c) “Chính là Tôi (egô eimi)” (18,5).

a) Chính là Tôi (egô eimi), người đang nói với chị” (4,26)

Trong bối cảnh đoạn văn 4,25-26, “egô eimi” ở 4,26 dùng để xác định vị Mê-si-a mà Người phụ nữ Sa-ma-ri nói đến ở 4,25, chị ta nói với Đức Giê-su: “Tôi biết rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến – Đấng được gọi là Ki-tô –. Khi Đấng ấy đến, Người sẽ loan báo cho chúng tôi mọi sự” (4,25). Đức Giê-su nói với chị ở 4,26: “Chính là Tôi (egô eimi), người đang nói với chị.” Trong toàn bộ cuộc đối thoại với người phụ nữ Sa-ma-ri, “egô eimi” của Đức Giê-su ở 4,26 gọi đến tư cách đặc biệt của Người. Thực vậy, Đấng Mê-si-a – Giê-su trong đoạn văn 4,5-26 có ba đặc điểm:

(1) Đức Giê-su là Đấng ban “nước sự sống” (4,10). Người nói với người phụ nữ Sa-ma-ri ở 4,13-14: “13 Bất kỳ ai uống nước này sẽ lại khát. 14 Nhưng ai uống nước mà chính Tôi sẽ ban cho kẻ ấy, đời đời sẽ không khát. Nhưng nước mà Tôi sẽ ban cho người ấy sẽ trở nên nơi người ấy một mạch nước vọt lên sự sống đời đời.”

(2) Đức Giê-su biết những gì giấu kín trong lòng con người. Sự hiểu biết này tỏ lộ trong cuộc đối thoại với người phụ nữ Sa-ma-ri ở 4,16-18: “16 Người [Đức Giê-su] nói với chị ấy: ‘Chị hãy đi gọi chồng của chị, rồi trở lại đây.’ 17 Người phụ nữ trả lời và nói với Người: ‘Tôi không có chồng.’ Đức Giê-su nói với chị ấy: ‘Chị nói: ‘Tôi không có chồng’ là phải, 18 vì chị có năm đời chồng, và người hiện nay chị có, không phải là chồng của chị. Điều này chị đã nói đúng.’” Độc giả không ngạc nhiên về sự hiểu biết của Đức Giê-su vì người thuật chuyện đã cho biết ở 2,25: “Người [Đức Giê-su] không cần có ai làm chứng về con người, vì chính Người biết có gì nơi con người.”

(3) Đức Giê-su là Đấng xác định nơi chốn và cách thức thờ phượng Thiên Chúa. Nơi chốn để thờ phượng đích thực Chúa Cha là tất cả mọi nơi, vì Đức Giê-su nói với người phụ nữ ở 4,21: “Này chị, hãy tin Tôi, giờ đến, không phải ở trên núi này cũng chẳng phải ở Giê-ru-sa-lem, các người sẽ thờ phượng Cha.” Cách thức thờ phượng Chúa Cha là thờ phượng “trong thần khí và sự thật” (4,23).

Ba đặc điểm trên đây thuộc về Thiên Chúa. Như thế, “egô eimi” của Đức Giê-su ở 4,26 vừa dùng để đồng hoá Đức Giê-su với Đấng Mê-si-a, vừa gọi đến căn tính thần linh của Người với tư cách là “Con Một Thiên Chúa” (1,18b).

b) “Chính là Thầy (egô eimi), đừng sợ!” (6,20)

Trình thuật Đức Giê-su đi trên biển hồ Ti-bê-ri-a (6,16-21) tiếp nối dấu lạ Đức Giê-su hoá bánh ra nhiều (6,1-15). Người thuật chuyện kể ở 6,16-21: “16 Chiều đến, các môn đệ của Người xuống bờ Biển Hồ 17 và xuống thuyền đi về phía Ca-phác-na-um, bên kia Biển Hồ. Trời đã tối và Đức Giê-su chưa đến với các ông. 18 Biển đầy gió lớn đang thổi và giạt mạnh. 19 Khi đã chèo được khoảng 25 đến 30 dặm, các ông thấy Đức Giê-su đi trên Biển Hồ và đang tới gần thuyền, các ông sợ hãi. 20 Nhưng Người nói với các ông: ‘Chính là Thầy, đừng sợ!’ 21 Các ông muốn đưa Người lên thuyền, và ngay lúc đó thuyền đã tới đất liền nơi các ông đi đến.”

Sự việc các môn đệ vất vả chèo thuyền trong đêm tối, chống chọi với sóng to gió lớn trong lúc Đức Giê-su vắng mặt, có thể gợi đến những khó khăn thử thách đến từ bên trong và bên ngoài nhóm các môn đệ và cộng đoàn người tin. (Xem nghĩa đen và nghĩa biểu tượng của bóng tối trong bài viết: [“Ánh sáng và bóng tối trong Tin Mừng Gio-an”](#)). Hành động bước đi trên Biển Hồ (6,19) trong lúc “Biển đầy gió lớn đang thổi và giạt mạnh” (6,18) biểu lộ quyền năng của Thiên Chúa. Đoạn văn 6,16-21 gợi đến các trình thuật trong Cựu Ước. Gióp nói về Thiên Chúa ở G 9,8: “Duy mình Người trải rộng các tầng trời, đập lên trên ba đảo biển cả.” Nghĩa là Thiên Chúa hoàn toàn chế ngự biển cả và sức mạnh của chúng. Ở Kb 3,15, ngôn sứ Kha-ba-cúc mô tả sức mạnh của ĐỨC CHÚA: “Ngài mở lối cho chiến mã của Ngài vào biển cả, giữa ba đảo cuộn nước mênh mông” (Kb 3,15).

Đức Giê-su bày tỏ quyền năng của Người khi đi trên Biển Hồ để đến với các môn đệ (Ga 6,19a). Điều lạ lùng này làm các môn đệ sợ hãi (6,19b). Câu nói của Đức Giê-su gồm hai phần: Trước hết Người nói: “egô eimi (Chính là Thầy)” (6,20b). Sau đó Người khích lệ các môn đệ: “Đừng sợ!” (6,20b). Lời này gợi đến lời an ủi của ĐỨC CHÚA dành cho dân Ít-ra-en ở Is 41,10: “Đừng sợ hãi: có Ta ở với ngươi. Đừng nhớn nhác: Ta là Thiên Chúa của ngươi. Ta cho ngươi vững mạnh, Ta lại còn trợ giúp với tay hữu toàn thắng của Ta.”

Dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ kết thúc cách lạ lùng ở Ga 6,21: “Các ông [các môn đệ] muốn đưa Người [Đức Giê-su] lên thuyền, và ngay lúc đó thuyền đã tới đất liền nơi các ông đi đến.” Cuộc vượt biển nhanh chóng với sự hiện diện của Đức Giê-su gợi đến biến cố dân Ít-ra-en vượt qua Biển Đỏ (Xh 14). Trong lúc dân Ít-ra-en sợ hãi vì bị quân Ai Cập đuổi theo, ĐỨC CHÚA đã can thiệp để cứu dân. Người thuật chuyện kể ở Xh 14,21-22: “21 Ông Mô-sê giơ tay trên mặt biển, ĐỨC CHÚA cho một cơn gió đông thổi mạnh suốt đêm, dồn biển lại, khiến biển hoá thành đất khô cạn. Nước rẽ ra, 22 và con cái Ít-ra-en đi vào giữa lòng biển khô cạn, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu.”

Như thế, ba chi tiết trong đoạn văn Ga 6,20-21: (1) “egô eimi”, (2) “đừng sợ!” (6,20) và (3) “ngay lúc đó thuyền đã tới đất liền nơi các ông đi đến” gợi đến hành động của ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước. Nên có thể kết luận rằng “egô eimi” của Đức Giê-su ở 6,20 không chỉ đơn giản là một lời để xác định người nói, nhưng là khẳng định sự hiện diện và can thiệp thần linh nhằm mạc khải cho các môn đệ biết Đức Giê-su là ai.

c) “Chính là Tôi (egô eimi)” (18,5)

Trình thuật Đức Giê-su bị bắt được thuật lại ở 18,1-12. Khi Giu-đa dẫn một cơ đội và các thuộc hạ của các thượng tế và nhóm Pha-ri-sêu đến thửa vườn bên kia thung lũng Kít-rôn để bắt Đức Giê-su, người thuật chuyện kể ở 18,4-9: “4 Đức Giê-su biết mọi sự sắp xảy đến cho mình, Người đi ra và nói với họ: ‘Các anh tìm ai?’ 5 Họ trả lời Người: ‘Giê-su người Na-da-rét.’ Người nói với họ: ‘Chính là Tôi (egô eimi).’ Giu-đa, kẻ nộp Người, đứng với họ. 6 Khi Người vừa nói: ‘Chính là Tôi (egô eimi)’ họ lùi lại và ngã xuống đất. 7 Người lại hỏi họ: ‘Các anh tìm ai?’ Họ nói: ‘Giê-su người Na-da-rét.’ 8 Đức Giê-su trả lời: ‘Tôi đã nói với các anh, chính là Tôi (egô eimi). Vậy nếu các anh tìm Tôi, hãy để những người này đi.’ 9 Thế là nên trọn lời Người đã nói rằng: ‘Những người Cha đã ban cho Con, Con không để mất một ai.’”

Về hình thức, kiểu nói “egô eimi” của Đức Giê-su ở 18,5.6.8 nhằm xác định người nói, tuy nhiên có ba chi tiết cho thấy ý nghĩa thần học quan trọng của “egô eimi”: (1) “Egô eimi” của Đức Giê-su đã làm cho những kẻ đến bắt Người phải “lùi lại và ngã xuống đất” (18,6b), (2) Đức Giê-su ra lệnh cho những kẻ đến bắt Người là để cho các môn đệ đi (18,8), (3) Đức Giê-su có khả năng giữ trọn lời đã hứa với Cha của Người: “Những người Cha đã ban cho Con, Con không để mất một ai” (18,9). Đức Giê-su nói với Cha như thế ở 17,12: “Khi Con còn ở với họ, chính Con đã gìn giữ họ trong danh của Cha, *danh* mà Cha đã ban cho Con. Con đã canh giữ và không một ai trong họ hư mất, trừ đứa con hư hỏng, để Kinh Thánh được nên trọn.” (x. 17,12; 6,39; 10,28).

Những chi tiết này cho phép hiểu “egô eimi” của Đức Giê-su ở 18,5 là cách biểu lộ quyền năng thần linh của Người như một cuộc thần hiện (như Thiên Chúa xuất hiện trên núi Xi-nai ở Xh 19,16-25). Nếu như chỉ với hai chữ ngắn ngủi “egô eimi” mà những kẻ đến bắt Người đã phải “lùi lại và ngã xuống đất” (18,6b), thì họ không thể đụng đến Đức Giê-su được. Nếu như “cơ đội và viên chỉ huy cùng các thuộc hạ của những người Do Thái bắt Đức Giê-su và trói Người lại” (18,12) được là vì Đức Giê-su để cho họ làm như thế. Người tự nguyện bước vào cuộc Thương Khó để bày tỏ tình yêu dành cho Cha của Người (14,31) và tình yêu dành cho các môn đệ cho đến cùng (13,1; 15,13).

3. “Egô eimi” không có thuộc từ

Có 4 lần “egô eimi” không có thuộc từ ở 8,24.28.58; 13,19. Trong đó, Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu (8,24.28), với những người Do Thái (8,58) và với các môn đệ (13,19). “Egô eimi” của Đức Giê-su là đối tượng của hành động tin trong hiện tại (8,24), tin trong tương lai (13,19) và là đối tượng của sự hiểu biết trong tương lai (8,28). Ở 8,58, Đức Giê-su mặc khải về sự hiện hữu của Người so với Áp-ra-ham. Phần sau sẽ phân tích 4 lần “egô eimi” này.

a) “Nếu các ông không tin rằng: Tôi Là...” (8,24)

Người thuật chuyện kể về trao đổi giữa Đức Giê-su và những người Pha-ri-sêu ở 8,23-26 : “23 Người [Đức Giê-su] nói với họ [những người Pha-ri-sêu]: ‘Các ông, các ông thuộc về hạ giới; còn Tôi, Tôi thuộc về thượng giới. Các ông, các ông thuộc về thế gian này; còn Tôi, Tôi không thuộc về thế gian này. 24 Tôi đã nói với các ông là các ông sẽ chết trong tội của các ông. Vì nếu các ông không tin rằng: Tôi Là (egô eimi), các ông sẽ chết trong tội của các ông.’ 25 Họ nói với Người: ‘Ông là ai?’ Đức Giê-su nói với họ: ‘Ngay từ đầu, Tôi nói với các ông điều đó. 26 Tôi có nhiều điều phải nói và xét đoán về các ông. Nhưng Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật; và Tôi, những điều Tôi đã nghe nơi Người, Tôi nói những điều đó trong thế gian.’”

Sau lời mặc khải của Đức Giê-su về nguồn gốc thượng giới của Người, tương phản với tình trạng của những người Pha-ri-sêu là “thuộc về hạ giới” và “thuộc về thế gian này”, Đức Giê-su mời gọi họ tin rằng “Tôi Là” (egô eimi) nếu không họ sẽ chết trong tội của họ. Xavier Léon-Dufour không cho rằng “egô eimi” ở 8,24.28 gọi đến Danh Thiên Chúa như ở Is 43,10 hay Xh 3,14, bởi vì theo tác giả này, trong bối cảnh Ga 8, “Đức Giê-su không phải là Chúa Cha” và “Đức Giê-su không hề đồng hoá với Đấng cứu chuộc duy nhất” như ở Is 43,10. (Xem LÉON-DUFOUR, X., *Lecture de l’Évangile selon Jean, t. II: Chapitres 5–12*, (Parole de Dieu), Paris, Le Seuil, 1990, p. 271).

Trong sách chú giải của tác giả, Xavier Léon-Dufour đề nghị thêm vào cụm từ “egô eimi” ở 8,24.28a: “Je [le] suis” (tôi là như thế). Tác giả giải thích đại từ “le” (như thế): “Bối cảnh trước c. 24 giải thích rõ: Đức Giê-su vừa khẳng định sự hiệp nhất với Cha và gần hơn là nguồn gốc của Người: ‘còn Tôi, Tôi thuộc về thượng giới’ (c. 23). Đó là thuộc từ mặc nhiên của c. 24, được hiểu: ‘Nếu các ông không tin rằng: Tôi ở [thượng giới].’ Để tôn trọng chiều hướng huyền nhiệm của câu văn, chỉ cần thêm đại từ không xác định ‘le’ vào ‘je suis’ (tôi là): ‘nếu các ông không tin rằng Tôi là [như thế] (je [le] suis).’ Đại từ này thâu tóm điều khẳng định hay những điều khẳng

định trước đó của Đức Giê-su.” (LÉON-DUFOUR, X., *Lecture de l'Évangile selon Jean, t. II: Chapitres 5–12*, 1990, p. 271-272). Đối với Xavier Léon-Dufour, hai lần “egô eimi” ở 8,24.28 có thuộc từ mặc nhiên. Nên 2 lần này không thuộc loại không có thuộc từ và không gọi đến Danh ĐỨC CHÚA của Ít-ra-en trong Cựu Ước.

Chúng tôi nghĩ rằng, lời tuyên bố long trọng “egô eimi” của Đức Giê-su ở 8,24.28 gọi đến những gì Đức Giê-su đã nói trước đó như Xavier Léon-Dufour đã làm, đồng thời, “egô eimi” ở 8,24.28 cũng gọi đến tất cả mặc khải trong Tin Mừng Gio-an về nguồn gốc và căn tính thần linh của Đức Giê-su. Người là Đấng Cha sai đến thế gian, là Con Người, là Con Một Thiên Chúa. Đức Giê-su là Lời (Logos) “ở với Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa” (1,1b). Cuối sách Tin Mừng, Tô-ma tuyên xưng với Đức Giê-su Phục Sinh: “*Lạy Chúa (kurios) của con, lạy Thiên Chúa (theos) của con*” (20,28). Lời này (20,28) cũng như lời tựa sách Tin Mừng (1,1-18) là những lời tuyên xưng đức tin của cộng đoàn Gio-an. Đối với cộng đoàn này, Đức Giê-su là Chúa và là Thiên Chúa. Tuy vậy, Đức Giê-su không bao giờ đồng hoá mình với Chúa Cha, nhưng Người luôn hiệp thông sâu xa với Cha của Người. Đức Giê-su “hằng ở nơi cung lòng Cha” (1,18b), Người ở trong Cha và Cha ở trong Người (10,38; 14,10.11), Đức Giê-su và Chúa Cha là một (10,30).

Trong viễn cảnh này, “egô eimi” của Đức Giê-su ở 8,24 gọi đến Danh của ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước và khẳng định rằng: Đức Giê-su Con Thiên Chúa (1,18), chính Đức Giê-su là Chúa và là Thiên Chúa (20,28). Đức Giê-su mời gọi thánh giả và độc giả tin rằng “Người thật là Đấng cứu độ thế gian” (4,42c) và Người là con đường duy nhất để đến với Chúa Cha như Người nói với các môn đệ ở 14,6: “*Chính Thầy là con đường và là sự thật và là sự sống; không ai đến được với Cha mà không qua Thầy.*” Lời mời gọi tin vào Đức Giê-su là “egô eimi” ở 8,24 có nghĩa thần học quan trọng. Nếu từ chối tin điều này, hậu quả sẽ là chết trong tội của mình. Chết ở đây có nghĩa là hư mất, là không có sự sống đời đời nơi mình. Về điều này, Đức Giê-su đã khẳng định ngay từ đầu Tin Mừng ở 3,16: “*Vì Thiên Chúa đã quá yêu mến thế gian, đến nỗi đã ban Con Một, để bất cứ ai tin vào Người thì không hư mất, nhưng có sự sống đời đời.*”

Câu hỏi của những người Pha-ri-sêu ở 8,25a: “Ông là ai?” cho thấy họ đã không biết Đức Giê-su là ai. Họ cũng không hiểu nghĩa của kiểu nói “egô eimi” ở 8,24. Thực ra Đức Giê-su đã mặc khải nhiều lần về nguồn gốc của Người và tương quan giữa Người với Chúa Cha, nhưng những kẻ chống đối đã không đón nhận những lời mặc khải của Người. Họ không nhìn nhận căn tính thần linh của Đức Giê-su. Ở 8,28, “egô eimi” là đối tượng của sự nhận biết.

b) “Bấy giờ các ông sẽ biết rằng Tôi Là” (8,28)

Đoạn văn tiếp theo (8,27-29) đoạn văn trên đây (8,23-26) xuất hiện “egô eimi” lần thứ hai không có thuộc từ. Người thuật chuyện kể ở 8,27-29: “*27 Họ [những người Pha-ri-sêu] không biết là Người [Đức Giê-su] nói với họ về Cha. 28 Vậy Đức Giê-su nói [với họ]: ‘Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết rằng Tôi Là (egô eimi), và Tôi không tự mình làm bất cứ điều gì, nhưng Tôi nói những điều ấy như Cha đã dạy Tôi. 29 Và Đấng đã sai Tôi ở với Tôi; Người không bỏ Tôi một mình, vì Tôi hằng làm những điều đẹp ý Người.’*”

Vào lúc Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu trong bản văn (8,23-29), họ chưa biết Đức Giê-su là ai (8,25), họ cũng không biết là Đức Giê-su nói với họ về Cha (8,27). Trong tình trạng không hiểu biết trong hiện tại của những kẻ chống đối Đức Giê-su, Người cho biết rằng họ có thể hiểu biết trong tương lai ở 8,28. Mệnh đề: “*Khi các ông [những người Pha-ri-sêu] giương cao Con Người lên*” (8,28a) gọi đến biến cố Đức Giê-su chết trên thập giá. Thật vậy, Đức Giê-su nói với Ni-cô-đê-mô ở 3,14-15: “*14 Như Mô-sê đã giương cao con rắn trong hoang mạc, Con Người phải được giương cao như vậy, 15 để mọi kẻ tin thì có sự sống đời đời trong Người.*” Theo thần học Tin Mừng Gio-an, biến cố Đức Giê-su được giương cao trên thập giá cũng là lúc Người được tôn vinh. Khi biến cố Thương Khó gần đến, Đức Giê-su tuyên bố: “*Giờ đã đến để Con Người được tôn vinh*” (12,23).

Đại từ “các ông” ở 8,24a là những kẻ chống đối Đức Giê-su. Trong bối cảnh trực tiếp (8,13-30), họ là những người Pha-ri-sêu, nhưng trong toàn bộ Tin Mừng những kẻ chống đối còn là các thượng tế và những người Do Thái. Họ tìm giết Đức Giê-su (8,37.40) và quyết định giết Đức Giê-su (11,45-53). Đức Giê-su báo trước ở 8,28 là những kẻ chống đối sẽ dẫn Người đến thập giá, vì họ không biết Đức Giê-su và không biết Chúa Cha (8,19). Tuy nhiên, biến cố thập giá lại là một cơ may cho họ. Qua biến cố này, họ có thể nhận ra nhiều thực tại liên quan đến căn tính của Đức Giê-su, sứ vụ của Người và tương quan mật thiết giữa Người với Chúa Cha. Về căn tính thần linh của Đức Giê-su, Người là Đấng “egô eimi (Ta Là)” (8,28b) như Danh ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước. Về sứ vụ, Đức Giê-su “không tự mình làm bất cứ điều gì” (8,28c) và Người hằng làm những điều đẹp ý Cha (8,29c). Về tương quan với Chúa Cha, Đức Giê-su là Đấng Cha sai đến (8,29a). Chúa Cha dạy Đức Giê-su (8,28d), ở với Người (8,29a) và không để Người một mình (8,29b).

Biến cố Đức Giê-su được giương cao trên thập giá đã bày tỏ cách nghịch lý thiên tính của Đức Giê-su và tư cách Con Một Thiên Chúa của Người. Lời tuyên xưng của Tô-ma trước Đức Giê-su Phục Sinh: “Lạy Chúa (kurios) của con, lạy Thiên Chúa (theos) của con” (20,28) và lời tuyên xưng của tác giả lời tựa: Đức Giê-su là “Lời (ho logos) ở với Thiên Chúa (ton theon), và Lời (logos) là Thiên Chúa (theos)” (1,1a.b) bao hàm trong “egô eimi” của Đức Giê-su như là Danh của Người. “Egô eimi” của Đức Giê-su song song với “egô eimi” của ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước. “Egô eimi” ở 8,24 là lời mời gọi tất cả mọi người nhận biết căn tính của Đức Giê-su mặc khải trong Tin Mừng Gio-an.

c) “Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là” (8,58)

“Egô eimi” của Đức Giê-su ở 8,58 mặc khải một chân lý khác về Đức Giê-su. Người hiện hữu từ lúc nào? Sự hiện hữu của Đức Giê-su được hiểu theo nghĩa hiện hữu thể lý hay hiện hữu thần linh? Đề tài này được nói tới khi Đức Giê-su tuyên bố với những người Do Thái ở 8,56: “Áp-ra-ham, cha các ông [những người Do Thái], đã hoan hỉ, vì hy vọng được thấy ngày của Tôi. Ông ấy đã thấy và đã mừng rỡ.” Trước lời tuyên bố lạ lùng này, sự phản đối của những người Do Thái và câu trả lời của Đức Giê-su được thuật lại ở 8,57-59: “57 Vậy những người Do Thái nói với Người: ‘Ông chưa được năm mươi tuổi mà đã thấy Áp-ra-ham sao?’ 58 Đức Giê-su nói với họ: ‘A-men, a-men, Tôi nói cho các ông: Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là (egô eimi).’ 59 Họ liền lượm đá để ném Người. Nhưng Đức Giê-su ẩn mình và đi ra khỏi Đền Thờ.”

Câu trả lời của Đức Giê-su ở 8,58 là mặc khải long trọng mở đầu bằng công thức: “A-men, a-men, Tôi nói cho các ông:...” Sự hiện hữu của Đức Giê-su được trình bày trong tương quan với hiện hữu của Áp-ra-ham qua kiểu nói “egô eimi” (Tôi Là). Có sự hiểu lầm về phía những người Do Thái, họ hiểu lời Đức Giê-su ở 8,56 theo nghĩa hiện hữu thể lý nên đã nói với Người: “Ông chưa được năm mươi tuổi mà đã thấy Áp-ra-ham sao?” (8,57). Nhưng Đức Giê-su, Người nói về sự hiện hữu thần linh của Người với tư cách là Con Một Thiên Chúa (1,18). Sự hiện hữu thần linh này diễn tả qua kiểu nói “egô eimi”, tương tự như “egô eimi” của ĐỨC CHÚA trong Cựu Ước. Toàn bộ Tin Mừng Gio-an giúp hiểu sự hiện hữu của Đức Giê-su diễn tả bằng “egô eimi” ở 8,58.

Trước hết, tác giả Tin Mừng khẳng định sự hiện hữu của Lời (Logos) trong câu đầu tiên của Tin Mừng: “Lời có lúc khởi đầu (en arkhê; en ho logos)” (Ga 1,1a). “Lúc khởi đầu (en arkhê)” ở đây gọi đến câu đầu tiên của Kinh Thánh trong sách Sáng Thế: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất” (St 1,1). Như thế Lời (Logos) đã hiện hữu lúc “Thiên Chúa sáng tạo trời đất.” Trong Tin Mừng Gio-an, Đức Giê-su là Lời làm người, tác giả Tin Mừng khẳng định ở Ga 1,14a: “Lời đã trở thành người phàm và cư ngụ giữa chúng tôi.” Vậy, từ lúc khởi đầu của mọi thụ tạo, Đức Giê-su đã hiện hữu với tư cách là Lời (Logos), bởi vì “Lời có lúc khởi đầu, và Lời ở với Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa” (1,1).

Kể đến, chính Đức Giê-su khẳng định sự tiền hữu (préexistence) của Người vào cuối sứ vụ công khai. Thật vậy, Đức Giê-su thừa với Cha của Người ở đầu (17,5) và ở cuối (17,24) ch. 17 về sự hiện hữu của Người: “Vậy giờ đây, lạy Cha, xin Cha tôn vinh Con bên Cha, vinh quang mà Con đã có bên Cha trước khi có thể gian” (17,5); “Lạy Cha, về những người mà Cha đã ban cho Con, Con muốn rằng Con ở đâu, thì họ cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của Con, *vinh quang* mà Cha đã ban cho Con vì Cha đã yêu mến Con trước khi thể gian được tạo thành” (17,24). Hai câu trên khẳng định Đức Giê-su đã hiện hữu “trước khi có thể gian” (17,5), “trước khi thể gian được tạo thành” (17,24). “Egô eimi” không có thuộc từ ở 8,58 là lời khẳng định long trọng về sự hiện hữu của Đức Giê-su không chỉ là trước khi Áp-ra-ham hiện hữu mà còn là trước khi có thể gian vũ trụ. Như thế, sự tiền hữu (préexistence) của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an được nhấn mạnh, đề tài này trình bày ở đầu (1,1), ở giữa (8,58) và ở cuối (17,5.24; 20,18) sách Tin Mừng.

Trong bối cảnh tranh luận với những người Do Thái trong đoạn văn 8,31-59, hình ảnh tổ phụ Áp-ra-ham xuất hiện nhiều lần trong đoạn văn này. Những người Do Thái khẳng định họ là con cháu Áp-ra-ham (8,33) và Áp-ra-ham là cha của họ (8,39). Nhưng đối với Đức Giê-su, cha của những người Do Thái ở đây không phải là Áp-ra-ham vì họ không “làm những việc của Áp-ra-ham” (8,39b-40). Đức Giê-su nói với họ ở 8,39b-40: “39b Nếu các ông là con cái Áp-ra-ham, các ông đã làm những việc của Áp-ra-ham. 40 Nhưng bây giờ các ông tìm giết Tôi, là người đã nói cho các ông sự thật mà Tôi đã nghe nơi Thiên Chúa. Điều đó, Áp-ra-ham đã không làm.” Khi tìm giết Đức Giê-su, những người Do Thái không có Áp-ra-ham là cha nữa. Cha của họ cũng không phải là Thiên Chúa (8,41b-42) mà là quỷ, như Đức Giê-su nói với họ ở 8,44a: “Các ông thuộc về quỷ là cha các ông, và các ông muốn làm những ước muốn của cha các ông.”

Khi Đức Giê-su nói với những người Do Thái: “Áp-ra-ham, cha các ông, đã hoan hỉ, vì hy vọng được thấy ngày của Tôi. Ông ấy đã thấy và đã mừng rỡ” (8,56) và “Trước khi có Áp-ra-ham, Tôi Là” (8,58b), Người mặc khải về căn tính thần linh của Người và Người thực hiện lời Thiên Chúa hứa với Áp-ra-ham. Vậy, nếu những người Do Thái “làm những việc của Áp-ra-ham” (8,39-40), họ sẽ nhận biết Đức Giê-su là Đấng Cha sai đến và tin vào Người.

d) “Anh em tin rằng: Thầy Là” (13,19)

Trong bữa ăn cuối cùng của Đức Giê-su với các môn đệ, Người nói với họ ở 13,18-19: “18 Thầy không nói về tất cả anh em đâu. Chính Thầy biết những người Thầy đã chọn, nhưng để Kinh Thánh được nên trọn: ‘Kẻ đã cùng con ăn bánh lại giơ gót đạp con.’ 19 Thầy nói với anh em từ lúc này, trước khi sự việc xảy ra, để khi xảy ra, anh em tin rằng: Thầy Là (egô eimi).”

Cũng như ở 8,28, trong đoạn văn 13,18-19, Đức Giê-su báo trước cho các môn đệ biến cố thập giá qua lời Kinh Thánh: “Để Kinh Thánh được nên trọn: ‘Kẻ đã cùng con ăn bánh lại giơ gót đạp con’” (13,18c), x. Tv 41(40),10. Cũng như ở 8,24, “Egô eimi” của Đức Giê-su ở 13,19b nhắm đến hành động tin trong tương lai. Sau biến cố Thương Khó – Phục Sinh, các môn đệ sẽ biết trọn vẹn căn tính thần linh của Đức Giê-su là “egô eimi” (Ta Là).

“Egô eimi” của Đức Giê-su ở 13,19 có ý nghĩa quan trọng, vì chính các môn đệ là những người đã tin vào Đức Giê-su cũng chưa thực sự biết hết căn tính thần linh của Đức Giê-su trước biến cố Thương Khó – Phục Sinh. Chỉ sau khi Đức Giê-su đi về với Cha thì Đấng Pa-rác-lê (Thần Khí sự thật) đến với các môn đệ, các ông mới thực sự tin và nhận biết trọn vẹn “egô eimi” của Đức Giê-su như là danh xưng thần linh của Người.

VI. Kết luận

Trong Cựu ước, “egô eimi” (Ta là) nói về Danh xưng của ĐỨC CHÚA (YHWH), trong Tin Mừng Gio-an “egô eimi” của Đức Giê-su gọi ý về thần tính của Người như là Con Một Thiên Chúa,

Đấng được Cha sai đến. Như thế, “egô eimi” của Đức Giê-su không thay thế “egô eimi” của ĐỨC CHÚA, nhưng tương quan với nhau theo nguyên tắc Đức Giê-su đề ra ở 5,17 khi Người nói với những người Do Thái: “Cha Tôi làm việc cho đến bây giờ, Tôi cũng làm việc.”

“Egô eimi” của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an được hiểu trong viễn cảnh sau biến cố Phục Sinh. Cộng đoàn Gio-an vào cuối thế kỷ I tuyên xưng niềm tin vào Đức Giê-su là Lời (Logos) của Thiên Chúa (1,1), Người là Chúa và là Thiên Chúa (20,28). Đức Giê-su là Đấng Cha sai đến trần gian và Người hiệp thông sâu xa với Cha của Người như Người đã nói với các môn đệ: “Ai thấy Thầy là thấy Cha” (14,9c), “Thầy trong Cha và Cha trong Thầy” (14,11). Ở 10,30, Người nói với những người Do Thái: “Tôi và Cha, Chúng Tôi là một.” Chúng ta có thể nói rằng tất cả những mặc khải liên quan đến nguồn gốc, căn tính và sứ vụ của Đức Giê-su, cũng như tương quan mật thiết giữa Người với Chúa Cha trong Tin Mừng Gio-an hàm ẩn trong kiểu nói “egô eimi” của Đức Giê-su.

VII. Thư mục

[1966] BROWN, R. E., “Appendix IV: EGO EIMI – ‘I AM’”, in Id., *The Gospel According to John, I–XII*, vol. I, (AB 29), New York (NY), Doubleday, 1966, p. 533-538.

[1975] DODD, C. H., *L'interprétation du quatrième Évangile*, (Lectio Divina 82), Paris, Le Cerf, 1975, (orig. *The Interpretation of the Fourth Gospel*, 1953).

[1978] BARRETT, C. K., *The Gospel According to St. John. An Introduction with Commentary and Note on the Greek Text*, (Second Edition), London, SPCK, (1955), 21978.

[1987] SCHNACKENBURG, R., “Excursus 8: The Origin and Meaning of the egô eimi Formula”, in Id., *The Gospel According to St. John*, vol. II: *Commentary on Chapter 5–12*, New York, The Crossroad Publishing Company, [1971], 1987, p. 79-89. (Orig. *Das Johannesevangelium*, 1971).

[1990] LÉON-DUFOUR, X., *Lecture de l'Évangile selon Jean, t. II: (chapitres 5–12)*, (Parole de Dieu), Paris, Le Seuil, 1990.

[1998] MOLONEY, F. J., *The Gospel of John*, (SPS 4), Collegeville (MN), The Liturgical Press, 1998.

[2001] MCGRATH, J. F., “‘I obey, there ‘I am’ (John 8.12-59)”, in Id., *John's Apologetic Christology: Legitimation and Development in Johannine Christology*, (SNTS.MS 111), Cambridge, Cambridge University Press, 2001, p. 103-116.

[2001] WILLIAMS, C. H., “‘I Am’ or ‘I Am He’”, in FORTNA, R. T.; THATCHER T., (eds.), *Jesus in Johannine Tradition*, Louisville (KY), Westminster John Knox Press, 2001, p. 343-352.

[2010] RONNING, John, “The ‘I Am He’ Sayings”, in Id., *The Jews Targums and John's Logos Theology*, Peabody (MA), Hendrickson Publishers, 2010, p. 194-223.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2014/03/ta-la-ego-eimi-trong-tin-mung-gio-an.html>

Ghi chú: Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bài viết, vì thế, xin các trang web đăng lại cho hiển thị ngày tháng, nguồn bài viết và **đừng chỉnh sửa hay cắt bớt nội dung**. Cảm ơn.

Xin kính báo: BBT. Xin hân hạnh giới thiệu những cuốn sách quý giá của tác giả Lm. Giuse Lê Minh Thông, tiến sĩ Thần học Kinh Thánh, giúp học hỏi Kinh Thánh. **(có thể nhấp chuột vào từng tựa đề để tìm hiểu chi tiết)**

12 CUỐN SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

Một số đề tài trong các tập sách

ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ SÁCH

Sách học tiếng Hy Lạp để đọc Tân Ước bằng tiếng gốc:

1. *Ngữ pháp Hy Lạp Tân Ước* (Phần căn bản)
2. *Cú pháp Hy Lạp Tân Ước* (Phần nâng cao)

Bản văn Tân Ước

1. *Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THƯ, Hy Lạp – Việt*
2. *Tin Mừng Mác-cô, Hy Lạp – Việt*
3. *Sách Khải Huyền, Hy Lạp – Việt*

Các sách tìm hiểu Tin Mừng Gio-an

01. *Người MÔN ĐỆ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN trong Tin Mừng thứ tư là ai?*
02. *TÌNH YÊU và TÌNH BẠN trong Ga 15,9-17*
03. *KHỦNG HOẢNG và GIẢI PHÁP*
cho các môn đệ trong Tin Mừng thứ tư
04. *Phân tích THUẬT CHUYỆN và CẤU TRÚC*
áp dụng vào Tin Mừng thứ tư
05. *Đấng PA-RÁC-LÊ – Thần Khí sự thật –*
trong Tin Mừng thứ tư
06. *YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần I*
07. *YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần II*

VỀ MỤC LỤC

CÁI CHẾT LÀM RUNG CHUYỀN ĐỊA CẦU (tiếp theo)

Ba Lan than khóc

Không nơi nào mà sự ra đi của Đức Thánh Cha đã có một tác động mãnh liệt như ở Ba Lan, quê hương của Ngài. Tổng thống Aleksander Kwasniewski ra lệnh treo cờ rủ và những Thánh Lễ đặc biệt lôi cuốn từng ngàn người ngay trước khi Đức Thánh Cha được an táng.

Một ngày trước lễ an táng, tức thứ năm ngày 7 tháng 4, gần một triệu người đã tụ họp ở Blonie Meadow ở Krakow, nơi mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị thường dâng Thánh Lễ khi Ngài trở lại thành phố mà Ngài đã làm giám mục, tổng giám mục và hồng y trong gần hai mươi năm.

Một số tám trăm ngàn người khác đứng xem lễ an táng trên những màn ảnh lớn. Dân chúng hát theo những bài thánh ca quen thuộc được phát thanh. Nhiều người tham dự thuộc thành phần giới trẻ mà Đức Thánh Cha đã ra sức đem họ trở về và nhiều người trong đám đó mang áo trắng hay băng trắng để vinh danh Ngài.

Hàng trăm ngàn người Ba Lan khác tụ tập ở Công Trường Warsaw's Pilsudski để canh thức, trong khi cuộc sống công cộng ở thủ đô và bất cứ ở nơi nào khác trên đất nước Ba Lan đều khựng lại. Các hãng xưởng, tiệm buôn và học đường ở nơi thủ đô cổ kính Warsaw đều đóng cửa.

Ở bên ngoài thánh đường bà Thánh Anna, một biển hoa cùng những đèn cây đã tràn ngập các đường sá. Sau Thánh Lễ an táng, pháo binh Ba Lan đã bắn hai mươi sáu phát súng đại bác, mỗi phát tượng trưng cho một năm của triều đại Ngài.

Người Công Giáo và Do Thái Giáo gặp nhau ở nguyện đường duy nhất của Do Thái tại Warsaw để khóc thương một nhân vật vĩ đại đã làm rất nhiều ngõ hầu đem hai tôn giáo xích lại gần nhau. Ở Wadowice là thành phố nhỏ mà Ngài Karol Wojtyla sinh ra năm 1920, khoảng mười lăm ngàn người tập họp ngoài thánh đường mà Ngài đã được rửa tội.

Người Ba Lan không giới hạn việc than khóc ở trong nước mà thôi. Hàng ngàn người đã sang Roma để tham dự Thánh lễ. Những chuyến xe lửa đặc biệt đã rời Warsaw tối thứ tư với hành trình hơn ba mươi tiếng đồng hồ để đến ga Ostia ở ngoại ô kinh thành muôn thưở mà họ chỉ đến được vào nửa đêm thứ năm.

Hàng chục người chen chúc nhau trong các toa xe lửa mà không còn một chỗ trống. Khi xe lửa đi qua Czestochowa, nơi có Thánh tượng Đức Mẹ Đen mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị đã rất tha thiết, áp ủ trong lòng, những người trẻ đã hát kinh "Lạy Cha" và kinh "Kính Mừng".

Một sinh viên Ba Lan đã tóm lược cảm tưởng của nhiều người, khi anh ta nói với ký giả Christophe Chatelot của tạp chí "Le Monde" là "*nhóm của anh cảm thấy vừa vui vừa buồn. Có thể Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị không hiện diện trong con tim mỗi người Ba Lan*", anh nói, "*nhưng tất cả chúng tôi đều buồn vì đã mất đi một nhân vật vĩ đại như Ngài.*"

Tiếng vọng từ Trung Hoa Lục Địa

Khi tin tức về sự ra đi của Đức Thánh Cha được loan báo, nhà cầm quyền Cộng Sản Hoa Lục đã huy động các lực lượng an ninh chìm nổi theo dõi ngày đêm các cộng đoàn Công Giáo Thầm Lặng.

Về phía Giáo Hội Yêu Nước của chính phủ, ban đầu nhiều linh mục còn dè dặt. Tại một nhà thờ

trong khu vực thương xá Wangfujing, gần Thiên An Môn, cha sở chỉ cho dán một thông cáo ở ngoài cửa nhà thờ để cộng đoàn xúm nhau đọc, ai muốn hiểu sao thì hiểu, cha sở không dám bình luận thêm. Nhưng đó chỉ là số ít không đáng kể.

Ngay tại Vương Cung Thánh Đường phía nam thủ đô Bắc Kinh trong khu Xuan Wu Men là nhà thờ lớn nhất tại thủ đô Bắc Kinh, vào sáng Chúa Nhật ngày 3 tháng 4, cha Sun Shanggen đã thông báo việc Đức Thánh Cha qua đời với cộng đoàn như sau: *“Thiên Chúa đã gọi Ngài về yên nghỉ trong vòng tay từ ái. Ngày hôm nay chúng ta hãy nghĩ đến Ngài trong những ý nguyện của mình. Chúng ta hãy cầu xin ơn Chúa cho Ngài sớm hưởng phúc Thiên Đàng.”*

Cha Sun Shanggen công khai nhắc lại ước mơ chưa tròn của Đức Thánh Cha là viếng thăm hai nước Á châu: Trung Hoa và Việt Nam. Đồng thời cha bày tỏ tình hiệp thông hoàn toàn với Tòa Thánh.

Tại các nhà thờ khác trực thuộc Giáo Hội Yêu Nước được chính phủ nhìn nhận, các linh mục công khai tán dương công đức của Đức Thánh Cha và không ngần ngại nhắc đến biến cố các chế độ Cộng Sản bị sụp đổ tại Đông Âu.

Các linh mục công khai bày tỏ sự hiệp thông với Tòa Thánh và tổ chức các buổi cầu nguyện hết sức trọng thể. Các linh mục cũng nhấn mạnh nhiều lần đến hai chữ *“Đừng Sợ!”* mà Đức Thánh Cha thường hay nhắc nhở.

Đối với Giáo Hội Thầm Lặng, nhà nước Trung Quốc một mặt cảnh cáo công khai, một mặt theo dõi ngày đêm.

Tại tỉnh Hà Bắc, nơi tập trung đông đảo dân Công Giáo, công an ập đến nhà Đức Cha Giulio Jia Zhiguo. Họ không bắt ngài vì tình trạng sức khỏe của ngài quá tệ thảm. Đức Cha chỉ được phép dâng Thánh Lễ cầu hồn cho Đức Thánh Cha tại nhà nguyện riêng với hai người giúp lễ mà thôi, ngoài ra không ai khác được phép tham dự lễ cầu hồn hết.

Cũng thế, Đức Cha Giuse Zhang Weizhu của Xianxian cũng bị công an canh chừng nghiêm ngặt.

Tuy nhiên, bằng cách nào đó, các linh mục và giáo dân vẫn có thể làm lễ chui để cầu nguyện cho Đức Thánh Cha. Một giáo dân cho phóng viên UCAN biết là các tín hữu tại đây đã để hình Đức Thánh Cha ở chính giữa bàn thờ: *“Chúng tôi cảm thấy an ủi vì trong Thánh Lễ cha sở đọc những bản tin cho biết trước khi qua đời Đức Thánh Cha trở lại đừng khóc và hãy vui vẻ.”*

Tại giáo phận Tianjin, Đức Cha Stêphanô Li Side cũng bị canh gác ngày đêm. Cả Đức Cha phụ tá Melchior Shi Hongzhen cũng bị canh chừng.

Tại giáo phận Wenzhou, năm ngàn người Công Giáo thầm lặng đã tham dự Thánh Lễ cầu nguyện cho Đức Thánh Cha, nhưng phải chia thành nhiều lễ, mỗi lễ chỉ vài trăm người.

Tại giáo phận Fuzhou, cách 1630 cây số về phía đông nam Bắc Kinh, một nữ tu cho biết: *“Nhiều người trong chính quyền địa phương nói họ cũng có cảm tình với Đức Thánh Cha nên muốn làm gì thì làm.”*

Phản ứng từ phía Nga Sô

Cảm tình đối với Công Giáo của người Nga gia tăng đáng kể trong vòng 5 năm qua theo một cuộc nghiên cứu vừa được công bố.

Cuộc nghiên cứu do cơ quan “Obszczestvennoe mnenie” (“Ý kiến công chúng”) cho thấy 30%

dân Nga bày tỏ cảm tình đối với Công Giáo. Con số này gia tăng đáng kể so với cuộc nghiên cứu được thực hiện vào năm 2000 vì vào năm đó, chỉ có 16% dân Nga bày tỏ cảm tình với Công Giáo.

Cuộc nghiên cứu cũng cho thấy số người Nga “không ưa” Công Giáo đã giảm từ 9% xuống còn 5% trong vòng 5 năm qua.

Cơ quan “Obshchestvennoe mnenie” cũng cho biết một con số đáng kể là đến 77% dân Nga đã theo dõi buổi trực tiếp truyền hình thánh lễ an táng Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị hôm 8/4/2005. Hơn 46% người được hỏi nhận định rằng cái chết của Đức Thánh Cha là một mất mát lớn lao cho thế giới.

Cuộc điều tra đã phỏng vấn 1500 người cư ngụ trên 100 thành phố và làng mạc cho thấy dù Tòa Thượng Phụ Chính Thống Giáo Nga thường có những lời lẽ không đẹp đối với Công Giáo và cá nhân Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị, nhưng Ngài có một ảnh hưởng sâu đậm đối với người tín hữu Nga, và khơi dậy cảm tình của họ đối với Giáo Hội Công Giáo.

CHẾT MỚI NÓI NÊN LỜI

TƯỢNG NIỆM ĐỨC THÁNH CHA GIOAN PHAOLÔ II

BĂNG HÀ NGÀY 02-04-2005

Hương Vĩnh

Lạy Cha Gioan Phao-lô Đệ Nhị!

Hai mươi sáu năm ngôi vị giáo hoàng,

đề trĩu lên đôi vai Cha.

Giờ Chúa cho Cha

thanh thản cất bước ra đi,

trong tiếc thương của toàn dân Chúa

và của cộng đồng nhân loại.

Lời Cha đã ban ra

hai mươi sáu năm về trước,

tại quảng trường Thánh Phê-rô

trong đại Lễ đăng quang:

“Các con đừng sợ!”

Lời đó như sấm ran
dội khắp năm châu bốn biển,
xuyên thấu tâm can mọi người thiện chí
và lay chuyển những thành trì kiên cố,
xây đắp bởi những ý thức hệ bất nhân,
tạo nên những chế độ thù nghịch đối đầu,
suốt chiều dài thế kỷ hai mươi.

Lạy Cha!

bể dâu còn đó!
Những tang thương đổ vỡ còn tiếp diễn
từ đông sang tây,
từ bắc chí nam,
từ sâu thẳm nội tâm con người
cho đến ngoại cảnh nhân thế.

Cha ơi!

Những lời kêu vang trầm thống của Cha
hơn một phần tư thế kỷ qua,
không được nhân loại đón nhận,
với con tim rộng mở,
để "*tiếp nhận Chúa Kitô*",
vì ít người quan tâm
đối với những lời Cha ban tặng.

Văn minh sự chết vẫn tràn lan.

Đó là những cơn sóng thần lớn nhỏ,
Xua đuổi nền văn minh sự sống
lùi vào bóng tối của *đêm trường thời gian* (1),
khiến sự yêu thương nhường chỗ cho hận thù,
chiến tranh được cổ võ
ngay trên những phần đất còn sót lại
mang chút dấu ấn của hòa bình!

Cha đã cất bước lữ hành,
tính bằng nhiều vòng trái đất,
để van xin mà không biết mỗi mệ:
Hãy "lấy tình thương xóa bỏ hận thù",
tay nắm tay xây dựng hòa bình
trong tinh thần "*tứ hải giai huynh đệ!*"

Cha đã đi tìm giới trẻ
của triệu triệu mầm non thế hệ,
từ Âu sang Á,
từ Phi châu sang Mỹ châu,
để gieo mầm móng đức tin và hy vọng,
trong những tâm hồn non trẻ
là tương lai huy hoàng của Giáo Hội
và của thế giới ngày mai.

Cha đã đau buồn
chứng kiến bao cảnh não lòng
của một số rất nhỏ

những mục tử Giáo Hội Cha
đã vấp ngã trên hành trình dâng hiến
làm dịp cho kẻ gian ác
lớn tiếng bôi nhọ thanh danh Giáo Hội
và bôi bác
những giá trị đạo đức ngàn đời.

Nhưng Cha cũng rất vui
vì những hoa trái Giáo Hội gặt hái được
qua giòng lịch sử,
với những gương hy sinh vô bờ bến
của triệu triệu chứng nhân giữa giòng đời,
những giáo sĩ, tu sĩ lẫn giáo dân,
trong quá khứ cũng như hiện tại và tương lai,
đã hy sinh cuộc đời cho công lý và tình thương,
ngay cả lấy máu đào minh chứng đức tin.

Cha đã yêu thương Giáo Hội
và "*yêu thương cho đến hơi thở cuối cùng*"! (2)
Để đáp trả tình yêu đó,
con cái Cha từng đoàn lũ lượt,
từ nhiều nơi trên thế giới,
với triệu triệu người sát cánh bên nhau,
tuôn về kinh thành muôn thủa,
đợi chờ cả ngày lẫn đêm,
để tôn kính chiêm ngưỡng dung nhan Cha lần cuối,
dù chỉ trong một vài giây ngắn ngủi!

Khắp nơi trên thế giới,
con cái Cha,
cũng như những người thành tâm thiện chí,
qua mạng truyền hình
hay những kênh truyền thông,
đã tôn kính theo dõi tang lễ của Cha
để cùng hiệp thông tỏ tình quý mến
và cùng nhau tiễn biệt Cha
về nơi an nghỉ vĩnh hằng
trên Thiên Quốc!

Ngày Cha nằm xuống,
thế giới đã nắm chặt tay nhau,
dù trong thời gian vắng vẻ.
Những thủ lĩnh thù nghịch
có cơ hội ngồi bên nhau
trao đổi đôi lời giao tế
hoặc những cái bắt tay lịch sự
trong tang lễ của Cha.

Lạy Cha!

Hai mươi sáu năm rao giảng sứ điệp
của Tin Mừng yêu thương và tha thứ,
khắp năm châu bốn biển.
Nhưng tiếng Cha chỉ đồng vọng
trong tâm hồn tỷ tỷ người nghe

khi Cha nằm xuống,
khi mọi ngôn từ đều im bật!

Cha ơi!

Khi *CHẾT CHA MỚI NÓI NÊN LỜI!*

Lời của vô thanh

như “*tiếng vỗ của một bàn tay!*” (3)

như tiếng thì thầm của vũ trụ,

“*như tiếng chim ca*” (4)

“*như lời mẹ đong đưa*” (5) cho con ngủ.

Đó là dư âm

của Lời Chúa Cha nói với Chúa Con:

“*Hôm nay Cha sinh hạ ra Con!*” (6)

để rồi Cha cũng như tất cả chúng con

được trở nên nghĩa tử của Cha trên trời

và sung sướng kêu lên:

“*Abba! Cha ơi!*” (7)

Lạy Cha Gioan Phao-lô Đệ Nhị!

Thời điểm Cha nhắm mắt

là khởi đầu cuộc sống trường sinh

là lễ Phục Sinh

của Cha, của Giáo hội

và của mỗi người trong chúng con,

vì sứ điệp của Cha chỉ vang vọng

trong tâm hồn nhân thế

khi Cha im bặt không còn cất tiếng nói!

Đó chính là lúc Thần Trí của Chúa

đổ tràn xuống trên đầu chúng con

là những con trai con gái (8),

để chúng con ra đi loan báo Tin Mừng

cuộc Phục Sinh của Chúa,

của Cha và của Giáo Hội trần thế,

trên bước đường lữ hành,

cho đến tận cùng trái đất,

cho đến thời cánh chung.

vào khi *thế mạt* (9).

khi Chúa Kitô vinh quang trở lại!

Amen!

GHI CHÚ

(1) La nuit des temps

(2) Phúc Âm Thánh Gioan:

“Người vẫn yêu thương những kẻ thuộc về mình còn ở thế gian và Người yêu thương họ đến cùng.” (Gio13, 1)

(3) Công án thiên

(4) Anthony de Mello: “Như Tiếng Chim Ca”:

“Chim ca không phải công bố điều gì, nhưng vì có một bài ca”

(5) Bài hát Trịnh Công Sơn

(6) Bài ca nhập lễ Đêm Giáng Sinh:

Dominus dixit ad me: “Filius meus es tu. Hodie genui te!”

(Chúa Trời nói với tôi: “Con là Con Cha. Hôm nay Cha đã sinh ra Con!”)

(7) Thánh Phaolô:

“...Thần Khí làm cho “anh em nên nghĩa tử, nhờ đó chúng ta được kêu lên: Abba! Cha ơi!” (Rm 8, 15)

(8) Thánh Kinh:

“Ta sẽ đổ Thần Trí ta trên các loài xác thịt; con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri.” Gio-en 2, 28).

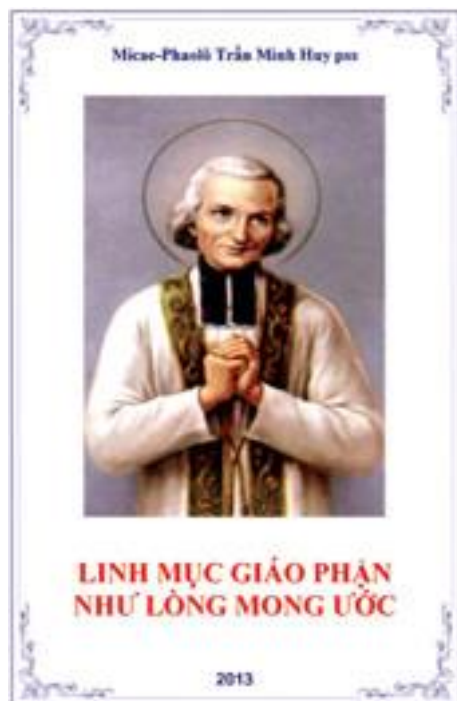
“Ta sẽ là Cha các ngươi và các ngươi sẽ là con trai, con gái của Ta. Chúa toàn năng phán như vậy.” (2 Cr 6, 18)

(9) La fin des temps.

VỀ MỤC LUC

BÍ QUYẾT TRUNG TÍN VÀ THÀNH CÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ LINH MỤC (I)

Giới thiệu tác phẩm: LINH MỤC GIÁO PHẬN NHƯ LÒNG MONG ƯỚC



Trọng kính Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Độc Giả CGVN.

Trong niềm tri ân cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội Công Giáo một Vị Mục Tử Như Lòng Mong Ước Là Đức Thánh Cha Phanxico - Đứng dịp Đại Lễ Phục Sinh Năm Thánh Đức Tin 2013 - Nhà Sách Đức Mẹ (email: nsachdcct@gmail.com) thuộc Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam đã phát hành tác phẩm Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước do Linh mục Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss. biên soạn.

Tập sách rất vinh hạnh vì đã được ưu ái cấp IMPRIMATUR: bởi Đức Cha Pet. NGUYỄN VĂN ĐỆ, SDB. Giám mục Giáo phận Thái Bình. Quý Đức Tổng Phero Nguyễn Văn Nhơn, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt, Đức Cha Anton Vũ Huy Chương vui mừng viết Lời Giới thiệu.

Sách được phục vụ tại các nhà sách Công Giáo.

Nguyện xin THIÊN CHÚA chúc phúc và trả công bội hậu cho hết thảy những ai đang nỗ lực "chắp cánh" cho Quê hương và Giáo Hội Việt Nam bay lên!

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

BBT CGVN

TỈNH TÂM LINH MỤC GP. VINH 12/2013 - BÀI 8: BÍ QUYẾT TRUNG TÍN VÀ THÀNH CÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ LINH MỤC (I)



Kính thưa Quý Cha,

Xe có tốt máy, máy móc có tối tân và mạnh bao nhiêu đi nữa mà thiếu nhiên liệu thì không thể vận hành và phát huy tiềm năng được. Cũng thế, dù phương pháp và kỹ năng mục vụ của chúng ta có thức thời, hiện đại và hữu hiệu đến mấy mà thiếu nội lực thiêng liêng, thiếu sức sống của Chúa và dầu đức tin thì cũng không duy trì vững vàng lâu dài và phát huy hiệu quả là làm cho người ta biết Chúa, trở lại với Chúa và yêu mến Chúa được. Những điều con sẽ trình bày ngày hôm nay có thể được gọi là Bí Quyết để sống trung tín và thành công trong đời sống và sứ vụ linh mục của chúng ta.

1. Linh Mục sống Bí tích Thánh Thể

Chúng ta được phong chức linh mục để trở nên thừa tác viên bí tích trong Giáo Hội mà Thánh Lễ là hình thức cầu nguyện cao nhất của đời sống phụng tự Kitô giáo. Thánh Thể là “suối nguồn và chóp đỉnh của đời sống và sứ vụ của Hội Thánh”, là “đỉnh cao mà mọi hoạt động của Giáo Hội hướng tới, đồng thời là nguồn suối phát sinh tất cả sức mạnh của Giáo Hội”^[1] nên cũng là trung tâm đời sống và sứ vụ linh mục của chúng ta, vì có một mối tương quan rất chặt chẽ giữa cử hành Thánh Lễ và rao giảng Đức Kitô. Những gì Chúa Giêsu đã nói và đã làm trong bữa Tiệc Ly,^[2] khi thiết lập Bí tích Thánh Thể và chức linh mục, đều giúp cho đời sống thiêng liêng của chúng ta lớn lên dần dần đến độ “trở nên và sống như một Chúa Kitô Khác trong mọi hoàn cảnh sống”^[3] và “các sinh hoạt hàng ngày của chúng ta sẽ thực sự mang ý nghĩa và chiều kích Thánh Thể.”^[4]

Trước hết, việc soát xét lương tâm mà thánh Phaolô dạy^[5] để chuẩn bị dâng thánh lễ và rước lễ sẽ giúp chúng ta ý thức mình bất xứng, phải cậy dựa vào sự trợ giúp của Chúa và sự bổ khuyết của Giáo Hội (“*Ecclesia supplet*”). Điều này giúp chúng ta sống đầy đủ chiều kích hiệp thông và cộng tác với mọi thành phần của Hội Thánh/Nhiệm Thể Đức Kitô. Thiên Chúa tỏ lộ màu nhiệm ý định của Ngài trong phụng vụ Lời Chúa, mà chúng ta phải liên kết với các thực tại của cuộc sống, ngõ hầu cuộc sống được biến đổi bởi chính Lời ấy. Chúng ta công bố Lời và Ý Chúa mà chúng ta đã tin và đang sống, nhờ đó, tín hữu cũng được thúc đẩy sống, hoán cải, biến đổi và hành động xứng danh kitô hữu.

Ngày thụ phong, chúng ta đã nhận lấy quà tặng quý giá chức linh mục trong niềm hăng say, hạnh phúc và biết ơn. Với dòng thời gian thăng trầm đổi thay, cuộc sống và sứ vụ linh mục không luôn tránh khỏi khó khăn và thập giá, nhưng nếu bây giờ cho chọn lại, chắc chắn mỗi người chúng ta đều vẫn sẵn sàng thưa “xin vâng” với ý thức, quyết tâm và bình an. Vì như đã làm trong bữa tiệc ly với bánh, Chúa Giêsu cũng cầm lấy chúng ta và chúc phúc cho chúng ta, khi kêu gọi và tuyển chọn chúng ta. Chúng ta tạ ơn Chúa và có lẽ phải hét lên vui mừng, vì tình yêu vô điều kiện Chúa ban và vì may mắn của chúng ta, là được chọn dù chưa chắc chúng ta đã tốt hơn những người khác. Ước gì chúng ta không bao giờ sợ bị cầm lấy và chúc phúc như thế, bởi Chúa và bởi đoàn chiên đã được trao phó cho chúng ta chăm sóc mục vụ, kể cả qua những gánh nặng, thử thách, khó khăn, tuổi tác và bệnh tật.

Để luôn trung thành giữ lời cam kết với Chúa và với Hội Thánh, đôi khi chúng ta cảm thấy đời sống và con tim bị bẻ ra vì hiểu lầm và đau khổ, vì sự cô đơn và những chiến đấu chống lại những ước muốn nhân loại yếu đuối bên trong và các cơn cám dỗ từ bên ngoài. Nhưng khi hiểu được ý nghĩa của đời sống bị bẻ ra như tấm bánh vì Chúa và vì tha nhân, mà cha Chevrier nói “linh mục là người bị ăn”, chúng ta sẵn sàng hiến tặng thời giờ, của cải, sức khỏe, hạnh phúc, niềm vui, cả những đau khổ và buồn phiền cho Chúa và đoàn chiên, vì tất cả những thứ đó cũng chính là cuộc sống và con người linh mục chúng ta để “học biết kết hợp mật thiết với lễ vật, đặt trên bàn thờ hy lễ cả cuộc đời mình

như dầu chỉ của tình yêu nhưng không và ân cần của Thiên Chúa.”^[6] Thánh Phaolô khẳng định: *“tôi rất vui lòng tiêu phí tiền của, và tiêu phí cả sức lực lẫn con người của tôi vì linh hồn anh em”*^[7], và chính đó là hiến tế cuộc đời đẹp lòng Chúa mà Chúa hằng chờ đợi nơi chúng ta. Quả thế, máu các thánh tử đạo đổ ra vì Chúa và vì Nước Trời chỉ có một lần thôi, nhưng máu của chúng ta đổ ra cách này hay cách khác, mỗi ngày, từng giọt một, qua trách nhiệm và bổn phận sẽ khó khăn hơn và công nghiệp hơn: *“Một lúc đổ cả máu đào, hay từng giọt một chẳng nào công hơn?”* Và như Thánh Phaolô, mỗi ngày, chúng ta bỏ khuyết nơi thân xác chúng ta phần còn thiếu sót trong cuộc khổ nạn cứu thế của Đức Kitô.^[8]

Bánh và rượu dâng lên sẽ được quyền năng Chúa biến thành Mình và Máu Chúa Kitô. Nếu chúng ta dâng bản thân chúng ta, những tình cảm và tình yêu, những vấn đề, những lo lắng, đau khổ và hạnh phúc... thì quyền năng ấy cũng sẽ biến đổi thành những gì tốt đẹp hơn, hữu ích hơn cho chúng ta và đoàn chiên của chúng ta. Đặc biệt, nếu chúng ta dâng những yếu đuối và tội lỗi của chúng ta, Chúa sẽ tha thứ, biến đổi và thánh hoá chúng ta, bởi vì với Chúa, chẳng có tội gì quá nặng đến nỗi Chúa không thể tha thứ, miễn là chúng ta thực tình ăn năn trở lại đón nhận ơn Chúa! Vì thế, trong buổi kinh Truyền Tin ngày 9/6/2013, ĐTC Phanxicô thúc giục *“Hãy tin tưởng đến với Chúa Giêsu, Ngài luôn tha thứ cho chúng ta”*.

Trong việc cử hành Thánh Thể này, chúng ta cũng được mời gọi sống và làm chứng cho sự hiệp nhất của Hội Thánh: nhiều hạt lúa miến kết thành tám bánh, nhiều trái nho ép thành ly rượu. Sự hiệp nhất này là nguồn mạch và bằng chứng hữu hiệu cho sứ vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh.^[9] Nhờ việc cử hành thánh lễ, chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh biến đổi của Bí tích Thánh Thể và tìm thấy nơi màu nhiệm này sự can đảm và nguồn sức mạnh đi theo Chúa Giêsu và phục vụ Ngài nơi tha nhân. Chúng ta kín múc dồi dào nguồn sức mạnh này từ Bí tích Thánh Thể, được cử hành trong thánh lễ mỗi ngày và được thờ phượng nơi Nhà Tạm mỗi khi đến viếng Mình Thánh Chúa,^[10] như chính Chúa Giêsu mời gọi *“hãy đến với Ta, hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ nâng đỡ và bổ sức cho”*^[11]. Quả thế, chính Chúa Giêsu Thánh Thể sẽ nạp lại năng lượng và tăng thêm nhiệt huyết tông đồ cho chúng ta, bằng việc tiếp tục kích hoạt ngày sống và đổ đầy niềm hy vọng vững chắc cho chúng ta. Bí tích Thánh Thể là dầu chỉ thường hằng của tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu đỡ nâng hành trình của chúng ta tiến về hiệp thông trọn vẹn với Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Đây là thứ tình yêu vượt thắng mọi tình yêu nhân loại, dù có khi rất hấp dẫn và cần thiết tự nhiên. Chính nơi Nhà Tạm mà ta phục hồi và nạp thêm năng lượng cho đời sống thiêng liêng và sứ vụ linh mục của mình, vì trước khi muốn nói về Chúa thì phải ở với Chúa, nói với Chúa và lắng nghe Chúa nói đã. Thánh Phêrô khuyên *“Anh em hãy trao trút nỗi lòng anh em cho Chúa, vì Ngài hằng thương yêu chăm sóc đến anh em”*^[12]. Ai trong chúng ta đã không có hơn một lần trải nghiệm những thăng trầm vấp ngã? Đó cũng là lý do Đức Chân phước Gioan Phaolô II đã mở ra “Năm Thánh Thể” với ước mong Hội Thánh được “khởi đầu lại từ Chúa Kitô” và chia sẻ cảm xúc sâu xa của chính ngài nơi Bí Tích Thánh Thể như là phương tiện đồng hành và tăng sức mạnh.^[13] Hiện nay trên thế giới, việc Châu Thánh Thể Liên Tục Ngày Đêm để cầu nguyện cho hòa bình, cho việc phục hồi và canh tân giáo xứ, cộng đoàn rất được cổ vũ. Chúng ta chưa làm được như thế, ước gì chúng ta sẽ ý thức làm tốt hơn giờ cầu Thánh Thể hằng ngày của chúng ta. ĐTC Biển Đức XVI nhắc nhở: *“Giáo Hội cần đến những linh mục được chuẩn bị tốt, đầy khôn ngoan nhờ tình bạn thân thiết với Chúa Giêsu, liên li chạy đến bàn tiệc Thánh Thể và nguồn mạch không thể lay chuyển của Phúc Âm. Từ hai nguồn mạch bất khả thay thế này, các con hãy biết múc lấy sự nâng đỡ thường xuyên và sự gọi hứng cần thiết cho đời sống và thừa tác vụ của các con”*...

Việc cử hành Thánh lễ kết thúc, nhưng việc sống Thánh Thể vẫn tiếp tục trong cuộc đời mục vụ của anh em linh mục chúng ta. Lễ xong, chúng ta ra đi để sống màu nhiệm vừa cử hành, để sẽ chia những gì mình vừa lãnh nhận, để đem yêu thương cho mọi người trong cuộc lữ hành đức tin. ĐTC Biển Đức XVI dạy: *“Thánh Thể không tách xa chúng ta khỏi những người đương thời với chúng ta; ngược lại, bởi vì Thánh Thể là cách diễn tả hay nhất của tình yêu Thiên Chúa, nó mời gọi chúng ta cộng tác với tất cả anh chị em mình để đương đầu với những thách đố hiện tại*

và làm cho hành tinh này thành một nơi tốt đẹp để sống.”[14] Xin Chúa ban cho chúng ta được ơn dâng thánh lễ mỗi ngày thật sốt sắng như có thể đây là thánh lễ cuối cùng của cuộc đời mình vậy.

2. Linh mục buông mình theo Chúa Thánh Thần

Cũng như mọi người, chúng ta đã lãnh nhận Chúa Thánh Thần và trở nên đền thờ Ngài ngự khi chịu phép bí tích Rửa tội; và còn nhận lãnh Thánh Thần đầy đủ hơn trong Bí tích Thêm sức và Truyền chức linh mục (với quyền tha tội). Hơn ai hết, chúng ta phải buông mình theo Chúa Thánh Thần và để Ngài hướng dẫn: “*Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em*”[15]. Thánh Thần cũng sẽ dạy cho biết phải nói gì: “*Khi người ta đưa anh em ra trước hội đồng, trước mặt những người lãnh đạo và những người cầm quyền, thì anh em đừng lo phải bào chữa làm sao, hoặc phải nói gì, vì ngay trong giờ đó, Thánh Thần sẽ dạy cho anh em biết những điều phải nói*”[16]. Thánh Thần còn nói thay cho nữa: “*Thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thần Khí của Cha anh em nói trong anh em.*” “*Khi người ta điệu anh em đi nộp, thì anh em đừng lo trước phải nói gì, nhưng trong giờ đó, Thiên Chúa cho anh em biết điều gì, thì hãy nói điều ấy: thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thánh Thần nói*”[17].

Hoạt động của Chúa Thánh Thần rất đa dạng và phong phú: Ngài dùng môi miệng ta mà nói điều Chúa muốn nói; Ngài soi sáng trong trí khôn cho ta viết lại; Ngài cũng có thể nắm tay giúp ta viết lên điều Ngài muốn; hoặc Ngài viết ra trên vách cho ta xem mà chép lại, như trường hợp đã xảy ra với vua Bensatsa mà Danien đã giải thích cho[18]. ĐTC Biển Đức XVI nhắc nhở: “*Cũng như toàn thể Giáo Hội, đời sống linh mục cần được canh tân liên lý, để tìm thấy lại trong cuộc sống của Chúa Giêsu những hình thức thiết yếu nhất của con người mình*”[19]. Chúng ta chỉ có thể tìm được tác nhân khởi động, tiếp tục và kiện toàn sự canh tân liên lý đó ở nơi Chúa Thánh Thần. Chính Ngài giúp chúng ta biến đổi và kiện toàn đời sống và sứ vụ qua bầy ơn của Ngài:

Ơn Kính Sợ là hồng ân giúp chúng ta không dám làm bất cứ điều gì khả dĩ làm mất lòng Chúa. Đây là một sự tế nhị của người đang yêu: cậu bé Saviô dóc lòng “*thà chết chứ không phạm tội trọng*” và mẹ vua thánh Louis luôn nhắc nhở con “*thà mẹ nhìn thấy con chết trước mắt mẹ hơn là thấy con phạm tội trọng mất lòng Chúa*” và để bảo vệ đức trinh khiết của mình, Maria Goretti bảo Alexander “*Không được làm thế, Chúa không muốn, sa hoả ngục đó*”. Như thế, điều quan trọng trong đào tạo kitô giáo là gây nên nơi tín hữu ý thức sợ tội, vì con người ngày nay bị đánh mất cảm thức về tội. Chính vì vậy, thành công của công việc đào tạo kitô giáo, nhất là đào tạo linh mục và tu sĩ, là biết làm cho người thụ huấn có được lòng kính sợ Thiên Chúa, không dám phạm tội mất lòng Chúa.

Ơn Đạo Đức giúp chúng ta nhận ra mối tương quan yêu thương giữa chúng ta với Thiên Chúa, và với mọi người, trong tinh thần siêu nhiên và đức tin.

Ơn Suy Biết giúp chúng ta có thể đánh giá các sự vật ở trên bậc thang giá trị đích thực. Đừng hiểu lầm lời mời gọi quyết liệt từ bỏ để đi theo Ngài của Chúa Giêsu (“*Cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ*” hay “*Ai đã tra tay cầm cày mà còn ngoái lại đằng sau, thì không thích hợp với Nước Thiên Chúa*”)[20]. Chúa không bao giờ bảo ta ghét cha mẹ, gia đình hay bản thân, nhưng là biết đặt nó vào đúng vị trí của nó trên bậc thang giá trị, ví dụ chúng ta có bốn phận thảo kính và mến yêu cha mẹ, nhưng cha mẹ lại không thể được đặt cao hơn Chúa và tình yêu đối với Chúa...

Ơn Sức Mạnh là ơn giúp chúng ta can đảm vượt lên những chướng ngại để chọn lựa như Chúa muốn và sống theo ý Chúa. Thánh nữ Françoise de Chantal khi đã góa chồng và nuôi

dưỡng 4 con trưởng thành, bà gặp thánh François de Salle, biết được lời mời gọi và ý muốn của Chúa nên muốn đi tu, bốn đứa con nằm dài trên lối đi ngăn cản, bà đã can đảm tay cầm khăn vừa gạt nước mắt vừa bước qua từng người con để từ bỏ gia đình ra đi sống đời tu trì và lập dòng Visitadines.

Ơn Lo Liệu là ơn giúp chúng ta tìm ra những phương thế và cách sống nào thích hợp nhất để thực hiện điều Chúa muốn, đúng theo bậc sống của mình.

Ơn Thông Hiểu đưa chúng ta vào sự thật viên mãn khi đọc Lời Chúa.^[21] Nhiều linh mục có thói quen xin ơn Chúa Thánh Thần mỗi khi soạn bài và giảng cho giáo dân: *Xin Chúa Thánh Thần tiếp tục tác động, biến đổi và thánh hóa tâm hồn con cùng tâm hồn những người sẽ lắng nghe con, xin Chúa dùng môi miệng con mà nói điều Chúa muốn nói.* Tông huấn Verbum Domini số 85-87 gọi cho ta 3 câu hỏi trước khi dọn và giảng: *Sứ điệp Lời Chúa hôm nay là gì? Lời Chúa dạy gì cho riêng tôi hôm nay? Lời Chúa hôm nay dạy gì cho những người sắp nghe tôi?* Có thể thì bài giảng mới đưa Lời Chúa vào thực tiễn cuộc sống và biến đổi cuộc sống được.

Ơn Khôn Ngoan mang lại ơn chiêm niệm, ơn thần bí, ơn cảm nếm được sự dịu ngọt và khôn ngoan của Thiên Chúa.^[22] Thánh Phaolô đã kể lại việc ngài đã được ơn này như thế nào: không còn biết đến thế giới vật chất này nữa, không còn bị giới hạn bởi không gian và thời gian nữa, “*ở trong thân xác hay ngoài thân xác*” ngài đều không biết^[23]. Cụ già Simêon được ơn này lúc bồng Chúa Hài Nhi trên đôi cánh tay cần cỗi của mình, nhưng mãi nguyện thốt lên “*xin để cho tôi tớ Chúa ra đi bình an, vì mắt tôi đã được nhìn thấy Ơn cứu độ.*” Ta hãy đặc biệt cầu xin ơn này trong đời sống kết hiệp nội tâm với Chúa.

Chính Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các tông đồ dưới hình lưỡi lửa, cho họ nói các thứ tiếng khác nhau, biến đổi họ nên can đảm rao giảng Chúa Kitô Phục Sinh và hôm ấy có khoảng ba ngàn người theo Đạo.^[24] Chúng ta hãy luôn trung thành và ngoan ngoãn nghe theo ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, vì “*chính ơn Chúa Thánh Thần làm cho chúng ta có khả năng thi hành sứ mạng và củng cố chứng tá của chúng ta,*”^[25] nhờ đó mà chúng ta mang lại hoa trái tồn tại, không những cho mình mà cho mọi người: Bác ái, vui mừng, bình an, nhẫn nại, tế nhị, tốt bụng, quảng đại, hòa nhã, trung tín, khiêm tốn, tự chủ và thanh khiết.

Vì tất cả những lẽ đó, thánh Phaolô nhắc đừng làm phiền lòng Chúa Thánh Thần,^[26] đừng dập tắt Thần Khí.^[27] Còn Chúa Giêsu thì khẳng định rằng ai phạm đến Chúa Thánh Thần thì chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau.^[28] Và ĐHY Filoni, Tổng trưởng Bộ Phúc Âm Hóa các Dân Tộc, khuyến khích cởi mở hết sức có thể cho sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần để có thể trả lời cách thích đáng cho những mong đợi của nhân loại. Ngài tuyên bố: “*Ơn gọi trở thành linh mục hay đã là linh mục không phải là một chọn lựa mà mỗi người trong chúng ta đã làm, nhưng đó là một lời mời gọi của chính Chúa mà chúng ta đã chấp nhận và đáp trả bằng tiếng ‘xin vâng’ của chúng ta... Cần thiết phải đi vào tương quan thân mật với Chúa Thánh Thần để các ý định của Chúa trên cuộc đời chúng ta trở nên rõ ràng.*”^[29] Còn ĐTC Phanxicô khuyên: “*Chúa Thánh Thần, hồng ân của Đấng Phục Sinh cư ngụ trong chúng ta, thanh tẩy chúng ta, soi sáng chúng ta, đổi mới chúng ta, biến đổi chúng ta, làm cho chúng ta được thông phần vào chính sự sống của Thiên Chúa... Chúa Thánh Thần dạy chúng ta nhìn bằng đôi mắt của Chúa Kitô, sống cuộc sống của mình như Chúa Kitô đã sống cuộc sống của Người, hiểu cuộc đời như Chúa Kitô đã hiểu... Hãy để Chúa Thánh Thần hướng dẫn chúng ta, nói với tâm hồn chúng ta và cho chúng ta biết Thiên Chúa là tình yêu, Ngài đang chờ đợi chúng ta, Ngài là Cha. Ngài yêu thương chúng ta như một người Cha thật, và chỉ một mình Chúa Thánh Thần nói điều này với tâm hồn chúng ta. Chúng ta hãy nghe Chúa Thánh Thần, hãy lắng nghe Chúa Thánh Thần, và hãy tiến bước trên con đường này của tình yêu, lòng thương xót và tha thứ.*”^[30]

Quả thế, Chúa luôn đổi mới lời mời gọi của Ngài trong từng hoàn cảnh sống của chúng ta, thì chúng ta cũng phải đổi mới luôn lời đáp trả của mình sao cho phù hợp. Chúa Giêsu đã khẳng

định rằng người cha trần thế vốn xấu ác mà còn biết lựa của tốt cho con cái, thì ắt Cha trên trời sẽ ban ân huệ quý giá nhất là Chúa Thánh Thần cho những ai kêu xin Người. Chúng ta càng cầu xin Chúa Thánh Thần đến sửa lại mọi sự trong ngoài đời sống và sứ vụ của mình, đặc biệt trong việc tìm kiếm và xây dựng tình yêu thương hiệp nhất: Xưa trong Cựu Ước, tháp Babel vì ngôn ngữ bất đồng mà thất bại; nay Chúa Thánh Thần ngự xuống cho các tông đồ nói thứ tiếng mà các dân tộc khác nhau đều hiểu được trong tiếng mẹ đẻ của mình, biến đổi họ nên can đảm rao giảng Chúa Kitô Phục Sinh^[31]. Đó là ngôn ngữ của Tình Yêu, vì chỉ có tình yêu của Thánh Thần Thiên Chúa mới có khả năng biến đổi như thế.

3. Linh Mục sống dưới sự bảo trợ của Mẹ Maria

Mẹ Maria được kêu cầu là Mẹ của Hội Thánh và Mẹ của linh mục theo một đường lối đặc biệt, vì khi trên thập giá, vào lúc tột đỉnh của sứ mạng cứu độ nhân loại, Chúa Giêsu đã trao phó Mẹ mình cho Gioan và ký thác Gioan cho Mẹ^[32]: “*Chúng ta cũng hãy đón nhận Mẹ Maria vào trong nhà nội tâm của chức linh mục chúng ta.*”^[33] Được sự che chở và hướng dẫn từ mẫu của Mẹ nâng đỡ và tăng sức mạnh, chúng ta có thể nhìn thấy mọi mối tương quan trong đời sống và sứ vụ linh mục của chúng ta bằng đôi mắt, trái tim và trí não mới, để luôn bước đi trên con đường thánh thiện cần thiết.

Là Linh mục, chúng ta cần tăng cường lòng sùng kính Đức Mẹ. Sự hiện diện từ mẫu của Mẹ luôn là sự nâng đỡ cho chúng ta. Mẹ đã luôn theo sát Chúa Giêsu Con Mẹ, bây giờ Mẹ vẫn tiếp tục đồng hành cùng chúng ta, những Kitô khác. Ngay từ lúc khởi đầu sứ vụ, Đức Chân Phước Gioan Phaolô II đã trao phó mỗi linh mục cho Mẹ và mong muốn rằng mọi linh mục đều trao phó chính mình cho Mẹ, hướng về Mẹ với một tình yêu và niềm hy vọng đặc biệt. Bằng kinh nghiệm của mình, Ngài đã viết lên điều ấy trong bức thư gửi các Linh mục: “*Nguyện xin Đức Maria, Đấng mà tôi mời gọi anh em hãy luôn nuôi dưỡng lòng sùng kính con thảo, đồng hành với anh em và liên li che chở anh em.*” Thánh Maximilianô Maria Kolbê, người yêu mến nồng nàn Đức Maria Vô Nhiễm, viết: “*Khi chúng ta hiến mình cho Mẹ, thì trong tay Mẹ, chúng ta sẽ trở thành khí cụ Thiên Chúa dùng để thi thố lòng thương xót của Người, như chính Mẹ là khí cụ trong tay Thiên Chúa. Vì thế chúng ta hãy để Mẹ hướng dẫn, hãy đưa tay cho Mẹ dắt dìu, hãy sống yên hàn dưới sự dẫn dắt của Mẹ, chính Mẹ sẽ chăm sóc và tiên liệu mọi sự cho chúng ta, sẽ mau mắn cứu giúp, đáp ứng những nhu cầu hồn xác, đẩy lui những khó khăn phiền toái cho chúng ta*”^[34].

ĐTC Biển Đức XVI cũng thôi thúc: “*Tôi khuyên anh em hãy vào trường Đức Maria để học biết yêu thương và bước theo Đức Kitô trên hết mọi sự.*” Thật vậy, trong trường của Mẹ Maria, chúng ta học biết đặt Chúa Kitô vào chỗ nhất và trung tâm trong cuộc đời chúng ta, học để hướng tư tưởng cùng hành động của chúng ta theo Ngài: “*Người bảo gì hãy làm theo.*” Đúng vậy, nơi trường của Mẹ, chúng ta học biết tinh lặng, biết lắng nghe và phục vụ, là những điểm mấu chốt của đời sống người môn đệ. Mẹ Maria sẽ giúp chúng ta tiến sâu vào mối tương quan nhân vị đích thực hơn với Chúa Giêsu, để chúng ta yêu mến Ngài và làm cho Ngài được yêu mến. ĐTC Phanxicô dạy: “*Khi tìm kiếm Đức Kitô, Hội Thánh luôn luôn gõ cửa nhà của Mẹ mình và hỏi: “Xin Mẹ chỉ Chúa Giêsu cho chúng con.” Chính từ Mẹ mà chúng ta học cách làm những môn đệ đích thực. Đó là lý do tại sao Hội Thánh khi ra đi truyền giáo luôn luôn đi theo bước chân của Mẹ Maria*”^[35].

Vâng, qua việc chiêm ngắm và lắng nghe Mẹ Maria, chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh nâng đỡ an ủi hầu tìm lại được nguồn sức mạnh để bước theo Chúa Kitô và phục vụ Ngài trong anh chị em. Chính với tinh thần ấy, ĐTC Biển Đức nói: “*Khi chiêm ngắm Mẹ Maria, chúng ta phải tự hỏi xem chúng ta có muốn mở ra cho Chúa hay không, có muốn dâng hiến cuộc sống chúng ta cho Ngài để trở thành một nơi ở cho Ngài hay không; hay là chúng ta sợ sự hiện diện của Chúa giới hạn tự do của chúng ta, phải chăng chúng ta muốn dành riêng cho mình một phần đời sống để nó chỉ*

thuộc về chúng ta mà thôi? Nhưng chính Thiên Chúa là Đấng giải thoát tự do của chúng ta khỏi sự co cụm vào mình, khỏi sự khát khao quyền lực, chiếm hữu, thống trị, và làm cho nó có khả năng cởi mở với chiều kích làm cho nó được sung mãn trọn nghĩa là hiến thân, yêu thương, phục vụ và chia sẻ.”[36]

Liên quan đến kỷ luật đời sống độc thân linh mục của Giáo Hội Công Giáo đang “*bị thế giới của thời đại chúng ta nghi ngờ giá trị và cho là không thể giữ được*”[37]. Chính thánh Phaolô thú nhận “*có ai trong anh em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối, có ai trong anh em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiếu như đốt?*”[38] Và ĐTC Phanxicô khuyên chúng ta hãy dám cho thấy những yếu đuối của mình để khiêm tốn cậy dựa vào sức Chúa[39]. Đức Phaolô VI cậy dựa đời sống độc thân linh mục vào lòng sùng kính nồng nhiệt và tỏa sáng đối với Mẹ Maria.[40] Lòng đạo đức này của chúng ta sẽ mang chúng ta “*đến nguồn suối của đời sống thiêng liêng đích thực, mà chỉ nó mới là nền tảng vững chắc cho việc giữ luật độc thân.*”[41] Chúng ta đặt chọn lựa độc thân linh mục của mình nơi trái tim Mẹ Maria, và mau mắn chạy đến cùng Mẹ mỗi khi gặp khó khăn, nguy hiểm. Là trinh nữ và là mẹ, Mẹ Maria hiểu rất rõ trái tim chúng ta cần gì, và Mẹ biết làm thế nào để giữ cho chúng ta được trung thành với lời cam kết của mình giữa lòng đời hôm nay sao cho “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*” Chúng ta sẽ tìm được ẩn náu an toàn nơi Mẹ Maria, người Mẹ trên trời của chúng ta. Mẹ sẽ giúp chúng ta thăng hoa trái tim và con mắt, để nhìn thấy Mẹ ở trong và qua những người con gái của Thiên Chúa bao quanh chúng ta. Chúng ta kêu xin Mẹ bảo vệ và biến đổi chúng ta và những người nữ thân thiết với chúng ta, như Thánh Phaolô khuyên Timôtê “*coi các phụ nữ lớn tuổi như mẹ và những người trẻ như chị em*”[42]. Nhờ lời chuyển cầu của Mẹ, Chúa Thánh Thần sẽ gìn giữ sự độc thân trong trắng của chúng ta. Vì thế, Đức Phaolô VI đã khuyên nhủ: “*Anh em hãy hướng con mắt và trái tim, với niềm tin thác được đổi mới và lòng cậy trông con thảo, về Mẹ rất yêu dấu của Chúa Giêsu và Mẹ của Hội Thánh, hãy kêu xin sự cầu bầu vạn năng và hiền mẫu của Mẹ cho chức linh mục Công giáo*”[43] vì “*Linh mục sẽ không thiếu sự chở che, nâng đỡ của Mẹ Chúa Giêsu.*”[44]

Có một việc thật đơn giản nhưng rất quan trọng của lòng sùng kính Mẹ Maria là lần chuỗi mân côi, một bản Phúc Âm tóm tắt.[45] Chúng ta nên giữ sống động thói quen lần chuỗi mân côi của các cha già và hãy khuyến khích giáo dân của mình lần chuỗi, một mình khi đi đường tới trường học, tới công sở, đồng ruộng, chợ búa... hoặc lần chuỗi chung với người khác, theo nhóm hay hội đoàn trong giáo xứ, đặc biệt là lần chuỗi trong gia đình, vì chuỗi mân côi sẽ đốt nóng và làm mạnh thêm mỗi giây ràng buộc giữa các thành viên trong gia đình. Lời cầu nguyện này sẽ giúp chúng ta được mạnh mẽ trong đức tin, bền vững trong đức ái, niềm vui và kiên trì trong niềm hy vọng.

Chúng ta hãy tin tưởng dâng mình cho Mẹ, chạy đến tìm trú ẩn nơi sự che chở dịu dàng từ mẫu của Mẹ. Chính Chân Phước Gioan Phaolô II đã tận hiến cho Mẹ và chia sẻ: “*Suốt cuộc đời tôi, tôi đã cảm nghiệm rõ sự hiện diện đầy yêu thương của Mẹ Chúa chúng ta. Mẹ Maria đồng hành với tôi mọi ngày để giúp tôi chu toàn sứ vụ...*” Xin Mẹ Maria giúp chúng ta biết bắt chước Mẹ: *Fiat*, luôn chấp nhận ý muốn và kế hoạch của Chúa; *Magnificat*, luôn ca ngợi và cảm tạ mọi ơn lành lớn nhỏ Chúa đã ban cho, và *Stabat*, luôn sống nhẫn nại và bền đỗ trong những thách đố và khó khăn của cuộc sống hằng ngày cho đến hơi thở cuối cùng. Amen.

[1] Porta Fidei, 9.

[2] Lc 22, 14-20.

[3] Bộ Giáo sỹ, Linh mục và Thiên niên kỷ Kitô giáo thứ ba.

[4] x. John Paul II, Ecclesia de Eucharistia, số 31.

[5] Presbyterorum Ordinis, số 18; 1 Cor 11,27-29.

[6] Chỉ Nam 1994 số 48.

[7] 2 Cr 12,15.

[8] Cl 1,24.

[9] John Paul II, Ecclesia de Eucharistia, số 34-36.

[10] John Paul II, Ecclesia de Eucharistia, số 1.

[11] Mt 11,28.

[12] 1 Pr 5,7.

[13] John Paul II, Ecclesia de Eucharistia, số 59.

[14] Huấn từ của ĐTC Biển Đức XVI trong Đại Hội Thánh Thể Quốc Tế lần 49.

[15] Ga 14,26.

[16] Lc 12,11-12.

[17] Mt 10,20; Mc 13,11.

[18] Dn 5,24-28.

[19] Trích huấn dụ buổi tiếp kiến ngày 12/2/2011.

[20] Lc 9,59-62.

[21] x. Ga 16, 13.

[22] Tv 33.

[23] x. 2 Cr 12, 2-10.

[24] x. Cv 2,1-41.

[25] Tông thư Cánh Cửa Đức Tin, số 10.

[26] Eph 4,30: Anh em chớ làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa, vì chính Người là dấu ấn ghi trên anh em, để chờ ngày cứu chuộc.

[27] 1 Tx 5,19.

[28] Mt 12,31-32: Vì thế, tôi nói cho các ông hay: mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói phạm đến Thần Khí sẽ chẳng được tha. Ai nói phạm đến Con Người thì được tha; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần sẽ chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau.

[29] Trích Bài giảng lễ của ĐHY Filoni tại Chung viện Owerri ngày 9/11/2012 <http://www.news.va/fr/news/vatican-homelie-de-sem-le-cardinal-filoni-aux-semi>.

[30] Trích bài giáo lý buổi triều yết chung ngày 8/5/2013.

[31] x. Cv 2,1-41.

[32] Ga 19, 26-27.

[33] John Paul II, Thư gửi các linh mục Thứ Năm Tuần Thánh 1988, số 6.

[34] Trích Bài đọc 2 Kinh Sách lễ thánh Maximilianô Maria Kolbê ngày 14/8.

[35] ĐTC Phanxicô đã nói như vậy trong Thánh Lễ ngày 24/7/2013 tại Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ Vô Nhiễm tức là Đền thờ Quốc Gia Aparecida – Ba Tây, dịp đến chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới lần thứ 28.

[36] ĐTC Biển Đức XVI nói trong cuộc hành hương Đền thánh Đức Mẹ Loretto ngày 4/10/2012, nguồn: vietvatican.net.

[37] Một cán bộ hỏi: “Một đêm không ngủ với vợ và làm chuyện ấy, tôi không nhin được, linh mục làm sao?” Tôi lấy chuyện thềm thuốc phiện với người nghiện và người chưa bao giờ hút để so sánh trả lời linh mục cũng không thôi là con người, vẫn bị cám dỗ và vẫn có ham muốn phải chiến đấu cam go. Ông ta bảo là câu trả lời chân thành và chí lý, và ông đã hiểu.

[38] 2 Cr 11,29.

[39] Trích bài giảng lễ ngày 14.6.2013, tại nhà nguyện thánh Máttá.

[40] Paul VI, Sacerdotalis Caelibatus, số 1.

[41] Ibidem, số 75.

[42] x. 1 Tm 5,2.

[43] Paul VI, Sacerdotalis Caelibatus, số 98a.

[44] Ibidem, số 59.

[45] x. Paul VI, Marialis Cultus: The Angelus and the Rosarry.

VỀ MỤC LỤC

THUỐC VỜ

Những viên “thuốc” không có dược liệu chính xác (hoạt chất) , “*vô thường vô phạt*” được gọi là “*Thuốc Vờ*”, “*Giả Dược*”, “*Thuốc Tro*”, tiếng Anh, tiếng Pháp gọi là “*PLACEBO*”.

Trong ngôn ngữ La Tinh, PLACEBO có nghĩa là “*Tôi sẽ hài lòng*”.

Thánh Kinh có lời cầu xin “*Placebo Domino: in regione vivorum - I will please our Lord in the country of the living*” - Tôi sẽ làm hài lòng Chúa.

Về Placebo

Placebo là một hiện tượng khá phức tạp, được nghiên cứu từ nhiều thế kỷ với nhiều tranh luận, bất đồng ý kiến về sự lợi hại và nguyên lý tác động.

Vào hạ bán thế kỷ 18, từ ngữ Placebo xâm nhập ngành y dược. Năm 1787, tự điển Quincy định nghĩa placebo như một phương thức có mục đích làm vui lòng người bệnh hơn là điều trị.

Từ điển y học định nghĩa placebo là bất cứ chất xoàng xĩnh, vô dụng nào đó có hình dạng dược phẩm được trao cho bệnh nhân với giới thiệu là có tác dụng chữa bệnh.

Theo nhiều tác giả, placebo lúc đầu là để chỉ một chất hoặc một phương thức “trơ” (inert), được dùng trong thử nghiệm hoặc trong y khoa học để kiểm chứng công hiệu của một loại dược phẩm hoặc để làm dịu một bệnh.

Khi thử nghiệm, một nhóm người được cho dùng dược phẩm thực, nhóm thứ hai nhận viên tương tự nhưng không có hoạt chất.

Nếu nhóm dùng thuốc có kết quả tốt hơn so với nhóm kia thì thuốc có tác dụng trị bệnh. Người tham gia chương trình đều không biết mình dùng chất gì. Đôi khi chính người điều khiển thử nghiệm cũng không biết.

Thuốc “trơ” được dùng cho những người luôn luôn than phiền đau ốm (bệnh tưởng - hypochondria), luôn luôn đòi hỏi thuốc mà bác sĩ không tìm ra nguyên nhân, triệu chứng.

Hiện nay, hiệu quả placebo được hiểu rộng rãi hơn và **bao gồm tất cả các phương thức được áp dụng để trị bệnh mặc dù từ bản chất chúng không có tác động nào**. Đây có thể là một viên đường, một cục kẹo, một dung dịch nước pha muối, đường, một bữa ăn đặc biệt hoặc một phẫu thuật “cuội”.

Nghiên cứu về placebo

Đã có nhiều nghiên cứu về hiệu quả của thuốc trơ.

Năm 1955, bác sĩ chuyên khoa tê mê Henry K. Beecher tại Đại học Harvard, Boston đã phân tích 26 nghiên cứu về thuốc trơ và thấy 35% trong số 1,082 bệnh nhân bị đau nhức, buồn rầu, đau bụng cho hay là họ thỏa mãn với loại thuốc vô thường vô phạt này. Ông đã công bố kết quả trên Tạp san của Hội Y Học Hoa Kỳ dưới tiêu đề “The Powerful Placebo”, được nhiều người tham khảo, nhắc nhở.

Năm 1960, một nghiên cứu khác cho hay khi bệnh nhân uống một chất được nói là có tác dụng kích thích thì huyết áp của họ lên cao, nhịp tim nhanh. Trái lại khi nói là thuốc ngủ thì có phản ứng ngược lại.

Trên báo The New York Times Magazine ngày 9 tháng 1 năm 2000, tác giả Margaret Talbot đã kể lại kết quả nhiều quan sát về thuốc trơ, trong đó có trường hợp một số bệnh nhân bị viêm ruột già dùng thuốc vờ và 52% bệnh nhân cho biết họ cảm thấy khá hơn.

Hai khoa học gia Asbjorn Hrobjartsson và Peter C. Gotzsche phân tích 114 nghiên cứu từ năm 1946 tới 1998 với ba nhóm người có 40 loại bệnh khác nhau: nhóm 1 chữa bằng thuốc đặc nhiệm cho bệnh, nhóm 2 chữa với chất trơ, nhóm 3 không thuốc không giả dược. Kết quả là nhóm 3 có người cũng lành bệnh như nhóm thứ 2.

Một số nghiên cứu cho hay, người bị nhức đầu, đau lưng, viêm khớp, trầm cảm nói có thể thuyên giảm khi dùng giả dược. Hoặc placebo cũng có thể làm hạ cao huyết áp, nhiệt độ trên da, nhịp tim, cholesterol trong máu.

Ngày 4 tháng 1, 2008, nghiên cứu do bác sĩ John Hickner cho hay 45% bác sĩ tại ba bệnh viện ở Chicago đều cho bệnh nhân dùng giả dược và 95% các bác sĩ cho biết là bệnh nhân thấy dấu hiệu bệnh giảm rất nhiều.

Placebo tác động ra sao?

Nguyên lý chính xác của hiệu quả placebo chưa được biết rõ. Một số giả thuyết cho rằng placebo có tác động sinh hóa và tâm lý.

Descartes (1596 A.D.-1650 A.D.) có nói “I think, there for, I am”- nghĩ sao, là vậy.

Đức Phật Thích Ca (560B.C-480B.C.) cũng nói: “You are what you think, having become what you though”. Tất cả đều từ tâm trí mà ra.

Tương tự như vậy, khi tiếp nhận một phương thức trị liệu nào đó, bệnh nhân đều ở trong tâm trạng “*mong đợi*”(expectation) và hy vọng có một mầu nhiệm giúp họ hết bệnh. Sự trông đợi này có thể thay đổi hành vi của họ, đồng thời cũng có thể tạo ra vài thay đổi sinh hóa học trong cơ thể, giúp giảm triệu chứng bệnh. Và bệnh nhân hài lòng, tương tự như niềm tin “**cầu được, ước thấy**”.

Theo Robert DeLap, Giám đốc Nghiên cứu của Cơ quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA): “**Sự mong chờ là yếu tố rất mạnh**. Càng đặt nhiều tin tưởng vào một trị liệu thì càng thấy trị liệu có vẻ hữu hiệu hơn”.

Sự tin tưởng, hy vọng ở thuốc vờ có thể kích lệ bệnh nhân thay đổi nếp sống, chịu khó chăm sóc sức khỏe, vận động đều đặn, giữ gìn trong sự ăn uống.

Niềm hy vọng khởi cũng thay đổi sự cảm nhận với bệnh. Họ sẽ diễn tả tình trạng bệnh nhẹ hơn. Nói chung, họ sẽ có nhiều ý nghĩ tích cực và ít ý nghĩ tiêu cực.

Tiêu cực khiến người quá ám ảnh, tập trung vào dấu hiệu khó khăn của mình. Trong khi đó, sự tích cực sẽ tạo ra động lực muốn thay đổi, đưa tới thay đổi sinh hóa trong cơ thể, như là tăng chất giảm đau endorphins, tăng khả năng bảo vệ của hệ miễn dịch, giảm chất gây căng corticosteroid. Endorphins mang tín hiệu thần kinh, lưu hành trong máu, tới cơ quan nội tiết, hệ miễn dịch. Các cơ quan này lại sản xuất ra một số hóa chất có tác dụng giảm dấu hiệu bệnh.

Theo nhiều tác giả, phản ứng của người bệnh với thuốc trơ cũng có thể là một phản xạ có điều kiện, **được huấn luyện, theo thói quen**. Trước đây, được cho uống loại thuốc thật thì thấy hết bệnh. Bây giờ cứ thấy có thuốc giống như vậy là đã cảm thấy nhẹ bớt. Phản ứng này tương tự như con chó trong thử nghiệm của khoa học gia người Nga Pavlov: khi cho ăn kèm theo tiếng chuông reo, miệng chó tiết ra nước miếng. Lâu ngày, chỉ nghe tiếng chuông là nước miếng con chó đã tiết ra, dù không có thức ăn.

Tâm lý gia Irving Kirsch, Đại học Connecticut, cho rằng placebo là do “tin tưởng” ở sự điều trị hoặc cảm giác dễ chịu chủ quan khi dùng một chất nào đó.

Giáo sư Michael Jospe nhận thấy rằng khi dán một băng keo có một hình ảnh vui vui lên vết thương của em bé, thì em bé cảm thấy ít đau hơn, dù hình này không có tác dụng trị liệu nào.

Kỹ thuật chụp hình ảnh X-quang não cho thấy sự suy nghĩ và sự tin tưởng không những ảnh hưởng tới tâm trạng mà còn tạo ra sự thay đổi sinh hóa trong não bộ.

Theo nhà nghiên cứu Arthur Shapiro, **placebo có mục đích làm bệnh nhân yên tâm nhiều hơn là trị bệnh** vì:

- Bệnh có thể đột nhiên hết sau khi lên cao điểm, đúng vào lúc dùng giả dược
- Bệnh tăng giảm bất thường, dùng placebo đúng vào lúc bệnh thuyên giảm
- Bệnh khá hơn nhờ khả năng tự chữa qua hệ miễn dịch.

Một bằng chứng là bệnh cảm cúm nhiều khi không cần thuốc men mà chỉ cần nghỉ ngơi mười ngày cũng hết. Trong bệnh ban đỏ lupus, có nhiều thời kỳ bệnh thuyên giảm dù có dùng thuốc hay không.

Có nhiều người, chỉ mới gặp bác sĩ gia đình thân quen đã cảm thấy dễ chịu, vì họ tin tưởng ở vị lương y này. Chỉ với một cử chỉ vỗ về thân thiện, một lời nói an ủi của bác sĩ đôi khi cũng làm bệnh khá hơn vì làm giảm lo âu, khó khăn của người bệnh.

Phẫu thuật “vờ”

Ngoài thuốc vờ, còn có phẫu thuật trị liệu vờ (Sham surgery).

Cách đây hơn 40 năm, bác sĩ chuyên khoa tim Leonard Cobb tại Seattle thực hiện thử nghiệm rạch lồng ngực, nối hai động mạch để tăng máu tới tim. Kết quả là 90% bệnh nhân cho hay bớt đau ngực. Trong khi đó, một số bệnh nhân chỉ được rạch ngực mà không nối động mạch cũng cảm thấy bớt bệnh.

Áp dụng thực tế

Một câu hỏi được nêu ra là nếu placebo hữu hiệu thì tại sao các bác sĩ không áp dụng trong trị liệu. Và khi nào bác sĩ có thể cho rằng placebo là phương thức trị liệu tốt cho bệnh nhân?

Thực tế ra, ngày nay, vô tình hoặc hữu ý, nhiều bác sĩ cũng dùng placebo để trị bệnh. Chẳng hạn, họ cho bệnh nhân bị cảm cúm uống kháng sinh, dù họ biết là kháng sinh không có tác dụng tiêu diệt virus. Có phải vì trong lời thề Hippocrates có ghi thầy thuốc “sẽ áp dụng tất cả kiến thức hiện có vào phương thức trị liệu tốt nhất đối với bệnh nhân”.

Một triết gia Pháp viết “Nghệ thuật trị bệnh là làm vui lòng bệnh nhân để thiên nhiên chữa dứt bệnh”. Nhận xét này có liên hệ gì tới placebo không? Liệu có hợp lý khi y giới cho bệnh nhân một loại thuốc biết chắc là không công hiệu.

Hiệu quả thuốc vờ thay đổi theo một vài hoàn cảnh:

- Thường thường, viên thuốc vờ lớn công hiệu hơn viên cùng loại nhưng nhỏ; viên màu hồng màu đỏ mạnh hơn viên màu xanh; uống hai ba viên một lúc có hiệu quả hơn là uống một viên.
- Thuốc chích hữu hiệu hơn thuốc uống.

- Thái độ của bệnh nhân: lòng tin tưởng, sự tự nguyện và hy vọng có kết quả tốt khiến cho hiệu năng placebo cao hơn.
- Tương quan bác sĩ - bệnh nhân: tin tưởng ở thầy thì bệnh nhân mau khỏi (phúc chủ lộc thầy), bác sĩ cho thuốc thì tốt hơn là do người thường cho.

Ý kiến khác biệt

Hiệu quả placebo cũng nhận nhiều phản bác.

- Sử gia tôn giáo Lawrence Sullivan, Harvard Divinity School, có ý kiến rằng placebo là thùng rác độc hại mà không ai muốn nhận. Ngay cả các "lang băm" cũng cảm thấy bị nhục mạ khi có người nói "tài ba" trị bệnh của họ là do hiệu quả của thuốc vờ.
- Kết quả nghiên cứu của Asbjorn Hrobjartsson và Peter C. Gotzsche, Đan Mạch, công bố trên The New England Journal of Medicine tháng 5 năm 2001 cho hay có rất ít bằng chứng là placebo có tác dụng trị bệnh. Đi xa hơn, giáo sư Hrobjartsson còn kết luận rằng hiệu quả placebo được công bố đều có một nhầm lẫn nào đó trong phương thức nghiên cứu vì số người được thử nghiệm quá ít và nhiều khi bệnh nhân trả lời cho vui lòng nhà nghiên cứu.
- Có thắc mắc rằng hiệu quả placebo liệu còn tồn tại nếu liều lượng thuốc vờ tăng hoặc giảm, nếu dùng trong thời gian lâu ngày hoặc nếu nói cho người bệnh biết là họ đang dùng thuốc vờ.

Kết luận

Do đó, nhiều nhà chuyên môn không đồng ý việc bác sĩ dùng thuốc vờ để trị bệnh. Theo họ, làm như vậy là lừa dối bệnh nhân, chẳng khác chi ta khuyến khích người trồng nho cho rượu giả vào chai, nhà báo tường thuật nhẹ hơn về một vấn đề thời sự quan trọng.

Hội Y Học Hoa Kỳ (AMA) khuyến cáo là các bác sĩ chỉ cho dùng giả dược khi bệnh nhân biết và đồng ý, chứ không nên dùng để xoa dịu bệnh nhân.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

MÈO 2 - CHUYỆN PHIÊM CỦA GÃ SIÊU.

Mèo, miêu hay mèo đó là một loại thú nhỏ thuộc giống ăn thịt, lông mềm, râu trắng, cứng và cử động được, vầu bén, mình nhẹ, leo giỏi và có tài bắt chuột. Có lẽ chính nhờ tài bắt chuột mà mèo được nhiều người, nhất là nông dân ưu ái nuôi ở trong nhà. Đối với lũ chuột thì mèo chính là đại vương sư tử. Người tâu thì bảo: Sát nhất miêu, cứu vạn thử. Nghĩa là giết được một con mèo thì cứu được vạn con chuột. Còn người tây thì nói: Absent le chat, les souris dansent. Đã có lần gã quan sát khi chuột thấy mèo thì hình như tứ chi bị tê liệt, co rúm và bắt nhóc nhách. Mặc dù mèo có làm ngơ, ngoảnh mặt đi, thì chuột cũng không thể chạy thoát khỏi móng vuốt của mèo. Hồi còn bé, gã được học về một câu chuyện ngụ ngôn mang tựa đề là “Hội đồng chuột”. Câu chuyện ấy đại khái như thế này:

Họ hàng nhà chuột, sau một cuộc kiểm tra hộ khẩu, thấy dân số bị sút giảm trầm trọng, khả dĩ đi tới chỗ tuyệt chủng. Thế là họ hàng nhà chuột bèn vội vã tổ chức đại hội bất thường, sớm hơn định kỳ để tìm phương thế cứu vãn tình hình. Trong cuộc đại hội này, vì sự sống còn của dòng tộc, tất cả từ chuột già đến chuột trẻ, từ chuột đực đến chuột cái, đều tích cực và hăng hái góp ý kiến. Những ý kiến này được ghi nhận, bàn bạc và thảo luận. Cuối cùng, ý kiến được coi là tuyệt vời nhất và được toàn thể hội nghị vỗ tay tán đồng, đó là tìm cách cột một chiếc chuông nhỏ vào cổ mèo. Hễ mèo đi tới đâu, chiếc chuông sẽ phát ra những tiếng leng keng báo động để họ hàng nhà chuột có đủ thời gian di tản chiến thuật, rút vào những nơi bảo đảm và an toàn nhất. Mọi chuột đều nhất trí và đồng ý với kế sách này. Thế nhưng khi hỏi xem có ai sẵn sàng đăng ký thực hiện, thì chẳng một chuột nào dám ghi tên. Và thế là từ chuột già đến chuột trẻ, từ chuột đực đến chuột cái, tất cả đều yên lặng rút lui có trật tự. Thậm chí cho tới ngày hôm nay, mèo vẫn còn là một tai họa to lớn cho dòng họ nhà chuột.

Câu chuyện này làm cho gã băn khoăn, bởi vì trong đời thường, rất nhiều kẻ và ngay chính bản thân gã cũng giống như loài chuột bởi vì mình nói thì nhiều mà làm chẳng được bao nhiêu. Nói thì đao to búa lớn, còn làm thì chỉ như cây tằm. Thậm chí trăm voi chưa chắc đã được một bát nước xáo.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tại Việt Nam dòng họ nhà chuột khắp khởi mừng thầm, bởi vì dân bọm nhậu Việt Nam và Trung Quốc rất khoái món thịt mèo, được kê theo thực đơn nhà hàng là món “tiểu hổ”. Những tay lái buôn lòng sục khắp hang cùng ngõ hẻm để tìm mua mèo. Mèo mua về được bán cho các nhà hàng, khách sạn và nhất là được xuất khẩu sang Trung quốc. Thế là dòng họ nhà chuột phát triển theo cấp số nhân. Vì không còn mèo giám sát và canh chừng, nên dòng họ nhà chuột tha hồ, mặc sức đục khoét mọi kho lẫm. Và chuột bỗng trở thành một quốc nạn làm cho chính phủ phải lo lắng và ra tay can thiệp bằng cách trừng trị đích đáng những tay lái...mèo. Không hiểu thiên hạ chế biến món thịt mèo ra sao. Chứ người dân quê, chỉ cần một mớ rau má đem nấu hay xào với thịt mèo, thì đã là tuyệt vời. Nhất là ruột mèo vừa trắng lại vừa giòn quả là hết ý.

Từ cái tài bắt chuột, mà mèo bỗng được nhảy tót vào lãnh vực chính trị chính em. Bởi vì nếu gã không làm, thì một vị chính khách cỡ bự, thuộc hàng đầu của Trung quốc, đó là ông Đặng Tiểu Bình, đã lấy mèo làm biểu tượng cho đường lối của mình khi tuyên bố: Mèo trắng, mèo đen không hệ gì, miễn là bắt chuột. Phải chăng lời phán dạy này đã khai đường dẫn lối cho chính sách mở cửa, tự do kinh doanh, ngoại quốc đầu tư... miễn sao làm cho dân được giàu và nước được mạnh?

Được ưu ái nuôi ở trong nhà, nên mèo rất gần gũi với người bình dân, đồng thời cũng đã đi vào nếp sống và kinh nghiệm đời thường. Thực vậy, mèo vốn là dấu chỉ của sự xui xẻo và xúi

quầy: Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang. Bởi đó mấy anh lơ thường không cho hành khách mang mèo lên xe đò, kéo gập sự chẳng lành trong suốt cuộc hành trình của mình.

Rồi mỗi khi tự khen về những thành công và ưu điểm của mình, thì liền bị những kẻ thói mồm kê ngay tú đứng vào miệng: Rõ thật, mèo khen mèo dài đuôi. Câu kê tú đứng này còn nặng hơn cả câu: Mẹ hát con khen hay. Hoặc câu: Lươn ngắn lại chê trạch dài, thồn bơn méo miệng chê trai lếch mồm.

Với tuổi đời chồng chất, chúng ta thu tích được một mớ kinh nghiệm, thế nhưng nếu lỡ biến chúng thành những kinh nghiệm...sống sượng bởi những ý đồ đen tối, thì chúng ta lập tức trở nên giống mèo, bởi vì: Mèo già hóa cáo, cáo già hóa chằng tinh. Liệu chúng ta đã trở nên “cáo già” hay “chằng tinh” chưa?

Thỉnh thoảng một đôi khi trong cuộc sống, chúng ta được vận may thăm viếng hay thần tài gõ cửa vào giữa lúc nghiệt ngã nhất. Thiên hạ không ngại liệt chúng ta vào hàng mèo, bởi vì lúc bấy giờ mắt chúng ta sáng rực như “mèo thấy mỡ” và thiên hạ sẽ không ngần ngại gọi chúng ta là “mèo mù vớ cá rán”. Và sau cùng, mèo hiền, mèo ngoan thường được yêu thương, chẳng ai nỡ đánh đập nó, như tục ngữ đã bảo: Mèo lành ai nỡ xách tai, gái hư chồng để khoe tài nổi chi. Trong đời thường, hình như mối liên hệ giữa mèo và những người bạn sống quanh nó không được tốt đẹp cho lắm.

Trước hết là mối liên hệ với chuột. Như chúng ta đã thấy, hình như sự thù ghét chuột đã in sâu vào bản tính của mèo. Vì thế, hễ gặp chuột là mèo liền xơi tái, chẳng chút xót thương. Còn họ hàng nhà chuột, vốn ý thức thân phận nhược tiểu và yếu kém của mình, nên theo sự diễn tả của người bình dân, luôn tỏ ra biết điều và lễ độ: Bốn con chuột đưa xác con mèo, tò te tò tì tí tí te.

Tiếp đến là mối liên hệ với chó. Mèo ghét chuột thế nào, thì có lẽ chó cũng ghét mèo như thế. Nhà gã nhiều chuột, định nuôi vài con mèo cho bớt sự phá phách. Thế nhưng hễ xin được mèo con nào, nếu không canh giữ cẩn thận, thì liền bị chó cắn chết. Đang đêm mà nghe thấy mèo tru lên hai ba tiếng, thì thế nào sáng hôm sau cũng thấy mèo con phơi xác trên trận địa. Vì thế người Pháp đã bảo: Vivre comme le chien et le chat. Nghĩa là yêu nhau cũng thế như chó với mèo. Tuy nhiên một đôi lúc chúng ta cũng thấy mèo và chó sống chung hòa bình với nhau. Có những tay săn ảnh tình cờ chụp được những bức hình mèo ngủ yên trong vòng tay yêu thương của chó.

Xét về những đặc tính của mèo, gã ghi nhận mấy điều sau đây. Trước hết mèo có nhân đức “sạch sẽ”, bởi vì mỗi khi phóng uế, mèo đều vùi dấu thật kỹ, chứ không phóng uế một cách bừa bãi, thiếu văn hóa như nhiều người. Vì sạch sẽ mà vùi dấu, thế nhưng chính vì sự vùi dấu này mà mèo lại trở thành biểu tượng cho sự thiếu ngay thẳng, bởi vì thiên hạ thường bảo: Lám la lám lét như mèo dấu cứt!

Có lẽ vì phải thức đêm bắt chuột, mà suốt ngày mèo nằm ngủ li bì. Với sự nằm ngủ li bì như thế, mèo bị mang tiếng là lười biếng, lười đến độ chảy thây chảy xác, đồng thời tượng trưng cho những kẻ chệnh mảng, bôi bác, qua loa, đại khái, bởi vì họ làm như mèo rửa hay như mèo rửa mặt. Thực vậy, mèo tuy có nhân đức “sạch sẽ” nhưng lại rất sợ nước. Vì thế, để rửa mặt, mèo thường liếm vào bàn chân rồi đưa lên và quẹt quẹt vào mặt, giống như gã hồi còn nhỏ. Phải, hồi còn nhỏ, mỗi khi trời trở lạnh, gã rất thích nằm ngủ nướng, cuộn mình trong chăn sượng rên méo đầu hiu. Mẹ đánh thức như gọi đò sang sông, thế mà gã chỉ ú ớ: Từ từ cái đã. Khi mở được cặp mi nặng trĩu, thì đã sáng bạch, thiếu điều ông mặt trời chiếu xỏ vào lỗ mũi. Và thế là phải ù té gập gáp làm một số những công việc cần thiết, như: đi đá lấy nước súc miệng đánh răng! Thấy vậy, bao giờ mẹ gã cũng mỉm cười và bảo: Con làm cứ như mèo rửa mặt vậy.

Một đặc tính khác của mèo là thích được vuốt ve, mơn trớn và chiều chuộng. Gã nuôi một con mèo, ban sáng ngủ dậy, vừa ngồi vào ghế, thế nào nó cũng đến và cạ vào chân gã. Cạ một vài lần mà không thấy gã nhúc nhích hay động tĩnh gì, thì thế nào nó cũng cấn nhẹ vào chân gã, khiến gã đau điếng. Vì thế, nhiều hôm vừa mới bán xong liều thuốc Lào, mà theo dân ghềnh thì điều quan trọng nhất trong ngày, chính là điều đầu tiên ban sáng, chắc chắn thế nào cũng...phê. Đang thả hồn theo khói thuốc, cũng phải cố gắng đá nhẹ cho nó một phát thì nó mới chịu để cho gã được yên.

Ngoài ra mèo còn mắc phải một thói xấu khác là thích ăn vụng. Gã nhớ hồi còn bé, mỗi lần bố gã dọn tiệc hay chị gã dọn cơm, thế nào gã cũng được phân công canh chừng, để đuổi ruồi và trông mèo. Có lẽ vì thích ăn vụng và thích được vuốt ve mà mèo được dùng để chỉ...bồ nhí. Tiếng Việt Nam thật là phong phú. Có người yêu thì hoàn toàn khác với có bồ nhí hay có...mèo. Bởi vì có người yêu thường phải công khai và hợp pháp. Trong khi đó có bồ nhí hay có mèo bao giờ cũng phi pháp và thầm lén vụng trộm. Gã thành thật "khẩu phục tâm phục" những đấng đờn ông, vợ con đề huề, thế mà còn can đảm đeo bông thêm tí bồ nhí. Vừa hao tiền tốn bạc, vừa mất thời giờ và chỉ tội đau lưng. Còn địa vị và sự nghiệp thì dễ dàng đi đoong, một sớm một chiều thân bại danh liệt chóng như trở bàn tay. Chiều được một cô bồ nhí quả là một nghệ thuật. Bởi vì cũng giống như mèo, cô bồ nhí nào mà chẳng thích được vuốt ve, cưng chiều. Cô bồ nhí nào mà chẳng hay hờn, hay dỗi, hay nhõng nhẽo và hay đồng danh. Biết vậy thế mà khối anh đờn ông vẫn cứ nhào vô như con thiêu thân lao đầu vào lửa.

Ngoài ra, thiên hạ còn thích dùng hình ảnh mèo để so sánh với con gái, bởi vì giữa mèo và con gái có nhiều điểm giống nhau.

Điểm thứ nhất giống nhau đó là cái khoản ăn. Mèo ăn ít mà con gái cũng ăn ít, vì vậy người đời mới bảo: Nam thực như hổ, nữ thực như miu. Nghĩa là đờn ông con giai thì ăn nhiều như hổ, còn đờn bà con gái thì ăn ít như mèo. Ấy là thiên hạ tự giới hạn vào việc ăn chính thức trong bữa cơm, chứ còn ăn lai rai trong ngày hay ăn hàng với đủ thứ quà vật thì khác. Đem cộng và cân tất cả mọi thứ quà vật này vào thì chưa chắc mèo nào thắng mèo nào, vì đờn bà con gái vốn là chúa ăn vặt cơ mà: Đi chợ mất tám tiền quà, chồng thương chồng bảo về nhà đỡ cơm!

Điểm thứ hai giống nhau, đó là chuyện không và có. Con mèo ngoáy đuôi bên trái thì sẽ nhảy qua bên phải, cũng vậy con gái bảo có thì chắc chắn là không, bảo không thì chắc chắn lại là có, như một bài hát của Ngọc Lễ: Con gái nói một là hai, nói hai là một, con gái nói ghét là thương, nói thương là ghét. Vì thế, đừng nghe những gì con gái nói!

Điểm thứ ba giống nhau. Đó là về thái độ hiền và dữ. Thực vậy, mèo thật hiền lành khi nó nằm dài ngủ yên, khi nó cạ nhẹ vào chân mình. Thế nhưng mèo cũng thật dữ dằn khi nó nhe răng gầm gừ và giơ móng nhọn chiến đấu với chó, hay vồ chuột nhanh như chớp. Con gái cũng vậy, bình thường thì nhỏ nhẹ dễ thương và dễ mến, nhất là khi cô nường nhõng nhẽo hay mần duyên. Thế nhưng một khi đã nổi cơn tam bành vì bị chạm tự ái hay bị phỗng tay trên mất mối lợi, thì phải biết. Đang là một cô em bác kỳ nhỏ nhỏ bỗng hóa kiếp thành một bà chẳng lửa, chửi đến nơi đến chốn, chửi có bài có bản, chửi có cung có điệu, tay chân thì múa may quay cuồng thiếu điều lăn xả vào người ta như muốn ăn tươi nuốt sống vậy.

Tuy nhiên, có một điều hoàn toàn khác biệt giữa mèo và con gái, đó là mèo thì luôn có râu, bất kể là mèo đực hay mèo cái. Còn đờn bà con gái thì lại chẳng có râu. Họa lắm mới có. Và nếu có, thì quả là hết nước nói.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sứ USA